

Tây Hồ  
PHAN CHU TRINH

TRUNG KỲ  
DÂN BIÊN  
THỊ MẠT KÝ

LÊ ẤM • NGUYỄN Q. THẮNG  
*chú dịch và giới thiệu*

PHỦ QUỐC VỤ KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN HÓA  
XUẤT BẢN

**TRUNG KÌ DÂN BIẾN  
THÌ MẬT KÍ**

Đinh  
Hilbert

---

2006

中圻民變始末記

Tây-Hồ  
PHAN CHU TRINH

**TRUNG KÌ DÂN BIÊN  
THI MẠT KÌ**

Lê Âm, Nguyễn Q. Thăng  
*chủ dịch và giới thiệu*

PHỦ QUỐC VỤ KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN HÓA XUẤT BẢN  
1973

**Những bài ghi  
về  
đầu đuôi phong trào  
dân biến  
ở  
Trung Kỳ**



Tây-Hồ PHAN CHÂU TRINH

## *Dẫn Nhập*

Từ trước đến nay hễ nói đến phong trào Duy tân, nhiều nhà nghiên cứu thường lẫn lộn phong trào Đông du và Duy tân <sup>1</sup> nhất là Đông-Kinh nghĩa thực được xem như những phong trào riêng biệt. Sự thật thì đó chỉ là MỘT PHONG TRÀO được áp dụng tại hai thị điểm có những sinh hoạt khác nhau. Một ở thành phố lớn, một ở tỉnh lẻ. Lí do đó được chứng minh bởi việc Phan Chu Trinh năm 1906 ở Nhật-Bản về, rời ra Hà-Nội cùng các đồng chí thành lập trường Đông-Kinh nghĩa thực theo chủ ý đã dự định từ khi họ mật hội tại nhà Nguyễn Thành năm 1904. Phạm vi hoạt động của phong trào Duy tân rất rộng rãi, ngoài các hội nông, hội thương, hội học, các buổi diễn thuyết công cộng. Nhất là những bài ca, bài vè được phổ biến rất rộng trong quần chúng thiếu học khắp nơi. Những cơ sở của phong trào được tổ chức rải rác ở khắp miền quê tỉnh

---

1. Đây chỉ nhìn một cách khái quát. Sự thật thì hai phong trào trên có nhiều điểm phức tạp và đặc thù, vì các nhà lãnh đạo có nhiều liên lạc mật thiết với nhau như Phan Bội Châu đã từng nói: « Tương phản nhi tương hành ».

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THỊ MẠT KÍ

Quảng-Nam có một qui mô rõ rệt. Các sự kiện trên được tổ chức theo những điều kiện họ đã vạch ra và thực hành tại các nghĩa thực ở Quảng-Nam một thời gian tương đối ngắn (1903-1908), nhưng đã có một tiếng vang lớn đề đến năm 1907 Phan Chu Trinh ra Hà-Nội cùng các thân sĩ Lương văn Can, Nguyễn Quyền... lập trường Đông-Kinh nghĩa thực tại Hà-Nội. Do vậy, trường Đông-Kinh nghĩa thực chỉ là một chi nhánh của một phong trào lớn nhằm làm mới xã hội và con người.

Về phương diện lý thuyết, cơ cấu tổ chức phần lớn do Phan Chu Trinh, Trần Qui Cáp, Huỳnh Thúc Kháng đảm trách. Còn việc thực hành, sắp đặt mọi công việc đem ra áp dụng thì mỗi xã, mỗi huyện đều do người ở địa phương ấy quản lãnh.

Người nổi danh nhất về công tác thực hành của phong trào Duy tân ở Quảng-Nam thuở ấy là Lê Cơ. Lê Cơ chỉ là một viên lý trưởng, nhưng là một viên lý trưởng có khả năng làm việc, biết canh tân công việc trong một vùng rừng núi thiếu hẳn phương tiện. « Sự nghiệp » của viên lý trưởng này được Huỳnh Thúc Kháng mô tả :

*« Ông LÊ CƠ (...) lo công việc, sắp đặt trong làng, gập lúc phong trào tân học. Trong lúc bấy giờ (1905-1906) (...) trong tỉnh lại có phong trào cõ động công, thương các nghề. Ông là con nhà có cậu với cụ PHAN CHU TRINH nên biết việc cải cách là cần thực hiện. Trong làng, lập trường học, rước thầy dạy quốc ngữ (...) cho trẻ con trong làng học, ít lâu lại thêm một trường nữ học nữa (nữ học ở trong tỉnh Quảng-Nam về mấy phủ huyện trong, trường Phú-Lâm là đầu tiên). Đồng thời trong làng lại chung mở vườn trồng quế, lập cuộc buôn, dựng lò rèn (rèn đồ nông khí), lập cuộc bảo hiểm, phòng kẻ trộm cướp (...) Ông ta lập một cuộc buôn con con, mua giấy bút bán cho học*

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

*trò, cùng mắm muối bán cho dân cây, như một cái quán trong nhà Quê»<sup>1</sup>.*

Các cơ sở trên, không những ở làng Phú-Lâm<sup>2</sup> mà rải rác ở các địa phương trong tỉnh đều có (xem bản dịch). Sau đó (1905) Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp mới đi quan sát tình hình tại các cơ sở (cả miền Nam Trung). Đây là lần đầu tiên các nhà Duy tân có một phương pháp làm việc mới mẻ, bằng cách nhận xét tại chỗ. Cả ba lên đường « vào Nam »; khi đến Bình-Định gặp kì thi họ tìm cách mạo danh vào ứng thí. Phan Chu Trinh làm bài thơ « Chi thành thông thánh », Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp làm bài phú « Lương ngọc danh sơn » (xem bản dịch), phát biểu tư tưởng cách mạng, chống thái độ « vào luồn ra cúi » của giới quan lại; nhất là bài xích cái học khoa cử. Hai văn phẩm tuy làm bằng Hán văn, nhưng sau đó cả Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp đều dịch sang Việt ngữ nên phần lớn dân chúng đều được thưởng thức (tôi nói phần lớn vì gần đây vẫn còn nhiều người cao niên thuộc lòng. Bản dịch sau đây là do một vị lão thành đọc lại).

Bài xích khoa cử, chống đối Hán học (phần sai lầm) nhưng không phải bài xích, chống đối tất cả hoặc chối bỏ cái tinh hoa Hán học. Ở đây phong trào không quá cuồng nhiệt, không vứt bỏ tất cả, mà chủ trương tiếp thụ cái mới, cái hay và chấn hưng, phát huy tinh hoa Cổ học, nhất là đề cao chức năng CHỮ QUỐC NGỮ. Họ quan niệm thứ chữ ấy là hồn thiêng đất nước, là tinh hoa dân tộc, có nó xã hội sẽ tiến bộ thêm dưới ánh sáng mặt trời giữa thế kỉ 20. Nó sẽ là một thứ khí giới sắc

1. Tiếng Dân 17-8-1932. Huỳnh Thúc Kháng.

2. Làng của Lê Cơ Phan Chu Trinh: nơi có nghĩa thực Phú-Lâm.

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÌ MẠT KÍ

bén, giúp con người ý thức được cái hư hèn của mình và thấy được cái hay, cái đẹp của người mà học hỏi theo dõi. Có như vậy dân tộc sẽ trở nên tiến bộ, mới gọi là « Người » thì xã hội có lo chi không có ngày phú cường, phồn vinh.

*« Chừ quốc ngữ là hồn trong nước,  
Phải đem ra tinh trước dân ta.  
Sách Âu, Mỹ, sách Chi-Na,  
Chừ kia chừ nọ dịch ra lỗ trường.  
Nông, công, cò tram đường cũng thế,  
Họp bày nhau thì dè toan lo.  
Á, Âu chung lại một lò,  
Đúc nên tư cách mới cho rằng « người »<sup>1</sup>.*

[CHIÊU HỒN NƯỚC]

Với những câu ca ngắn, những bài vè khuyên theo mới bỏ cũ, hoặc những buổi diễn thuyết công cộng. Nơi đây không phải là chốn đề tranh ngôi thứ xôi thịt ở đình làng. Mà họ đến đó để nghe các ý niệm mới mẻ, với những danh từ tự bao giờ đến bây giờ chưa từng nghe thấy.

*« Chương tự lập vang đình diễn thuyết  
Trống hoan nghênh đội bè Đông-Dương »<sup>2</sup>*

[CHIÊU HỒN NƯỚC]

Chứ không thể nào chui rúc trong cảnh tối tăm của cường quyền.

*« Sao ta cứ giữ dũ man quen thói,  
Đem thân nỏ mà lòn lỏi dưới cường quyền »<sup>3</sup>*

[KHUYẾN CON ĐI HỌC]

---

1. 2. và 3. Trần Quí Cáp, Huỳnh Thúc Kháng.

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

Không những họ chỉ hò hào về một họ môn nào, mà chương trình của họ có một tầm mức rộng lớn bao gồm nhiều khía cạnh, chiều hướng với các bài ca hội nông, hội thương, khuyến học chữ quốc ngữ, chữ Pháp, mặc đồ tây, cúp tóc...

Từ :

*« Bỏ bạc tiền ra để buôn chung  
Người có của kẻ có công,  
Xúm nhau lại cùng đem lòng thán ái.  
Hiệp bãi cát gày nên non Thái,  
Hiệp ngàn giòng nên cái biển Đông. »*

(HIỆP THƯƠNG CA)

Hay, sau buổi cây bira, lạt nước ; người nông dân thấy tâm hồn mình thanh thoi.

*« Hoạch chân dựa lấy chuỗi cây  
Vỗ tay hát khúc Nam-Sơn, ít cũng thú !  
Nói chỉ nữa đến ngày hoa vụ,  
Gà lợn, cu quay, xôi vò, rượu hũ,  
Vui cùng nhau ăn cơm mới nói chuyện xưa. »*

(NÔNG TRẠI CA)

Cho đến :

*« Con người thế cũng thông minh  
Bận quần, bận áo không đình, không tà  
Đàn ông may kiêu sơ ma (chemise)  
Lại thêm cò lật... »<sup>1</sup>*

---

1. Hát Nhơn ngữ : một loại nam nữ đối ca rất thịnh hành ở Quảng-Nam.

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÍ MẠT KÌ

Hoặc, trong những đêm hò khoan hát hồ trai gái trao đổi nhau về những sự thay đổi mới mẻ này :

« *Chường ! Cha chả là chường !  
Dị ! Cha chả lạ đời.  
Đẻ ! cũng không phải đẻ ?  
Nằm nơi ! cũng không phải nằm ?  
Hèn chi, mà xua rày vãng tịch biệt lăm.  
Lơ lơ lửng lửng như tấm xa dầu !  
Cớ làm sao anh lại cúp cái đầu  
..... »<sup>1</sup>*

Vì

« *Dị ! cũng không phải dị !  
Chường ! cũng không phải chường !  
Bởi vì anh muốn sướng,  
Cho nên anh mới cúp cái đầu,  
.....  
Ai ai cũng cúp cái đầu cho xinh.  
Từ Tam-Kì cho chí ngoài Kinh (Huế)  
Ai ai cũng cúp như mình thậm sang*

Các cơ sở văn hóa, nông trường nghiệp trên được thực hiện một cách có qui củ, và đã có một kết quả khả quan ở các thí điểm rải rác khắp nơi. Công trình ấy được các nhà lãnh đạo hết lòng cổ vũ, tán dương.

« .....  
*Mình thay mấy kẻ đồng tâm  
Thăng-Bình là phủ, Phú-Lâm là làng  
Nợ thương cuộc, nợ học đường,  
Này cơ bảo hiểm, này phượng quốc viên*

1. Hát Nhon ngãi : một loại nam nữ đối ca rất thịnh hành ở Quảng-Nam.

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

*Trong hương sự mười phần chân chính,  
Cùng nhân tâm hoán lĩnh một hồi  
. . . . . 1 »*

Công trình ấy được thể hiện một cách rất sinh động, và được các giáo viên làm tài liệu giảng dạy cho học sinh. Chẳng hạn bài ca chúc các cơ sở Duy tân ở ngay thi điền Phú-Lâm của Huỳnh Thúc Kháng :

*« Người trong Đông Á rõ ràng  
Một giọng một giống Hồng-Bàng là đây  
Nay biết đời quê ngày, tục cũ,  
Hiệp cùng nhau chung của mà buôn.  
Đuổi theo tân hoá bốn chón,  
Thời hư ta bỏ, tri khôn ta bày.  
Chúng tôi vui thấy hội này,  
Mở lời kính chúc quý thầy đời câu :  
MỘT : chúc thương cuộc dặng lâu.  
Lợi quyền giữ lại của mình (?) hầu sanh.  
HAI : chúc học hành cho giỏi.  
Theo người hay tìm tôi cho nên.  
BA : chúc cái lòng cho bền,  
Ai ai cũng quyết đứng lên vũ đài.  
BỐN : chúc đạo khai dân trí,  
Dạy con em nghĩa li cho mình.  
NĂM : chúc khuyến dụ người mình,  
Bỏ câu thành bại mới nên việc đời.  
SÁU : chúc khuyến người trong nước,  
Khuyến anh em sau trước gần xa*

---

1. Huỳnh Thúc Kháng.

## TRUNG KỲ DÂN BIẾN THỊ MẠT KỲ

*BẢY*: chúc thông nước thông nhà  
Ta là dân nước, nước là nhà ta.

*TÁM*: chúc bước qua đường sũng,  
Mở mang ra tỏ rạng lễ công.

*CHÍN*: chúc người trước tâm đồng,  
Người hay tri xảo gánh gồng giang sơn.

*MƯỜI*: chúc chớ sờn tâm chí  
Hiệp bàng nhau mà thủ tâm chơi.

Lê hai mươi triệu con người,  
Đồng lòng để có thua người nước mới.

Các hội nông, hội thương, hội học... là những phần nhỏ cuộc cách mạng chung (Duy tân) để đến năm 1908 có cuộc đại biểu tình bất bạo động; mà những người tham dự đều hơi tóc ngắn, ùn ùn từ các miền hẻo lánh, từng đoàn kéo đến toà tỉnh.

Hiện tượng những đoàn người đông đến hàng ngàn, đầu hớt ngắn, quần áo rách rưới kéo đến tỉnh lỵ đòi giảm sưu bớt thuế năm 1908 có lẽ là một cuộc biểu tình vĩ đại đầu tiên trong lịch sử cách mạng Việt-Nam. Các cuộc biểu tình ấy, không phải chỉ thuần của hạng nông dân nghèo khổ, mà còn có một số lớn các nhà khoa bảng, phú hào ở thôn quê tham dự. Từ đó phong trào vùn vụt lan tới các vùng lân cận và hầu hết các tỉnh miền Trung đều hưởng ứng phong trào xin sưu giảm thuế. Do đó, « chính quyền bảo hộ » đã phải dùng bạo lực rất tàn ác mới dẹp tan được. Cả miền Trung dân chúng từng đoàn lũ lượt kéo đến các Nha, Phủ, Toà sứ đưa yêu sách và có khi họ bắt những viên quan tàn ác có nhiều nợ máu với nhân dân để trả thù (xem tài liệu).

Những cuộc biểu tình trên là cỗ xe song song với phong trào Đông du, vụ Hà thành đầu độc. Các biến cố ấy không hạn

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

mà gặp nhau ở một khoảng thời gian, tuy chưa bao giờ họ thỏa hiệp về lý thuyết cũng như hành động. Phong trào này có thể xem như một hiến cố lớn trong lịch trình cách mạng Việt-Nam. Nó được phát huy và dẫn đạo bởi các nhà trí thức xuất thân từ khoa bảng. Nó lan tràn rất sâu xa và lâu dài đến mọi tầng lớp dân chúng. Từ thành thị đến nông thôn với một đường lối chủ trương thống nhất : Cái đầu hớt ngắn, hoặc bỏ râu tóc, và một khối óc mới, với một quan niệm mới : DUY TẤN. Nhưng phong trào bị thực dân thẳng tay đàn áp bằng bạo lực, rồi tức khắc chúng đưa đi chém, đi đày : Lao-Bảo, Côn-Lôn.

Không những lớp thanh niên bị khủng bố mà một số lớn quần chúng cũng bị thực dân đàn áp tàn bạo. Tất cả các đoàn biểu tình đều là nạn nhân trực tiếp. Ngoài ra các vùng lân cận khi có đoàn người biểu tình đi ngang qua, thực dân đều tìm cách khủng bố, trả thù một cách hèn hạ. Trong tác phẩm « Cuộc kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908 » Huỳnh Thúc Kháng đã mô tả một cách hết sức trung thực từ khi phong trào bắt đầu manh nha cho đến hồi kết cuộc. Trong dân gian còn có nhiều bài ca, bài vè kể lại khá rõ các biến cố ấy được dân chúng truyền miệng cho nhau các sự kiện ấy một cách bí mật <sup>1</sup>.

Sau vụ tàn sát đẫm máu đó. Một số nhà lãnh đạo may mắn sống sót thì bị đày Côn đảo hoặc an trí. Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh là nạn nhân đầu tiên ở Quảng-Nam. Phan Chu Trinh lúc bấy giờ đang ở Hà-Nội bị bắt giải về Huế kết tội « xử tử đày Côn-Lôn, gặp ân xá cũng không tha » và đày Côn đảo trong một khoảng thời gian rất ngắn. Ra Côn đảo một thời gian

---

1. Xem Huỳnh Thúc Kháng : Con người và thơ, văn. Nguyễn Q. Thắng. P.Q.V.K.Đ.T.V.H. xuất bản — 1972.

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THỈ MẠT KÌ

Ông được Hội Nhân Quyền ở Paris (Des Droits de l'homme) và Ông Babut<sup>1</sup> can thiệp mạnh với chính phủ Pháp; cho nên đến năm 1911 thực dân buộc lòng phải trả tự do cho Ông. Nhưng trên thực tế, khi về đến Sài-gòn Ông bị giam lỏng ở Mỹ-Tho. Ở đây một thời gian Ông xin được đi Pháp để nghiên cứu và tham quan tình hình chính trị tại Pháp. Thực dân thấy đây là một cơ hội tốt để đẩy Phan Chu Trinh ra khỏi nước, nên chúng bằng lòng cho Phan Chu Trinh xuất ngoại cùng người con đầu lòng là Phan Chu Dật.

Vừa đặt chân đến nước Pháp Phan Chu Trinh chú ý rất nhiều đến tình hình chính trị Pháp quốc cũng như không bao giờ quên cảnh tù tội của các đồng chí. Do đó, Ông viết cuốn « *Trung Kì dân biến thỉ mạt kì* » này trước đề tự biện hộ, sau trình nghị viện Pháp để họ thấy rõ cái tệ trạng của nền hành chánh thuộc địa ở Đông-Dương và cảnh tham quan ở lại của quan lại Nam triều. Theo các di thảo còn lại, thì bản này Phan Chu Trinh viết vào năm 1911 để đưa cho toàn quyền Đông-Dương lúc ấy đương ở Pháp và Thượng thư thuộc địa Pháp.

Nguyên thảo bằng Hán văn, rồi ông dịch ra Việt ngữ để đưa cho Ông Jules Roux dịch sang Pháp văn hầu trình Toàn quyền và Thượng thư. Sau có một bản Pháp văn (không biết ai dịch) do Hội Nhân Quyền và Dân quyền ở Paris xuất bản thành một tập sách riêng có tiêu đề là « *Các cuộc biểu tình năm*

---

1. A.E. Babut: Chủ báo Pháp Việt tạp chí xuất bản ở Hà-nội. Ông có chân trong hội Nhân Quyền ở Paris, nên Phan Chu Trinh được can thiệp.

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

1908 ở An-nam » (Manifestations de 1908 en Annam) <sup>1</sup>. Bản Việt ngữ thi hiện nay chúng tôi không tìm thấy — không biết ở Paris có còn không — nên chúng tôi xin theo bản nháp bằng Hán văn dịch ra đây, và xin kèm theo cả nguyên bản cho các nhà nghiên cứu để bề tham khảo.

Sau khi kiểm chứng các tài liệu hiện có, chúng tôi thấy những chi tiết và các sự kiện Phan Chu Trinh nêu trong tài liệu này rất xác đáng, không có gì sai sự thật. Trong tác phẩm « Cuộc kháng thuế ở Trung-Kì năm 1908 » và « Huỳnh Thúc Kháng tự truyện » (niên phổ) <sup>2</sup> Huỳnh Thúc Kháng cũng ghi lại với đầy đủ các chi tiết như Phan Chu Trinh đã viết. Nhưng có điều đáng nói là mỗi tác phẩm lại có một cái nhìn khác biệt. Huỳnh Thúc Kháng nhìn các sự kiện xảy ra dưới con mắt của một sử gia; nghĩa là hoàn toàn khách quan; có sao nói vậy, chứ không phê phán, hoặc phẩm bình. Trái lại, Phan Chu Trinh viết tác phẩm này với một cái nhìn hoàn toàn chủ quan; nghĩa là viết ra để biện hộ, để minh oan cho đồng chí và ngay cả bản thân mình. Cho nên, trong phần đầu (I, II, III) là phần biện minh trước các lời buộc tội vu vơ của bản án. Đồng thời phê phán thái độ, thực học, và hành động của kẻ « cầm cán công lí » vào thời đó (giới quan lại phong kiến Việt-Nam và thực dân). Đến phần sau (tình hình

---

1. Tháng 2 năm 1971 bà Công thị Nghĩa (Thu Trang) ở Paris có tìm hộ cho một bản dịch Pháp văn (không thấy ghi tên dịch giả) đăng ở báo Cloche fêlée xuất bản năm 1926 ở Saigon. Trong bản dịch này dịch giả trên chỉ lược dịch; còn về phần địa danh và các nhân vật có liên hệ đến cuộc diện thì sai rất nhiều.

2. Huỳnh Thúc Kháng tự truyện. Anh Minh xuất bản, Huế 1963.

— Huỳnh Thúc Kháng con người và thơ, văn — N.Q. Thăng. Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hoá xuất bản, 1972.

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THỈ MẠT KÍ

nhieu lụy oan thâm — tức mục thứ IV) tác giả trình bày các sự việc xảy ra từ Bình-Thuận đến Thanh-Hoá mà lớp thân sĩ và nhân dân phải gánh chịu bởi chính sách đàn áp dã man của « chính quyền bảo hộ » và quan lại Nam triều. Tuy chủ đích của tác phẩm là đề minh oan, nhưng trong phần này tác giả đã ghi lại phần nào đầy đủ về hoạt động các cơ sở của phong trào Duy tân về phương diện văn hoá một cách trung thực. Không như tác phẩm của Huỳnh Thúc Kháng, mà ở đây tác giả đã dắt chúng ta vào thẳm một vài cơ sở văn hoá một cách khá tường tận. Đồng thời nêu rõ tên một số nhân vật trực tiếp tham gia cũng như giúp sức, hỗ trợ cho phong trào về phương diện vật chất và tinh thần. Nhất là nói rõ việc đàn áp thân sĩ và dân chúng cùng phá hủy trường học, giải tán các hội buôn được dựng lên rải rác khắp tỉnh Quảng-Nam. Chính nhờ phần này giúp chúng ta ngày nay thấy được phần nào vóc dáng và thực chất của phong trào Duy tân vào hồi đầu thế kỉ.

Tác phẩm tuy được ông viết bằng cái nhìn chủ quan như trên đã nói, nhưng với cái nhìn của chủ quan ấy tác giả không bao giờ viết sai sự thật, hoặc xuyên tạc một chi tiết nhỏ nào dù cho những sự việc ấy do kẻ thù của Ông — nói riêng — chủ xướng và các đồng chí khác. Điều đó làm cho giá trị của tác phẩm càng thêm bề thế, và có một tầm vóc lịch sử, chính trị rõ rệt.

Làm công việc phiên dịch và giới thiệu này, chúng tôi chỉ có một tham vọng là cống hiến cùng độc giả một tài liệu quan trọng và chính xác để các nhà nghiên cứu văn học, sử học, cũng như văn hoá sử có một cái nhìn đúng đắn về một phong trào cách mạng lớn của dân tộc ta hồi đầu thế kỉ XX này. Tinh thần cách mạng và thực chất của phong trào Duy tân không

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

những chỉ hạn hẹp ở một địa phương, càng không giới hạn ở một vài lĩnh vực; mà nó là một phong trào lớn của quá trình cách mạng Việt-Nam<sup>1</sup>. Trong ý niệm đó chúng tôi hân hạnh giới thiệu tác phẩm giá trị này cùng quý độc giả.

Công việc tuy hoàn tất đã lâu, nhưng gặp nhiều trở ngại, nên mãi đến hôm nay mới đến tay quý vị. Đó là một lí do ngoài ý muốn của chúng tôi. Mong quý vị thông cảm.

*Huế, tháng 12 năm 1967*  
*Sài-gòn, tháng 2 năm 1971*  
Người dịch.

+

---

1. Muốn có một cái nhìn nhất quát về phong trào này, xin xem thêm Phong trào Duy tân — Nguyễn văn Xuân — Lá Bối xuất bản 1970 — Sài-gòn. Hoặc H.T. Kháng Con người và thơ, văn — N.Q. Thăng P.Q.V.K.Đ.T. V.H. xuất bản.

## *Kêu oan về vụ dân biển ở Trung kì*

Năm 1908, dân tỉnh Quảng-Nam, nhân việc làm xâu gáy biển, lan ra khắp các tỉnh Trung Kì. Khi việc đương xảy ra thì chết và bị thương không ít, sau việc đã yên rồi, thì bị tù bị chém rất nhiều.

Tuy xảy ra thình lình, nhưng việc biển cổ nguyên nhân các quan Pháp và Nam lo tránh lỗi, nên đều trút tội cho thân sĩ, đem tội chống thuế mà buộc nặng, tội mưu làm giặc mà vu hãm, hoặc không cho biện bạch, kết án nặng bỏ tù mà không tra hỏi, hoặc bắt được thì chém ngay, bắt bớ thảm thiết hơn bắt trộm cướp, ngược đãi tàn nhẫn như đối với cầm thú, tiếng oan đầy trời, việc yên đã bốn năm rồi, nhà cầm quyền đã hai lần thay đổi, ai ai cũng lau mắt ngóng chờ trông được cứu xét cho mình.

Việc đã lâu ngày, ám muội nhiều lắm. Tôi cũng là một người liên lụy trong đó, sự chết chỉ còn cách tôi một sợi tóc, may được nhờ ơn lớn còn thấy được mặt trời. Từ khi qua Pháp thường được chiếu cố, tôi hết sức cảm kích. Nhưng

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÌ MẶT KÌ

một mình cái thân tôi không thẹn gì, mà ngó lại nhớ đến sĩ dân nước Nam cũng là con dân nước Đại Pháp, thì những sự đau khổ cũng phải đem ra tỏ bày để cầu được thương xót. Huống chi thân sĩ với tôi đồng bệnh cùng thương, không tội mà bị hình, oan sâu như biển hoặc bị trôi mình ngoài hoang đảo, ngày ngày chịu roi vọt, đến nay sống chết chưa biết, hoặc vùi xương ở xứ khác, đến nay vợ con không thể lãnh chôn, có ai nhắc đến thì đau lòng nát ruột. Bởi vậy nên tôi ngày đêm than thở, tật bệnh dồn tới; nằm không yên, ăn không ngon, mỗi khi nhớ đến thì nước mắt tự nhiên chảy ra, ngùi ngùi buồn bã vậy.

Nay tôi xin đem đầu dưới sự biến lúc ấy, và sự xử tội thảm khốc, và sự âm mưu trong khi kết án, vì quan lớn mà tỏ bày sơ lược từng khoản một.

### I. CHỨNG THỰC NGUYÊN NHÂN CUỘC KHỞI BIẾN LÀ BỞI VIỆC XIN XẤU MÀ RA

1. Năm 1908 dân biến bắt đầu phát ra ở huyện Đại-Lộc, tỉnh Quảng-Nam, mà dân Đại-Lộc lại thiệt vì việc làm xấu gây ra biến.

Năm ấy, vào hạ tuần tháng giêng âm lịch, viên Tri huyện Đại-Lộc nhận việc xâu mà sách nhiễu tiền, lại tăng không số dân lên quá số thiệt trong xã, dân các xã không chịu nổi (nguyên tháng trước đó, viên Huyện vì nhiều dân, bị dân các xã kiện tại Toà Công sứ, Toà xử viên ấy không lỗi, nên nay

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

viên Huyện nhân đó ý thế, lấy việc bắt xâu mà báo thù. Vì sự khiêu khích đó nên sinh ra biến. Đó là cái nguyên nhân đầu đã sinh ra cái nguyên nhân này vậy) dân các xã rủ nhau họp tình việc di kiện lần nữa, viên Huyện ấy biết, lại đi báo vu trước với Toà sứ rằng: xã dân nổi loạn (cái lối ấy là cái chước hay xưa nay của các quan Nam bắt dân lo lót, không phải chỉ một viên Huyện ấy mà thôi đâu, vì vậy nên bị hại nhiều, sẽ nói nơi khác).

Quan Công sứ ủy cho quan binh đi khám, chưa kịp đi thì xã dân nghe tin như vậy, lo sợ, rủ nhau chừng một trăm người dân của bốn năm xã, tới Toà sứ biện bạch và chỉ trích cái tệ quan Huyện sách nhiễu. Ban đầu Quan sứ còn bênh vực Quan Huyện, đến khi thấy nhân dân tới đông dần, đồng thanh kêu oan, thì biết không xong, nên lập tức cách đuổi viên Huyện nọ. Nhưng lúc đó thì nhân dân nhóm hai bên Toà sứ hơn 300 người cầu cứu đã 3, 4 ngày rồi. Bởi thế, nên dân các làng lân cận, làng nào bị khổ về việc làm xâu cho quan cũng tranh nhau đến Toà sứ mà kêu.

Người nhóm đã nhiều, thì sự huyền truyền cũng lắm, hoặc nói Công sứ bỏ việc bắt xâu, hoặc nói Quan sứ đã giảm thuế. Dân dốt không biết, nghe bậy truyền bậy, rủ nhau đến càng ngày càng nhiều. Khi đó Công sứ đem Li trưởng 4, 5 xã của Đại-Lộc kết án trước, giải đi Lao-Bảo, mà từ tháng 2 về sau tỉnh thành Quảng-Nam và hai bên Toà sứ, số người đến đã có trên vài ngàn, mà việc hiến càng không thể thu xếp được vậy.

Đó là xác chứng thứ nhất.

2. Nhưng mà việc xảy ra trên đó, dầu thì xin xâu, sau thì người đến càng đông nên cũng dính đến việc xin thuế. Còn

## TRUNG KÌ DÀN BIẾN THÌ MẠT KÌ

như việc xảy ra ở phủ Tam-Kì thì trước sau đều nhân việc xấu khich biến, không can cập đến việc thuế.

Vụ ấy như sau :

Huyện Hà-Đông<sup>1</sup> (là huyện tôi ở) thuộc phủ Tam-Kì tỉnh Quảng-Nam, xưa nay dân bị khổ về việc bắt xấu không thể kể xiết (trong huyện ấy có đồn quan binh Pháp tại chợ Trà-Mi mỗi tháng một lần dân phải khiêng chở hàng hoá hạng công hay tư theo lệnh quan. Cho nên nhân dân, ngoài việc đắp đường và đưa rước phải làm, tháng nào cũng phải làm xấu). Và lại, từ Tam-Kì đến chợ Trà-Mi (chỗ đồn binh) có một con đường cái quan dài không đến 10 — 50 km, mà 6, 7 năm nay đắp đó thay đó, sửa cũ đổi mới mãi, không năm nào là không bắt làm xấu (việc này lý do rất âm mưu, nếu không rõ tình tiết trong đó thì không biết được. Nguyên do : Một là vì quan Pháp trong địa hạt đề ra một số « xấu công ích » hề càng có việc làm đường thì ăn làm càng nhiều, nếu làm đường mới thì tốn công nhiều, không ăn tham được mấy, chỉ bằng nhân đường cũ sửa đổi một đoạn, thì có thể mượn đó mà che lấp sự gian dối. Việc đó rất dễ hiểu. Sở dĩ quan thanh tra không phát giác ra được là vì chỉ cứ sổ sách ghi chép mà thôi, nếu so sánh sự tiêu dùng với đoạn đường đã làm bao nhiêu, thì khám phá được cái tệ ấy ngay (ở Đông-dương chỗ nào cũng vậy cả). Hai là, vì quan Pháp hay Nam coi làm xấu thường nhân đó mà tham lạm của công, ép giá thuê thợ, hoặc bán bớt công dân, nên cầu cống đường sá làm chẳng ra trò gì. Công sứ không phải là không biết, nhưng tự mình không thẳng thắn được trước nên cũng che lấp cho nhau. (Sẽ thấy rõ trong mục kiến trúc, nơi

---

1. Nay là các huyện Tiên-Phước, Tam-Kì, Trà-Mi.

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

khác). Thời gian làm xấu dài đến nửa năm hoặc bốn năm tháng, dân khổ lâu ngày.

Năm 1906, 1907, quan đề đốc tỉnh là X<sup>1</sup> coi làm đường. Ông ấy là người tham bạo trái lẽ, ai ai cũng biết; từ khi được giữ chức đi khám đường, thì đi đến đâu bắt ép dân lấy tiền đến đấy, ai không chịu lo lót thì bị đánh từ 100 roi trở lên. Xã dân kêu kiện, đều không được xét xử (ví dụ như Ô, LÊ CƠ, Li trưởng làng Phú-Lâm, huyện Lê-Dương, <sup>2</sup> kiện Ông ấy đến tỉnh mà không được xử; đó là một chứng, còn nhiều không thể nhớ). Khi Ông ấy coi làm xấu, thì đánh dân phu đến bị thương, bị bệnh, hay bị chết rất nhiều. Dân kiện không được chi. Lại gần đường Ông ấy coi đắp, Ông bức người ta bán đất cho, ép phu làm đường, trông quẻ tư cho Ông, dân càng không chịu nổi.

Lúc bấy giờ dân công đang tại sở làm, nghe tin dân huyện Đại-Lộc xin xấu, sẵn lòng tức giận, họ hiệp nhau 5, 600 người xông vào vườn quế Ông ấy hủy phá hết. Ông ấy sức linh đánh. Dân công vây được Ông ấy, toan bắt đem đến tỉnh biện bạch, Ông ấy thấy thế không xong, chạy trốn vào Nha Phủ Tam-Ki, dân vây lại một đêm. Sau Ông lại trốn qua Nha Đại Li Pháp, dân đuổi theo rất gấp, Ông sợ khiếp mà chết. (Nguyên sau khi dân công vây một đêm, sáng ra, quan Đại Li ra hiệu dụ, dân sắp hàng hoan nghênh và tố cáo việc Ông ấy tàn bạo, Đại Li khuyên dân yên lặng, đừng làm ồn ào, đề quan lớn bằ thế cho. Dân mừng sắp hàng ngoài cửa Nha đề quan Đại Li vào

---

1. Tức đề đốc Trần Tuệ, một viên đề đốc tàn ác bị dân chúng vây hãm. Y quá sợ, hộc máu chết trên xe trong đêm 16-4-1908 tại Phủ đường Tam-Ki.

2. Thăng-Bình ngày nay.

## TRUNG KÌ DÀN BIẾN THÌ MẠT KÌ

trong. Khi Đại Lí trở ra, thì Ông ấy giả mặc đồ phu xe, chạy qua Nha Đại Lí, dân đuổi theo, sợ quá, chết). Quan Đại Lí đưa xác Ông ấy cho dân xem và hiểu dụ dân công về làm ăn. Dân công vui vẻ kêu lên, rồi giải tán, không người nào nói đến việc xin thuế gì cả.

Xem vậy thì cái tình trạng « bất xâu » làm khổ dân nước Nam không nói cũng biết, mà cái chứng cứ chắc chắn là nhân việc làm xâu mà sinh ra biến, không nói cũng biết vậy. Đó là thiệt chứng thứ hai.

Trở lên là nói tình hình khởi biến của dân Quảng-Nam.

**Nhận xét.**— Huyện Hà-Đông thường bị quan Nam bằm xắt, sau mới bèn đặt Đại Lí Pháp đề trông nom, nhưng chức nhỏ lại không biết tiếng Nam, nên tề tuy có bót mà 10 phần chỉ được một thời. Và lại, việc làm đường, làm xâu đều do quyền Công sứ chủ chốt, quan Đại Lí tuy biết việc khổ, cũng không làm thế nào được. Lại nghe đâu quan Đại Lí lúc ấy cũng khá, Công sứ và quan Nam đương thời muốn giết nhiều dân huyện ấy, mà nhờ có Đại Lí biện bạch thế, nên tuy bị tù nhiều, mà bị giết chỉ có một người thôi.

Về sau dân các tỉnh, nhân qua lại trên đường nghe bậy truyền bậy, nói dân Quảng-Nam họp xin bớt thuế, đã được quan Pháp cho rồi, nên dân nghèo các tỉnh rủ nhau đứng dậy: dân Quảng-Ngãi nổi dậy tháng 4, tháng 5, Thừa-Thiên tháng 3, Bình-Định tháng 6, Phú-Yên tháng 7, Hà-Tĩnh, Nghệ-An, Thanh-Hoá tháng 7, tháng 8, song hoặc một hai xã đến huyện kêu xin, hoặc nhóm dân vài ba xã lại, chưa kịp đến xin, bị quan Nam bắt giết, nên giải tán ngay, không ai đi đến tỉnh.

Đó là tình hình thật của các tỉnh buổi ấy.

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

Việc ấy tưởng không cần phải dẫn chứng cứ nhiều xem những điều đã nói trên, thì cái vụ ấy có dính đến thân sĩ hay không? không nói cũng rõ vậy. Lúc bấy giờ thì quan của hai nước đều kêu to lên rằng: Thân sĩ các tỉnh ngầm thông tin tức, đồng thời dấy loạn, ý muốn làm giặc. Nay xem các tỉnh nổi dậy, không đồng ngày tháng: Thừa-Thiên rất gần Quảng-Nam lại có xe lửa nên nổi dậy tháng 3, Quảng-Ngũ tuy gần Quảng-Nam mà không có xe lửa, nên đến tháng 4, tháng 5 mới nổi dậy, Bình-Định, Phú-Yên rất xa nên đến tháng 6 tháng 7, chỗ khác cũng vậy. Xem thế đủ biết là vì sự huyền truyền với nhau mà ra, không phải đã ngầm ngầm ước hẹn với nhau. Và lại, dân đều đi đến tay không chẳng cầm khi giới, thì sự không có lòng làm loạn cũng rõ rệt vậy.

## II. TÌNH HÌNH CHÍNH PHỦ HAI NƯỚC VÀ CÁC QUAN TỈNH XỬ TRÍ CÙNG LỜI KẾT ÁN ÁM MUỘI

### 1. Công sứ sáng sỏi mà báo bậy.

Buổi ấy Công sứ Quảng-Nam, một mặt lập tức kết án những Li trưởng 4,5 xã huyện Đại-Lộc đã kiện kêu xâu đầu tiên, đày ra Lao-Bảo ở Quảng-Trị, một mặt giao cho quan Nam hiệu dụ, lại sức bắt thân sĩ, đi hiệu khắp trong dân, lại một mặt đánh điện ra Khâm sứ Huế nói rằng: « Thân sĩ dụ dân trong tỉnh chống thuế, dấy loạn » mà hẳn cái nguyên nhân vì việc xâu mà khích biến đi. Đó là tình thiệt Công sứ mưu giấu lỗi mình mà gieo vạ cho thân sĩ vậy.

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THỊ MẠT KÌ

### 2. Hiểu dụ không hiệu.

Các quan Phủ, Huyện các lĩnh nước Nam thường cậy thế hiếp dân quá, dân oán giận đã sáu, hăm hăm trả thù mới hã dạ, chỉ ngại còn có nhà nước bảo hộ nữa thôi. Đó là sự thiệt. Năm xưa tôi đưa thơ cho quan Toàn quyền, tôi cũng đã nói đến. Nay bảo họ ra hiểu dụ, thì người thù lờm mắt ngó, chỉ còn sợ luật pháp mà chưa dám báo thù.

(Lúc bấy giờ Tri phủ Điện-Bàn tên X<sup>1</sup> bị dân ghét quá, họp nhau đem đến bờ sông gần nhận nước cho chết, may có một hai người, hiểu việc ngăn lại, nên khỏi. Nay viên ấy đã lên đến chức Bộ chính rồi). Lời họ hiểu dụ không những dân không thèm nghe, mà lại bươi móc những điều xấu xa ra, họ không chịu nổi.

Và lúc ấy dân nghèo tụ tới thành tỉnh và Tòa sứ đã đến hơn sáu ngàn, làm ồn ào dữ, tuy đối với quan người Pháp họ hơi giữ trật tự, mà đối với quan Nam và thân sĩ thì giận dữ la lối như điên, không dám lại gần, thì còn hiểu dụ làm sao?

### 3. Khâm sứ nổi giận.

Ông LÊ VIẾT (?) Khâm sứ Huế, bình nhật không ác lắm, nhưng mé muội không biết việc, phạm việc đều nghe theo lời

---

1. Tên X: tức Tri phủ Trần Văn Thống bị dân chúng vây chặt trong Phủ, rồi bắt khiêng lên xe xuống Tòa tỉnh xin xâu. Nhưng sau đó lính tập từ Hội-An lên giải vây. Trong vụ này một số người trong đám biểu tình bị chết vì ngập nước ở bến đò Phú-Chiêm và do súng đạn nữa. Trong số nạn nhân bị bắn chết có một nông dân tên là Huỳnh Tâm được một người vô danh ghi lại trong một bài văn tế rất làm li. Xem Huỳnh Thúc Kháng Con người và thơ, văn — S.Đ.D.

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

người thư kí, nói nèn thì rằng nèn, nói không thì rằng không. Bởi vậy nèn việc gì cũng đề cho người lợi dụng mà mình thì bị người ta lừa dối mà mang tiếng ác. Đó là cái dở của Ông. Một khi được tin điện nói trên, thì nghe lầm lầm lỗi đánh điện đi các tỉnh bảo « không cần xét hỏi, thẳng tay trọng trừng » (việc điện sức này tuy thuộc truyền văn, nhưng nghiêm việc thiết ở các tỉnh lúc ấy, thì không chỗ nào không làm như vậy. Cái điện tin ấy ở tỉnh Bình-Thuận ai ai cũng biết vì Công sứ tỉnh ấy không tuân theo, nèn có người đề lộ ra ngoài).

Vi cứ đó nèn thân sĩ, người thì bị chém, kẻ thì bị tù, gần như heo lợn, còn nhân dân thì làm thời bị bắn chết, sau việc bị gươm giết, oan thảm đầy trời, tối cả nhật nguyệt, vô số sinh mạng người Nam phải chịu vút bỏ dưới cơn thịnh nộ của Khâm sứ vậy! Thương thay!

Buổi ấy, phạm thân sĩ Quảng-Nam người nào có danh tiếng đều bị bắt giam trong ngục, phạm sĩ dân có dinh dấp đến hội thương, hội học, hội nông hay hội diễn thuyết đều bị bủa lưới bắt sạch. Còn các trường học các xã lập ra thì sức quan binh hủy phá hết. Quan binh cũng thừa thế đuổi bắt không khác nào như đánh với giặc lớn vậy.

### 4. Âm mưu trong việc kết án.

Thuở ấy thân sĩ Quảng-Nam bị bắt giam tại tỉnh từ tháng 2 đến tháng 8 chỉ có Công sứ và quan tỉnh người Nam qua lại bàn nhau rồi tự kết án. Trước khi làm án toàn không xét hỏi, sau khi làm án xong cũng không cho đương sự biết. Từ đó về sau cũng không tuyên án cho nhân dân biết. Giấy tờ tư đi các nơi, chỉ nói rằng: « Tên X mưu loạn, đày đi chỗ Y chung thân, hoặc tên X mưu loạn đày đi chỗ Y mấy năm mà thôi ». Cho nèn đến

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÍ MẠT KÍ

nay người ngoài không biết bản án bắt buộc thế nào, mà chính đương sự cũng có người không biết mình mắc tội gì :

Chỉ có người bạn của tôi là Tiến sĩ HUỶNH THỨC KHÁNG khi ở ngục tỉnh, có thuê được người sao một bản án do tỉnh kết, nay tôi xin sao y như sau :

### A. ÁN VĂN

« HUỶNH THỨC KHÁNG, PHAN DIỆN <sup>1</sup>, LÊ BÁ TRINH, NGUYỄN THÀNH, đều là người có danh sắc không lẽ không biết người trở lòng với nhà nước (tức PHAN BỘI CHÂU) là người không nên theo. NGUYỄN THÀNH thấy nó tới nhà, liền đi mời PHAN DIỆN, HUỶNH THỨC KHÁNG cùng nhau bàn luận. Sau nghe tên ấy đi khỏi nước, thì NGUYỄN THÀNH, PHAN DIỆN, LÊ BÁ TRINH lại lập ra hội buôn, hội diễn thuyết, hội mặc đồ

---

1. Phan Diện hay Phan Thúc Duyệt hiệu là Mi-Sanh, đậu Cử nhân, quán làng Phong-Thử, Huyện Điện-Bàn đồng một án với Huỳnh Thúc Kháng. Ông có người con trai đầu lòng tên là Phan Minh đi lính mộ năm 1914 đóng tại Âu Châu, sau lưu học tại Pháp, có làm đơn kêu oan cho cha nên Phan Thúc Duyệt được cải án còn lại 11 năm. Sau khi được tự do Ông sinh sống tại Quảng-Binh, mất vào khoảng năm 1935-1936.

— Lê Bá Trinh, hiệu là Hán-Hải sinh năm 1875 tại làng Hải-Châu huyện Hoà-Vang (thuộc ngoại ô Đà-Nẵng bây giờ) đỗ Cử nhân, nhưng không ra làm quan, dời nhà vào gần Ngũ-Hành Sơn (Non-Nước) cùng các đồng chí lo vận động Duy tân tự cường. Năm 1908 bị đày Côn-Lôn.

— Huỳnh Thúc Kháng, hiệu là Minh-Viên sinh năm 1876 tại làng Thạnh-Bình, huyện Tiên-Phước tỉnh Quảng-Nam đỗ Tiến-sĩ năm 1904. Ông là một

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

*tây, đồng thời dựng ra cứ như tên làm nguy là HẠ 1 nó khai, mấy người dò thì trước rủ nhau mưu thầm, sau thì lên giúp của. Tuy là trong mấy việc dò thư từ qua lại bí mật, biết không được :*

→  
trong ba nhân vật lãnh đạo của phong trào Duy tân (Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp) bị đày Côn đảo 13 năm (1908-1921). Sau, về Huế lập báo Tiếng Dân (1927-1943) đắc cử Nghị Viên và Nghị Trưởng Viện dân biểu Trung Kỳ (1926-1928). Năm 1928 từ chức Nghị Viên và Nghị Trưởng. Từ đó trông nom tờ báo Tiếng Dân làm cơ quan ngôn luận của dân chúng bị áp bức. Năm 1945 từ chối lập chính phủ thân Nhật do Bảo Đại ủy thác. Năm 1946 tham gia chính phủ liên hiệp kháng chiến với chức vụ Bộ Trưởng Nội Vụ, quyền Chủ Tịch nước V.N.D.C.C.H, Chủ Tịch Mặt trận Liên Việt (liên hiệp các đảng phái Việt-Nam). Năm 1947 kinh li miền Trung và qua đời tại Quảng-Ngãi ngày 21-4 (1947) (xem Huỳnh Thúc Kháng con người và thơ, văn — N.Q. Thắng).

— Nguyễn Thành, còn gọi là Nguyễn Hàm hiệu là Tiều-La, hay Triết-Phu, sinh năm 1863 quán làng Thạnh-Mỹ, huyện Tam-Ki, tỉnh Quảng-Nam. Tân tương quân vụ Cần Vương (thời Nguyễn Duy Hiệu). Phong Trào Cần Vương tan rã, Ông về nhà cày ruộng chờ thời. Năm 1900 hưởng ứng phong trào Đông du của Phan Bội Châu và cũng là « Quân Sư » của Sào-Nam, Cường Để. Ông chủ trương bạo động cách mạng để đuổi Pháp. Năm 1908 bị đày Côn đảo và mất ngoài đó năm 1910.

— Phan Bội Châu hiệu là Sào-Nam sinh năm 1867 tại làng Đông-Liệt, huyện Nam-Đàn, tỉnh Nghệ-An. Năm 1900 đậu Giải nguyên trường Nghệ (thì Hương). Ông là lãnh tụ phong trào Đông du. Năm 1905 bị chính quyền thực dân và triều đình Huế truy nã. Từ đó, ông xuất dương sang Tàu và Nhật hoạt động cách mạng chống Pháp. Phan Bội Châu là người có nhiều tác phẩm văn học cách mạng nhiều nhất của văn học Việt-Nam. Năm 1909 bị Nhật trục xuất khỏi Nhật-Bản. Từ đó ông lưu lạc cả miền Hoa Nam và Thái-Lan để hoạt động chống Pháp. Năm 1925 bị Nguyễn Thượng Huyền phản bội và mật thám Pháp bắt cóc ở Thượng-Hải giải về Hà-Nội. Bị thực dân kết án khổ sai chung thân. Từ năm 1926 đến năm 1940 bị giam lỏng ở Bến-Ngự (Huế). Ông mất năm 1940.

1. Tên làm nguy là HẠ : dịch từ các chữ nguy tác HẠ chứ không phải tên người là Nguy Tác HẠ như các sách từ trước nay ghi như vậy.

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÌ MẶT KÌ

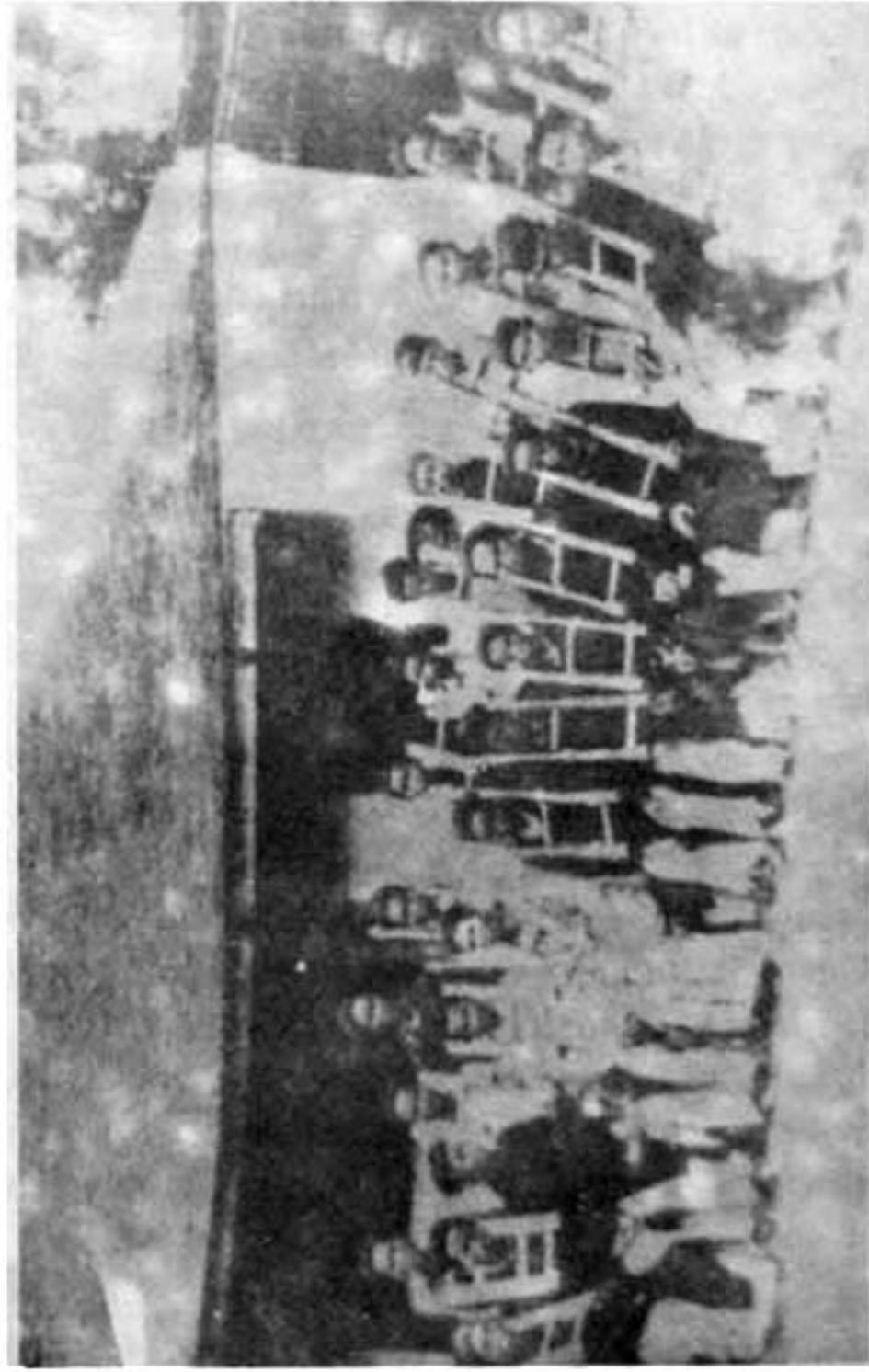
nhưng dò việc họ làm như vậy nói rằng không có chi khác thì ai mà tin họ được.

Hội buôn thì PHAN DIỄN, NGUYỄN THÀNH làm chủ. Hội diễn thuyết thì HUỖNH THỨC KHÁNG và LÊ BÁ TRINH làm chủ.

Coi như trong thì của chúng nó làm có câu: « Mãng nhĩc, chường lờng » gửi thơ thì có câu « nói trước mặt người quyền mạnh ». LÊ BÁ TRINH sai học trò xuống dưới dân kết đoàn cũng có câu: « Lấy thương đồng bào làm chuyện đầu tiên ». Trong mấy trường học, diễn thuyết, đều dùng nhiều lời trái quấy. Tuy ở trong có nói: « Mở trí, lo làm ăn, siêng học, bớt xa xỉ » các việc. Nhưng cả thầy đều lấy dân quyền làm chủ nghĩa, xúi người ta sinh lòng khinh rẽ. Xét tình thiệt, thì do PHAN CHU TRINH, HUỖNH THỨC KHÁNG xướng ra, còn mấy tên đó phụ họa mà thôi. Bây giờ đây, dân trong tỉnh lộn xộn, chưa chắc không phải là lời nói « dân quyền » lẫn lẫn gây nên.

Nếu không chiếu luật mà trị tội cho nặng thì dân sẽ bắt chước nhau làm chuyện quấy, không khỏi có điều trở ngại cho chính quyền mà việc cai trị sinh ra khó làm. Vả lại, làm mấy việc đó, bày đầu ra chẳng qua một hai người, còn người khác biết mà không thú thiệt cũng có, không biết mà nghe bày theo cũng có. Nếu một lần bắt tội hết cả thì nhà nước không nở lòng, nên xét theo ngày thường những người đó, và so sánh với lời bàn của số đông, hỏi xét rõ ràng đặng bắt tội cho xứng đáng.

Bây giờ chiếu theo luật « mưu làm giặc mà chưa làm » định tội: HUỖNH THỨC KHÁNG, PHAN DIỄN cũng bắt tội như PHAN CHU TRINH: xử tử, đây ra Côn-Lôn, còn NGUYỄN THÀNH và LÊ BÁ TRINH thì đánh 100 gậy, đày đi 3.000 dặm ».



Các chiến-sĩ trong phong trào Dân biến bị thực dân Pháp  
đóng gông trước khi đưa ra Côn Đảo.

## B. PHÊ BÌNH

Cái bản án văn trên đây là nguyên văn bản án tỉnh Quảng-Nam đã làm. Chưa biết sau tư về Bộ có sửa đổi chữ nào không. Nhưng khi tôi ở Cón-Lôn thì những người can án đã bị giải đến cứ theo lời quan Tham biện ở đó nói, thì HUỶNH THỨC KHÁNG, PHAN DIỄN mưu làm giặc xử tử, cùng với tôi đồng tội, đây chung thân ở Cón-Lôn, NGUYỄN THÀNH, LÊ BÁ TRINH, tội 100 gậy, đây 3.000 dậm, dỗi làm khổ sai 7 năm. Cứ theo lời ấy, ở Bộ cũng y cái án ấy.

Xét bản án ấy, nghĩa câu văn không thông, thù dệt một cách vô li, mờ ám quá dỗi, làm cho người đọc không thể nào hiểu được, thật là một bản án quái lạ, từ khi nước Nam có chỗ đến nay chưa từng có vậy! (Nước Nam ngày xưa có nhiều án oan, nhưng tình tuy oan; song cũng ép người lấy cung để có chứng cứ đích xác. Và lại, văn cũng xuôi, lẽ cũng thuận làm cho cấp trên không biết là oan, bởi vì quan Nam ngày xưa tuy độc ác, song học luật nhiều và có học làm án. Vài mươi năm lại đây, cách dùng người không đúng, người Nam muốn ra làm quan thì chỉ lo cho có tiền nhiều, không cần phải học luật, làm lếu láo cho qua chuyện, thì được quan Pháp bằng lòng cho thi làm án, mà quan Pháp lại không biết Hán văn và cũng không cần hiểu lắm, hễ xảy ra việc gì thì cứ ủy cho quan Nam làm, đến nay việc ấy đã thành thói quen. Việc quan hệ đến mạng người mà coi như trò chơi trẻ con, một cái án như cái án này, là cực kì vô li, cực kì bất thông, nước Nam xưa nay chưa từng có! Tôi xin sao nấp một bản, để sau khi quan lớn qua tới Đông-dương, lựa quan Nam có học thức đưa cho xem, và kêu Ông quan đã kết án đến, lấy lời tôi nói đấy mà hỏi, thì

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÍ MẬT KÍ

sẽ biết là lời tôi nói không sai. Nhưng mà, bấy lâu người Nam chết với thứ án như vậy không biết là bao nhiêu! Thảm thay).

Nay tôi đem từng đoạn chưa rõ và giải thích đề quan lớn xem cho tiện thì sẽ biết ngày nay nhân phẩm và học thức của quan Nam ở Trung Kỳ ra sao, mà sự coi rẻ nhân mạng trong 20 năm nay không nói cũng biết được vậy.

1. « HUỲNH THỨC KHÁNG, PHAN DIỆN, LÊ BÁ TRINH, NGUYỄN THÀNH, đều là người danh sắc, có lẽ nào không biết người trở lòng với nhà nước (tức PHAN BỘI CHÂU) là người không nên theo ».

PHAN BỘI CHÂU là người tỉnh Nghệ - An, đỗ Cử nhân, trước năm 1903, thi ở trường Quốc Tử Giám, ăn lương đi học. Năm ấy thi Hội không đậu, không biết ai cáo giác việc gì, quan Khâm sứ Huế có đòi hỏi, rồi cho về. Sau 4, 5 tháng lại có giấy sức các tỉnh mật bắt. Ông biết được, trốn xa chẳng biết đi đâu (khi ấy tôi làm ở Bộ nên có biết rõ). Một năm sau mới biết Ông trốn sang Nhật-Bản. Nay còn mà bắt chưa được.

Còn bốn người nói trên, vốn nhân vụ dân tỉnh Quảng-Nam xin xâu mà bắt kết án. Nay đầu bản án thi dựng lên việc PHAN BỘI CHÂU trở lòng với nước. Thử hỏi PHAN BỘI CHÂU dính dáng thế nào vào vụ án ấy? và tại sao biết chắc bốn người ấy tất theo PHAN BỘI CHÂU? chưa hề thấy nói rõ. Án tình đã vô lí, văn nghĩa lại bất thông, đó là một điều không thể hiểu.

2. « NGUYỄN THÀNH thấy nó tới nhà, liền mời PHAN DIỆN, HUỲNH THỨC KHÁNG đến cùng nó bàn bạc ».

a) Nói « tới nhà » là nói tới khi nào? Trước khi Ông ấy đi Nhật-Bản, hay sau khi đã đi Nhật rồi trốn về mà tới nhà? tới ngày nào? tháng nào? sao không nói rõ?

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

Song cứ theo lời đoán dưới nói « nghe nó bỏ nước mà đi », thì biết tới nhà trước khi Ông ta đi Nhật. Nhưng mà trước khi Ông ấy chưa đi Nhật thì là một Ông Cử nhân, chưa mắc tội danh gì. Nếu vì Ông ta tới nhà mà phải tội, thì không mình chỉ NGUYỄN THÀNH và ba người nữa phải tội, vì sao? Vì trước khi bỏ nước mà đi, Ông ấy không phải chỉ tới nhà mấy người nợ mà thôi, trường Quốc Tử Giám đã thấy Ông ấy đến (nhà nước có cấp bổng), trường thi Hội đã thấy Ông ấy đến, Tòa Khâm sứ Huế cũng đã thấy Ông ấy đến nữa. Và chẳng, việc tới nhà NGUYỄN THÀNH với việc xin xâu liên hệ thế nào? chưa thấy nói rõ. Đó là hai điều không thể hiểu.

b) Nói « cùng nhau bàn bạc » thì bàn bạc làm việc gì? tất phải có người biết rõ; nay không nói ra, chỉ nói hồ lớn mà thôi. Và chẳng, việc bàn bạc ấy cùng việc xin xâu liên quan thế nào? chưa thấy nói. Đó là ba điều không thể hiểu.

3. « Sau nghe tên ấy đi khỏi nước, thì PHAN DIỆN, NGUYỄN THÀNH, LÊ BÁ TRINH lập ra hội buôn, hội diễn thuyết, hội mặc đồ tây, đồng thời dựng ra, cứ như lời tên làm ngụ là HẠ NÓ KHAI ».

a) Hội buôn ở Quảng-Nam, thì thân sĩ lập năm 1905 mở tại phố Hội-An, gần bên Tòa sứ. Phần hùn có Công sứ và quan Nam, tỉnh cho chữ kí làm bằng. Lại hội buôn thì các tỉnh Bắc Kỳ đều có, đâu chỉ ở Quảng-Nam mà thôi. Nếu vì lập hội buôn mà làm tội, thì hội buôn Bắc Kỳ và hội buôn tỉnh Bình-Thuận đến nay hãy còn thì nói làm sao? Và chẳng, hội buôn cùng với PHAN BỘI CHÁU, cùng với việc xin xâu can thiệp thế nào? không thấy nói. Đó là bốn điều không thể hiểu.

b) Diễn thuyết.— Hội diễn thuyết thì chính tôi xướng ra.

## TRUNG KÌ DÀN BIỂN THÌ MẶT KÍ

Nguyên buổi ấy quan Toàn quyền BEAU có sức báo các quan tỉnh chuyên sức xã dân lập trường tiểu học. Ở Bắc Kì đã lập nhiều, còn ở Trung Kì thì không thấy sức bắt. Tôi đến Toà sứ xin thiết sức cho xã dân lập trường học. Công sứ trả lời : « Nếu dân muốn học thì lập, không thì thôi ; vả lại, cũng không có thầy ». Bởi vậy, nên tôi đi khắp trong xã dân diễn thuyết nói việc lập trường học có ích, trong 5, 6 tháng lập ra trường dạy quốc ngữ và trường dạy chữ Pháp ước hơn 40 trường. Vả chẳng, diễn thuyết thì diễn thuyết tại tỉnh thành, hoặc tại đình các làng. Trong huyện tôi là huyện Hà-Đông thì diễn tại Khổng Miếu, cách Nha Đại Li độ 2 km, quan Pháp cũng có lúc đến nghe. Vả chẳng, việc diễn thuyết cùng việc PHAN BỘI CHÁU cùng việc xin xâu, đình đáp nhau thế nào, chưa thấy nói rõ. Đó là năm điều không thể hiểu ?

c) « *Mặc đồ tày* » người Nam thuở nay, từ bậc trung trở lên, thường dùng sò sa của Tàu, từ khi thuế nhập cảng tăng, vật giá thêm mắc con buôn Tàu hay giả mạo, đem hàng xấu thế hàng tốt, tổn tiền nhiều mà mau rách, thân sĩ biết vậy nên hện cùng nhau ngày thường qua lại thì mặc đồ tày, thay đồ tàu, vì giá rẻ mà hàng tốt, lại tiện cho người làm việc. Đó là cái ý của hội mặc đồ tày vậy.

Vả chẳng, đừng nói đến việc bớt tốn ấy làm chi, thì mặc đồ tày là có tội gì ? Luật nước có cấm không ? Than ôi ! Mặc đồ tày mà xử tử ! cái án ấy ngàn đời mới thấy. Nhưng việc mặc đồ tày, cùng với việc PHAN BỘI CHÁU cùng với việc xin xâu quan hệ thế nào ? chưa thấy nói rõ mà dẫn vào. Đó là sáu điều không thể hiểu ?

d) « *Người làm ngục tên Hạ* » nghe nói tên Hạ là người Nghệ-An, thủ hạ của Ông PHAN ĐÌNH PHÙNG, sau Ông ấy chết

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

thì tên ấy lưu lạc cùng nơi, đã già lại có bệnh nghiện thuốc phiện. Án sát Hà-Tĩnh là CAO NGỌC LỄ bắt giam tại tỉnh ấy. Về sau các án xử tử thân sĩ các tỉnh đều có dẫn bốn chữ «*cử danh Hạ khai*». Nhưng không ai thấy mặt nó cả. Và, khi tỉnh Quảng-Nam kết án, thì không hề thấy giải tên Hạ đến, người trong tỉnh ai cũng biết việc ấy. Vậy thì lời tên HẠ khai, ở đâu mà ra đến đó? lại nói cứ theo lời tên Hạ khai, mà tên Hạ khai sao thì không hề nói ra. Làm án như vậy thì từ xưa đến nay không từng thấy!

Nếu mượn việc đã nói trên mà nói là lời tên HẠ khai, thì hội buôn, hội diễn thuyết, hội mặc đồ tây ai ai cũng đều thấy cả, có đợi chi tên HẠ phải khai? Đoạn này án tỉnh là vô lí, văn nghĩa thì bất thông. Đó là 7 điều không thể hiểu.

4. «*Mấy người dò trước rủ nhau mưu thầm*», sau «*thì lên giúp của, tuy là trong mấy việc đó, thơ từ qua lại bí mật, biết không được, nhưng do việc họ làm như vậy, nói rằng không có chi khác, thì ai mà tin họ được*».

«*Mưu*» mà nói «*thầm*» «*giúp*» mà nói «*lên*» «*thơ từ qua lại*» mà nói «*bí mật*» «*không thể biết được*», thì việc không ai thấy, ai biết là việc thiệt vậy. Như thế thì quan Nam dựa vào đâu mà chia ra trước ra sau? Trước là vào năm nào, sau là vào buổi nào? Và lại, trên thì nói «*thầm, lên, bí mật không biết được*» mà dưới lại nói rằng «*do việc họ làm như vậy*», thì việc họ làm như vậy là chỉ vào việc gì? chỉ vào việc hội buôn, diễn thuyết, mặc đồ tây chẳng? Nếu quả vậy, thì các việc đó rõ ràng trước tai mắt mọi người, không thể gọi là «*thầm*» là «*lên*» là «*bí mật không thể biết*» được. Hay là chỉ tắt qua là lập hội buôn để giúp lên chẳng? Nếu quả vậy, thì thân sĩ tự góp

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÌ MẶT KÌ

tiền thăm, rồi cầm tay mà lặng, không tiện hơn sao? Hà tất lập hội buôn, kê rõ họ tên từng người, người nào hùn cỡ phần bao nhiêu? biến thành sổ sách, lại xin Công sứ kí vi bằng, làm mấy việc đó làm gì? Đòi nhà ai lại hùn lại đề giúp người Nam làm giặc, mà trở lại tới quan Pháp đề xin kí chứng bao giờ? Tưởng thân sĩ Quảng-Nam tuy không khôn gì, nhưng không đến nỗi dại đến thế! Than ôi! quan Nam nói bậy bạ đến thế sao? Đoạn này ảm tình thì vô lí, văn nghĩa thì bất thường. Đó là tám điều không thể hiểu.

5. « Hội buôn thì PHAN ĐIỆN, NGUYỄN THÀNH làm chủ... trong thi của chúng nó làm có câu « mắng nhiếc, chuồng lồng » gửi thơ thì có câu « nói trước mặt người quyền mạnh » LÊ BÁ TRINH sai học trò xuống dưới dân kết đoàn cũng có câu : « Lấy thương đồng bào làm chuyện đầu tiên ».

a) « Mắng nhiếc » « chuồng lồng ».

Xét ra, khi ở tỉnh Bình-Định có kì hạch học trò, có người làm bài thi đề chế nhạo, trong có câu : « cứ chịu mắng nhiếc hàng trăm năm như vậy, lại chẳng biết ngày nào ra khỏi chuồng lồng cho được ». <sup>1</sup>

1. Phụ lục bài thơ và bài phú (bài thơ và bài phú này không có trong bản thảo.)

世 事 回 頭 已 一 空  
江 山 無 浪 浪 英 雄  
萬 民 奴 隸 強 權 下  
八 股 文 章 睡 夢 中

→

TÂY HỒ PHAN CHU TRINH

長 此 百 年 甘 唾 罵  
更 知 何 日 出 半 鏡  
請 君 未 必 無 心 血  
試 向 斯 文 看 一 通

*Phiên âm*

• Thế sự hồi đầu di nhất không,  
Giang sơn vô lệ khắp anh hùng,  
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,  
Bất cổ văn chương thụ mộng trung.  
Trường thù bách niên cam thối mạ,  
Cánh tri hà nhật xuất lao lung  
Chư quân vị tất vô tâm huyết  
Thí hướng tư văn khén nhứt thông •

*Dịch nghĩa*

*Thế sự trôi rồi một cái không!  
Giang sơn khó lụy khóe anh hùng.  
Muôn dân nô lệ cường quyền mạnh,  
Tâm vẽ văn chương giấc mộng chong.  
Cừu vạ chịu li người mắng nhểc,  
Bao giờ ra khỏi cảnh chuồng lồng?  
Các anh chưa dễ không tâm huyết,  
Đọc suốt văn này ắt phải thông!*

良玉名山賦

「以求良玉必名山爲韻」

君不見：我同胞之亞細亞洲。  
英不雄鼎沸，志士濤趨。  
南海先生鼓風波於中土，東山烈士長  
痛哭於通衢。  
人皆知恥，我獨無羞。  
豈燕堂越之可樂，撫鹿洞兮馬求。  
原我越之立國，處東亞之一方。  
下從陳李；上溯鴻龐；人心純樸，士  
氣  
逐蘇定於嶺表；擒馬兒於富良。  
旗舉而我占城，失險讓，人長。  
壯我一時之失策；趨科魚；五言七言窮年鹿  
自俗尚文小股終日魚魚；  
文策希場官之鼻息，跼可爲是而奔可非。  
詞賦拾北名人之草唾，齊，駢攬金；滔滔爲六。  
擾徒楚庭私身家之取利，祿紳暗地獄。  
之蓋且驅千請教人千重之黑  
而盡納諸數人千重之黑

財 以 繼 ？ 苦 辱 者 ．  
 何 ？ 之 公 搜 今 日 明  
 兵 以 令 ？ 公 益 公 搜 今 日 明  
 欲 ； 何 有 也 ？ 公 益 公 搜 今 日 明  
 所 才 以 毒 勞 ； 凌 骨 脂 朝 之 錫 已 之 冠 ． 暮 季  
 若 人 延 之 勞 ； 凌 骨 脂 朝 之 錫 已 之 冠 ． 暮 季  
 求 ？ 牽 流 情 ； 存 亦 屈 ； 彼 計 則 之 義 生 沉 猶 痛 之 受 他 唾 罵 ； 碌 碌 如  
 ， 開 ！ 而 人 僅 官 如 神 知 ． 首 下 則 破 腦 卒 殘 人 顏 ． ； 驚 長 片 帆 可 透 ； 送 荆 卿 於  
 為 以 裁 屬 斯 之 聲 之 腥 可 心 吏 延 塗 ． 於 間 婢 厚 誓 而 茫 之 於 去  
 所 ． 何 痛 之 至 骨 存 事 胎 之 痛 官 ． 可 縱 何 日 之 如 卒 ． 世 滄 武 子 一  
 若 足 智 乎 階 勢 皮 既 ． 則 深 安 宜 自 行 喘 ． 之 時 死 淹 走 也 身 水 神 安 ．  
 以 民 嗟 誰 事 日 ． 嗟 民 頹 我 悔 偷 謂 上 而 殘 樂 奈 費 夢 淹 門 士 撫 楚 願 望 水  
 何 日 之 豈 冠 何 生 街 久 易

TRUNG KÌ DAN BIÊN THÌ MẠT KÌ

長歌且哭, 下爭潄潄.

又何必「至誠通聖」良玉名山爲哉.

Phiên âm bài LƯƠNG NGỌC DANH SƠN PHÚ

(Dĩ : câu Lương Ngọc tất danh sơn vi vận)

Quán bất kiến ngà đồng bào chi á tế á châu. Anh hùng đình phi, chí sĩ đào xu.

Nam Hải tiên sinh, cò phong ba ư trung thò, Đông Sơn liệt sĩ, trường thống khốc ư thông cù (câu).

Nhân giai tri sĩ, ngà độc vô tu.

Khởi yển đường chi khả lạc; phú lộc đồng hễ yên cầu.

Nguyên ngà Việt chi lập quốc xứ Đông á chi nhất phương.

Hạ tông Trần, Li, thượng tổ Hồng-Bàng; nhân tâm thuần phác, sĩ khí quật cường.

Trục Tô Định ư Linh-Biêu, cầm Mã Nhi ư Phú-Lương.

Kì cử nhi Chiêm-Thành thất hiêm, qua huy nhi Chân-lạp khai cương.

Tráng tai ngà quốc, khởi nhượng nhân trường.

Tự nhất thời chi thất sách; Toại vận cò chi di ương.

Tục thượng văn chương, sĩ xu khoa mục.

Đại cò, tiểu cò, chung nhật ngư ngư.

Ngũ ngôn, thất ngôn, cùng niên lộc lộc.

Văn sách hi trường quan chi tị tức, chích khả thị nhi Thuấn khả phi.

Từ phú thập bách nhân chi thoá dư, biên vi tứ nhi lệ vi lục.

Nhiều nhiều công danh chi bối, tề thị quốc kim, thao thao lợi lộc chi đồ, Sở đình hiến ngọc.

Cái bất duy tư thân gia, thủ lợi lộc, vi bách đồ chi trực trực; nhi thả khu thiên vạn nhân chi du duệ thân khâm.

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

Tận nạp chư sớ thiên trùng chi hắc ám địa ngục.  
Dĩ nhược sở vi, cầu nhược sở dục, binh hà dĩ cường? tài hà  
dĩ túc?

Dân tri hà dĩ khai? nhân tài hà dĩ dục?

Ta hồ thống tai! khiến diên dĩ hữu kim nhật chi khờ nhọc giả.

Thùy giai chi lệ nhi lưu chi độc dã?

Sự thể chi tư, nhân tình uất uất, công ích công sưu, kim nhật  
minh nhật.

Ta bì cốt chi không tồn, tuấn cao chi chi dĩ tất.

Dân kì thôn thanh, quan diệp khuất tất.

Triều tịch chi quan, mộ đoạt chi phất.

Ngã tác sự chi như thần, bỉ tác thị chi như vật.

Hối thâm tề phệ, tri biến kế chi dĩ tri, Thế cấp nhiên mi, khởi  
thâu an chi khả tất.

Vị nghi thống tâm tặc thủ, trượng nghĩa quyền danh.

Thượng tự quan lại, hạ cập chư sinh, đầu bút nhi khởi, quải  
quan nhi hành.

Tàn suyền khả diên, tác phá phầu trăm châu chi hữu nhật.

Dư sinh hà lạc, tủng đồ can phá nào dĩ do vinh.

Nại chi hà, ưu du tốt tuế, thống dương bất quan.

Phí thời nhật ư thốc bút tàng đấng chi hạ, tụy tinh thần ư  
tụy sinh mộng tử chi gian.

Yêm yêm như tì thiếp phụ nhân, thụ tha thóa mạ, lục lục  
như nha môn tàu tốt, hậu ngã dung nhan.

Sĩ giả; thế tâm thò thất, hao mục thời gian.

Phủ thân thế nhi tăng cảm, kinh biến cục như hoàn hoàn!

Sở thủy thương mang, không sái Trường-sa chi lệ, thu phong  
dao lạc, cứu huyền Thần vũ chi quan.

Vọng An tử ư thần sơn, phiến phạm khả thấu, tống Kinh  
Khanh ư Dịch thủy, nhất khứ bất hoàn.

Trường ca thả khốc, hạ bút san san.

Hựu hà tất 'Chi thành thông thánh' Lương ngọc danh sơn  
vì tai!

**TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÌ MẶT KÌ**

**Bản dịch của Huỳnh Thúc Kháng  
LƯƠNG NGỌC DANH SƠN PHÚ**

Hỡi hỡi những đồng bào Nam Việt!  
Cùng giống nòi phải biết thương nhau.  
Giang sơn này bốn ngàn thâu,  
Mà nên vấn hoá bấy lâu thế nào?  
Lo việc đời trải bao biển cuộc,  
Bao anh hùng chịu nhọc bao phen?  
Kề Ông Nam Hải đầu tiên<sup>1</sup>  
Khua đời mong tĩnh từng phen dãi dàu.  
Kìa liệt sĩ vui đầu từng dăm,  
Đang kêu gào thê thảm đường bao!  
Tổ tông ta ở nơi nào?  
Mà cam chịu nhục nữ sao cho đành?  
Người biết thân mà mình chẳng hồ,  
Chịu cúi lòn lấy chỗ vinh hoa.  
Sao không nghe rọng tróng xa?  
Bốn phương thiên hạ người ta thế nào?  
Đầy hãy kể vài câu chuyện cũ:  
Nước Việt-Nam ở giữa Phương Đông,  
Biết bao liệt sĩ anh hùng,  
Dàn tâm cố kết dững trung lạ giương (?)  
Nhớ lại trận Phú-lương ngày nọ<sup>2</sup>,  
Bất Mã Nhi tướng của nhà Nguyễn  
Lại còn Lĩnh-Biểu một phen<sup>3</sup>  
Đuổi thẳng Tô Định chớ quên sử nhà.

1. Ông Nam Hải : tức biệt hiệu của Khang Hữu Vi.

2. Phú-lương : tức sông Nhĩ-Hà.

3. Lĩnh-Biểu : Ngoài Lĩnh-Biểu tức ngoài cõi Việt-Nam.

**TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH**

Quay ngọn giáo phát cờ mở nước,  
Dỡ bàn tay lấy được Chiêm-Thành.  
Sẵn đã ta lại tung hoành,  
Một châu Chân-Lạp tan tành ra tro.  
Hùng tráng thay Việt-Nam vạn tuế!  
Hỏi bấy giờ ta đã kèm ai?  
Một phen thất sách đi rồi,  
Phải đeo cái vạ muôn đời thắm chưa?  
Đau đớn nỗi nhà nho hủ bại  
Tục di truyền cái hại khoa danh?  
Mấy vần thơ phù loanh quanh,  
Suốt năm suốt tháng tranh giành từ chương  
Dơ danh nhĩ! quan trường đáng ghét,  
Dỡ bảo hay chi xiết là ngu!  
Dùi mài đèn tử công phu,  
Học nhai bả dã, học mù quáng thêm.  
Than ôi! cứ triền miên chi tá,  
Nọc di truyền nhục nhã lắm thay.  
Xem ra sự thế nường này,  
Nhân tình phần uất càng ngày càng tăng.  
Nạn sưu thuế nó chần vào cò,  
Rút ruột gan thịt mỡ chẳng còn.  
Thịt xương ngày một hao mòn,  
Chỉ trơ cái xác không hồn đó thôi.  
Giương mắt chầu mà ngồi đợi chết.  
Thảm thương thay đất Việt đi đời,  
Hỡi người trí thức kia ơi!  
Trên thời quan lại dưới thời thư sinh,  
Nên vì nghĩa vì danh một chút.  
Quảng mũi đi viết bút đứng lên,  
Đừng cam chịu tiếng ươn hèn,

TRUNG KỲ DÂN BIẾN THÌ MẶT KÍ

Hơi tàn còn thờ chớ quên phục thù.  
Tiếc chi cái sống thừa nhục nhũ,  
Quyết đim thuyền đập chỗ đi đi <sup>1</sup>  
Phơi gan nát óc quân chi,  
Thù chung trả được ta thì mới vinh.  
Đau khổ thể làm thành sao nữ,  
Cứ lần lần lữa lữa qua mau,  
Dưới đèn cầm cục khổ tâm,  
Say sòng mè chết học chằm lấy gì.  
Bọn ăn cắp chợ Tề lảng nhãng <sup>2</sup>  
Cốt khoảng vàng chửi mắng mặc ai.  
Nha môn lũ lệ chạy bài,  
Mặt dày may dạng coi trời bằng vung.  
Phàm có chi ai không tư tưởng  
Hồ đời trời sống uồng mà thói.  
Thế rằng cái tằm thùn tòi  
Ngồi trơ mắt châu trông trời thăm thương.  
Thân thể thể đoạn trường bao kẻ,  
Cuộc đời thay sự thể khôn ngàn.  
Nước sông Sở cuốn bao lần  
Là dòng lệ thấm tưới dòng Trường-sa <sup>3</sup>

1. Đim thuyền đập chỗ: Hạng Võ đem quân đánh Tần đập nổi, đánh đắm thuyền, quyết tâm không trở lại, nếu không thắng được địch.

2. Chợ Tề: Ở nước Tề có một người ăn cắp vàng giữa chợ bị bắt. Khi hỏi y: « Tại sao chợ đông người như vậy mà dám cướp vàng? ». Y trả lời: « Lúc đó tôi chỉ trông thấy vàng mà không thấy người ».

3. Lệ thấm tưới dòng Trường sa: Giả Nghị qua sông Mịch-La làm bài văn điếu Khuất Nguyên. Lời văn bi đát làm nhiều người rơi nước mắt.

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

*Sương thu lạnh phủ mờ bóng mũ  
Trước cửa quan Thần-Vũ vắng teo<sup>1</sup>  
Xa trông từng núi hát hiu.  
Như hồn chiến sĩ đang kêu gọi sầu.  
Tiền Kinh Kha dẫu sông Dịch Thủy  
Khuyến người đi đắc ý trở về.  
Cả lá giọng khóc thảm thê  
Ném tung bút sách nói chi thi từ.*

Thơ ấy có ý làm đề chế nhạo việc khoa cử. Ý nói nếu cứ theo việc khoa cử như vậy đến trăm năm, thì phải cam chịu mắng nhiếc trăm năm, lại không biết ngày nào ra khỏi cái chuồng, cái lồng khoa cử ngu dân ấy.

Nam quan chỉ bài thơ của mấy người đó làm, cho nên nói vậy. Nhưng có làm bài thơ ấy thì cũng không có lẽ gì bắt tội được. Và lại, đem lòng đau xót vì việc đời mà gửi vào thơ văn, cũng là sự thương của văn sĩ Đông Tây xưa nay. Bình nhật thơ văn của tôi cũng thương như thế. Lại tôi đưa thư cho quan Toàn quyền và viết bài đăng báo, tôi cũng đã nói thường về việc khoa cử như vậy. Nếu nhà nước quả lấy điều đó mà bắt tội, thì chưa đợi đến vụ xin xâu mà đầu tôi đã bị bêu lên rồi! Nay dân việc đó mà làm án, thì chẳng cũng kì quái lắm sao?

---

1. *Sương thu lạnh phủ mờ bóng mũ*

*Trước cửa quan Thần-Vũ vắng teo :*

Đào Hoàng Cảnh thời Nam Bắc Triều (Trung-Hoa) làm quan nước Tề, thấy Tề sắp mất, liền dâng biểu từ quan, treo mũ ở cửa Thần-Vũ rồi vào núi đi tu.

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THỈ MẶT KÌ

Nếu nói rằng có quyền làm thi vô lí cũng được, muốn bắt tội ai thì bắt! nhưng cũng phải chỉ hai câu ấy ai làm, không lẽ cả bốn người làm hai câu ấy hay sao? Và lại, bài thơ cùng với việc PHAN BỘI CHÂU, cùng với việc xin xâu, liên hệ nhau thế nào? chưa thấy nói. Đó là chín điều không thể hiểu?

b) « Nói trước mặt người quyền mạnh ». Nguyên lúc ấy Ông HUỶNH THỨC KHÁNG bị bắt giam trong ngục tỉnh, Ông PHAN ĐIỆN gửi thư có nói rằng « Đại Huynh, ngày thường hay muốn nói trước mặt người quyền mạnh, sao bây giờ không nhân đó mà nói » (thơ ấy còn đề ở chỗ quan Nam).

Thơ ấy bị quan coi ngục người Nam bắt được, cho nên dẫn ra đề làm án. Trong thơ nói người quyền mạnh là chỉ Công sứ có quyền mạnh, ý nói rằng: Ông HUỶNH THỨC KHÁNG ngày thường muốn yết kiến Công sứ để tỏ bày sự đau khổ của dân, mà Công sứ không tiếp. Nay, sao lại không nhân lúc bị bắt, Công sứ xét hỏi mà nói ra. Bởi vì lúc ấy tuy thân sĩ bị bắt gấu, song ý họ còn mong quan Pháp lấy lòng công bình xét hỏi nên nói thế. Thơ ấy có ý nghĩa rất minh bạch, phàm người Nam có học biết chữ chút ít, đều hiểu cả, mà đường đường hai ba quan đại thần tỉnh lại không thông, đã là một việc lạ, lại trở lấy cứ ấy mà bắt tội người ta, thì chẳng cũng là một điều lạ hơn trong những điều lạ kia sao! Và lại, nói Công sứ là người có quyền mạnh mà bị xử tử, thì đọc hết những pho truyện quan lại cay nghiệt trong lịch sử chuyện chế ngang tàng xưa nay, cũng không thể thấy một việc như thế? Cái câu này là câu bất thông nhứt trong bản án. Quan Nam học thức như vậy, thì việc dám sát nhân cũng không lạ gì! Đoạn này án tình vô lí, văn nghĩa cực kì bất thông, lại không dính dáng gì đến việc xin xâu. Đó là 10 điều không thể hiểu?

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

c) « *Lấy điều thương yêu đồng bào làm đầu* ». Đọc đến câu này thì càng phải than rằng lòng người nước Nam đã chết mất cả rồi! Câu nói như thế, đầu hàng chót trong loài người cũng không nói ra, huống chi đường đường là quan lớn ở trên dân! Than ôi! Người Nam sao mà thoái hoá mau quá vậy? Thương yêu đồng bào mà phải xử tử, thì ghét đồng bào chắc có công to, mà giết nhiều đồng bào chắc có thưởng lớn! Có lẽ nào như vậy sao? Nhưng mà 4, 5 năm nay, ở Trung Kỳ, trên từ đại thần dưới đến quan nhỏ, không ngày nào là không thấy thăng quan tấn chức, nhiều người không hiểu tại sao, nay thì đã biết rõ rồi vậy! Cái án như thế trong lịch sử Đông Tây xưa nay chỉ thấy có một! Đó là 11 điều không thể hiểu được.

6. « *Trong mấy trường học, diễn thuyết, đều dùng nhiều lời trái quấy, tuy ở trong có nói mở trí, lo làm ăn, siêng học, bớt xa xỉ các việc; nhưng cả thầy đều lấy dân quyền làm chủ nghĩa, xui người ta sinh lòng khinh rẻ* ».

Lời trái quấy là lời gì? Đã nói nhiều sao không dẫn 1, 2 lời làm chứng. Đã không dẫn lời trái quấy mà dưới lại nói mở trí; lo làm ăn, siêng học, bớt xa xỉ các việc mà dưới nữa lại nói tiếng rằng cả thầy đều lấy dân quyền làm chủ nghĩa, thì nói các việc đó là trái quấy hay sao? Hoặc nói các việc ấy là chủ nghĩa dân quyền hay sao? Và lại, các việc ấy can thiệp đến việc xin xâu thế nào, 3 đoạn này án tình vô lí, văn nghĩa thì rất không thông. Đó là 12 điều không thể hiểu?

7. « *Xét tình thiệt thì do PHAN CHU TRINH, HUỲNH THỨC KHÁNG xướng ra, còn mấy tên đó phụ hoạ mà thôi* ».

Từ đầu bản án đến đây chưa hề dẫn đến tên họ tôi (PHAN CHU TRINH) và việc làm của tôi, nay thỉnh linh nhét vào một

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THỊ MẠT KÍ

câu PHAN CHU TRINH xưng ra, nếu nói rằng các việc kể trên đều do tôi xưng, thì cũng phải kể ra cho rõ ràng, hà tất phải nói lơ dờ, nửa nuốt nửa nhà như thế? Vả tôi đã xưng ra thì tôi nhận, những việc xưng ra đó có dính dáng với việc xin xâu hay không? Sao không nói rõ? Đoạn này án tình vô li, văn nghĩa bất thông. Đó là 13 điều không thể hiểu.

8. *«Bây giờ đây, dân trong tỉnh lộn xộn, chưa chắc không phải là lời nói dân quyền lần lần gây nên».*

Cái án này là do sự dân xin xâu mà sinh ra. Đáng lẽ phải lấy việc dân trong tỉnh xin xâu làm chủ não mà kể rõ thiệt chứng là thân sĩ dụ dân làm loạn, rồi mới xét đoán định tội; đó là thường lệ kết án vậy. Nay trong án từ đầu đến cuối, không nói gì về việc xin xâu, mà nay thỉnh linh nhét vào một câu *«dân tỉnh lộn xộn»*, lại đổ tội cho cái thuyết dân quyền, còn lời nói trung gian đề chuyển xuống là chỗ rất quan hệ, lại dùng lời nói *«lỡ khứa»* mà rằng *«chưa chắc không phải»*. Vậy thì phải hay không phải? Sao lại đen tối đến thế? Đoạn này là chỗ quan yếu của toàn bản án, sống hay chết là do đó, mà nói một cách lơ dờ không nhứt định. Án tình là vô li, văn nghĩa là bất thông. Đó là 14 điều không thể hiểu được.

9. *«Nếu không chiếu luật mà trị tội cho nặng thì dân sẽ bắt chước nhau mà làm chuyện quấy, không khỏi có điều trở ngại cho chính quyền, mà việc cai trị sinh ra khó làm».*

Trị tội thì nặng lắm đó! mà thử xem họ chiếu theo luật nào kia. Buông ý giết người, như làm cỏ rác, thì việc cai trị không khó gì mà làm không được. Đoạn này là lời đoán song thử đọc lại từ đầu đến đây, thì có việc gì là can thiệp đến việc cai trị không? Đó là 15 điều không thể hiểu được.

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

10. «... Nếu xét theo ngày thường những người đó, và so sánh với lời bàn của số đông, hỏi xét rõ ràng đặng bắt tội cho xứng đáng ».

Đoạn này không quan hệ gì, những lời nói mơ hồ, không thể không biện bạch.

Nếu xét bình nhật thì bình nhật quả những người đó có phạm gian, phạm pháp gì không? Quả là kẻ hiệp người lấy của, ai ai cũng biết tiếng không? Quả là bọn không biết xấu hổ, không kè chi lời chê cười của thiên hạ không? Lại nói xét thì xét bằng cách nào? Hay là xét bằng cách sai quan binh khố xanh đem vài mươi lính như lang, như hồ xông vào nhà người ta, phá rương trút tráp, thấy vật gì cũng lấy, cướp đến gà heo, như vậy là xét đó phải không?

Còn nói lời bàn của số đông, là nói số đông nào? Quan hay dân? Nếu nói dân, thì số đông bị bắt đương rên la dưới ngọn roi lưỡi kiếm, cứu chết không xong, còn có lời bàn là gì! Còn số đông chưa bị bắt thì nuốt giận cảm mồm, chưa biết bị bắt ngày nào, lại đâu có lời bàn được; nếu nói quan thì chẳng qua một hai quan lĩnh cùng với một Công sứ, ở trong màn đen tối, hoặc có bàn hay không, người ngoài không ai biết, thì gọi số đông sao được?

Lại nói « minh bạch » thì quả là minh bạch sao? Nói « hỏi », thì quả có hỏi sao? Nói « xứng đáng » thì quả là xứng đáng sao? Tự cho là minh bạch mà ám muội như thế, nếu không minh bạch, thì còn thế nào nữa? Tự cho là xứng đáng mà bất bình như thế, nếu không xứng đáng thì đem đến chỗ nào nữa kia?

11. « Chiếu theo luật « Mưu làm giặc mà chưa làm », định

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÌ MẠT KÍ

tội: HUỖNH THỨC KHÁNG, PHAN DIỄN cùng bắt tội như PHAN CHU TRINH, xử tử đây Côn-Lôn, còn NGUYỄN THÀNH và LÊ BÁ TRINH, thì đánh 100 gậy đây di xa 3.000 dặm ».

Thử đọc án văn ấy từ đầu đến đuôi, quả có việc gì dính dáng đến việc mưu làm giặc không? Không những là không dính dáng đến việc ấy mà những việc đã nhắc ra lại đều là những việc lợi ích, những việc tất yếu cho cuộc sinh tồn của loài người. Nếu cấm cả những việc đó đi, thì người nước Nam trừ phi ăn trộm, ăn cướp, đi xin và cầu làm quan thì tuyệt nhiên không còn một con đường nào khác để sống còn! Trong thiên hạ chẳng lẽ lại có cái luật cực ác, cực vô lí như thế sao? Nhưng mà quan Nam ngày nay có chỗ dựa nên dám công nhiên viết ra rằng: « *Chiếu luật xử tử* » thì sự không sợ sệt gì đã đến tội bực vậy! Quan Nam học thức như thế, tâm trường như thế, thì không lạ gì quan Đại thần nước Pháp ở Đông-Dương một mực đặc biệt bảo hộ họ, đương lo thêm quyền cho họ, để khiến họ làm việc xé thịt người Nam! Đến nay dân bị oan sâu như biển, tiếng oan xông lên tận trời, mà hễ có một hai người nhân ái công bình muốn lập Toà Thẩm Phán riêng biệt ra, thì lại tìm trăm kế để làm trở ngại! Thảm hại thay!

Trở lên tôi đã chú thích từng đoạn và lược thêm lời biện bạch, không phải dám sinh viết thêm chuyện, còn nhiều chữ nhiều câu bất thông và vô lí khác chưa kịp trích ra; nếu trích hết thì sợ xem cũng chán mắt. Bởi vì quan Nam thuở nay vô luận án gì, chỉ tuân theo lời Công sứ dặn miệng, rồi về tom góp làm ra, toàn không đoái hoài đến tính mạng nhân dân, cũng không nghĩ chi đến nghị luận bên ngoài, việc dân oan khuất mà bằng theo lời nói miệng thì còn có thể thăm kin mà làm, còn viết ra văn tự thì thường thường phải chống chọi. Nhưng mà từ 20 năm lại đây, tính mạng người Nam, đã trao

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

đút vào trong cái màn tối tăm ấy không biết là bao nhiêu, mà quan Nam cũng toàn nhờ đó mà được yên, được sang. Đến nay thì việc hình án đã thành thói quen như vậy rồi!

*PHỤ AN.* — Đây là cứ theo nguyên văn quan tỉnh Quảng-Nam kết án mà lục ra, còn sau tư về Bộ rồi không biết có sửa đổi chữ nào không. Song dầu có sửa đổi thì cũng thế thôi, vì quan lớn ở Bộ so với quan lớn ở Tỉnh thì học thức và làm thuật cũng chưa thấy hơn chi. Tức như cái nguyên án của tôi, đến nay cũng chưa dám phát biểu, khi tái thẩm, tôi nài xin xem nguyên án mà quan Pháp không chịu cho, thì sự đen tối chắc còn hơn vậy.

### C. Gian tình của các án ấy

1. Thuở ấy dân trong tỉnh<sup>1</sup> xin xâu, liên lụy đến thân sĩ, nên bắt giam từ tháng 2 đến tháng 8 mới kết án, thì cái án ấy thiệt thuộc về cái án xin xâu, nay về phương diện xin xâu thì bỏ đi hết, lại lấy việc thông mưu với PHAN BỘI CHÁU làm cơ chính. Đó là một điều gian.

2. Đã lấy việc thông mưu với PHAN BỘI CHÁU làm chính thì phải dẫn chứng sự thiệt thông mưu thế nào, nay lại dẫn ra như hội buôn, diễn thuyết, mặc đồ tây, trường học, khai trí, trị sanh, siêng học, liết kiệm, yêu đồng bào, các việc để làm chứng,

---

1. Trong tỉnh : Tức nhào dân tỉnh Quảng-Nam đi xin xâu bằng cách đi biểu tình đưa yêu sách đòi bớt thuế, miễn làm xâu.

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

nếu thế thì không những không tội mà lại có công. Lại bỗng nhiên xử tội chết. Đó là hai điều gian.

3. Trong án xử tử thân sĩ ba tỉnh Quảng-Nam, Nghệ-An, Hà-Tĩnh đều có nói « *cứ theo lời khai của HẠ* » mà lời khai thế nào thì không nói ra, và danh HẠ, thì không khi nào đem ra đối chứng cả. Đó là ba điều gian.

4. Buổi ấy quan Pháp và quan Nam đều cho thân sĩ Quảng-Nam đồng tội với tôi, nên một mực theo án của tôi mà kết án. Vả lại, cho tôi là thú phạm. Tôi đã nhờ được xét lại, cớ sao án thú phạm được tha mà tông phạm lại không nói đến? Quan Toàn quyền trước vì cho lỗi do các quan của hai nước ở Trung Kỳ nên không xét lại. Đó là bốn điều gian.

### D. Vì sao mà gian dối ?

1. Lúc ấy Khâm sứ Huế muốn giết tất cả thân sĩ có danh tiếng ở Trung Kỳ. Trước hết bắt tôi và xử án chém rất mau chóng. May tôi nhờ các chi sĩ Pháp ở Đông-Dương cứu khỏi chết, và quan Toàn quyền lại đánh điện giảm đảng đày Côn-Lôn <sup>1</sup>. Khâm sứ không làm sao được, nên đối với thân sĩ, cố ý

---

1. Phan Chu Trinh sau khi bị bắt ở Hà-Nội giải về Huế (giam ở Hộ-Thành) và bị giải ra cửa Đông (Thượng-Tứ), Ông ngỡ là dẫn đi chém, Ông hỏi người lính áp giải mới biết rằng mình bị đày Côn-Lôn. Ông bèn ứng khẩu ngâm.

*« Luy luy già toả xuất đó môn,  
Khảng khái bi ca thiết thượng môn. »*



## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

giam lại lâu, để kiểm chuyện thêu dệt, chờ lâu đến tháng 8, mà tìm không được một mảy may sự thiệt, nhưng ý làm sao cũng muốn đưa họ đến chỗ chết mới bằng lòng, nên không thể không vu cho họ việc thông mưu với PHAN BỘI CHÂU, vì PHAN BỘI CHÂU là người chống lại với nhà nước Bảo hộ, bên Pháp đã biết, muốn dăm xa xôi, việc làm thầm kín, không ai biết manh mối, vu hãm rất dễ. Đó là một cơ.

2. Cũng lúc ấy, Công sứ theo lệnh của Khám sứ nghiêm sức quan Nam ở tỉnh, phải âm thầm tìm cách vu hãm thân sĩ cho đến phải chết, nhưng quan Nam trăm kể cũng không tìm được việc gì. Nghe nói quan Nam có bắt được hơn 100 dân nghèo đi xin xâu, trói cả tay chân giam đánh rất ghê gớm, bảo phải khai cho thân sĩ lên xui. Tuy mình mảy mủi nở, mà không một người nào chịu khai, cũng có dọa xù chém và chém hết 2, 3 người rồi, mà dân nghèo vẫn kêu van là « *minh làm mình chịu* », chớ không khai đồ cho ai. Sau rồi, có một tên dân khai rằng: thân sĩ là (...) bày biểu, quan Nam mừng lắm, liền đem thân sĩ ra đối chứng. Khi thân sĩ ấy đến ngoài thềm, thì tên dân nọ chạy tới Ông mà xin lỗi, vừa đưa mình mảy tay chân, máu chảy lai láng cho Ông coi, vừa nói rằng: « *Độc thăm như vậy, không sao không khai gian đề mong sống rớt lại, Ông thiệt không bày vẽ chi cả* ». Ông thân sĩ và người chung quanh thấy

---

Quốc thờ trăm lán dân tộc tụy  
Nam nhi hà sự phạ Côn-Lôn »

(Xiềng gông cả kệ biệt Đô môn,  
Khẳng khái ngàm nga lưỡi vẫn còn  
Đất nước đăm chim nòi giống môn  
Thần trai nào sợ cái Côn-Lôn)

(Huỳnh Thúc Kháng dịch).

## TRUNG KÌ DÂN BIÊN THÍ MẠT KÍ

vậy đều chảy nước mắt. Quan Nam thấy nóng nôi ấy, thì thất vọng vô cùng. Từ đó về sau cứ ngồi trong cửa kín mà kết án, thân sĩ nào cũng không xét hỏi đến vậy.

Quan Nam tuy vâng cái lệnh gặt gao của quan Pháp nhưng khổ nỗi không tìm được cơ gì để kết án xử tử, nên lượm lặt nào là hội buôn, nào là diễn thuyết, nào là mặc đồ tây, v.v... bày bố ra cho thành cái án. Tôi nghe dịch xác rằng: lúc đầu định án, chỉ được mỗi người 3 năm, 5 năm hoặc 8 năm thôi, khi tư qua Công sứ thì Công sứ nổi giận la rầy, nói những án ấy làm nhẹ quá! Quan Nam sợ hãi, không biết làm sao, mà quan Pháp thì cứ hối thúc mãi, nên bắt đặc dĩ cứ đề y cái án cũ, chỉ thêm vào sau một câu là « chiếu luật mưu làm giặc mà chưa làm, mà xử tử », thành thử tội kẻ ra không xứng đối với án. Đó là hai cơ (một cái chứng, người huyện tôi là Tú tài DƯƠNG THẠC, <sup>1</sup> lúc đầu án chỉ 3 năm, sau cùng xử tử, đây Côn-Lôn).

3. Đương thời, các loà quan Pháp cho trình thám đi khắp trong làng xóm, dọa ép dân đủ cách, khiến họ vu cho thân sĩ, mà không được. Quan Nam cũng búa vạy bốn mặt, may chỉ có tìm được cơ để làm đẹp mắt quan Pháp chăng?

Nguyên trước vụ xin xâu một năm, là năm 1907, quan Án sát Hà-Tĩnh là CAO NGỌC LỀ (nay đã thăng chức, nhân phẩm và lịch sử ở Trung Kỳ ai ai cũng biết) có tìm được một tàn tướng của Ông PHAN ĐÌNH PHÙNG, tên là Hạ. Tên ấy đã già lại

---

1. DƯƠNG THẠC hay Dương Đình Thạc, hiệu là Trường-Đình, anh là Dương Đình Thường (đỗ Tú tài) bạn đồng học với Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh. Sau vụ xin xâu Dương Đình Thạc bị đày Côn-Lôn, anh là Dương Đình Thường đày Lao-Bảo. Cả hai anh em người chết ở Côn-Lôn, người bỏ mình nơi núi rừng Lao-Bảo.

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

nghiện, có nghề làm thuốc phiện tuyệt giỏi. Quan Án sát trước lấy oai doạ dẫm lấy cung, tên ấy không sợ, không nói gì, sau lại dỗ ngọt, lấy rượu, thịt, thuốc phiện mà cho, thì tên ấy, trước bần đần, hăm hở nói rằng : « Sĩ phu nước Nam mưu sao, tôi đều biết cả ». Quan Án nghe nói, mừng quýnh, lại đãi hậu hơn, coi như được ngọc quý giá hơn ngàn vàng.

Trước đó, Ông Tiến sĩ tỉnh Hà-Tĩnh là NGÔ ĐỨC KẾ, bị Án sát ấy vu hãm, bắt giam một năm mà không chứng cứ gì, tiếng oan sôi nổi, nhật trình Pháp ở Đông-Dương cũng vì Ông tố nổi bắt binh, Án sát lấy làm khó xử tri, gần thả ra. Nay bỗng nghe tên HẠ nói thì mừng quýnh. Thăm kín dặn riêng bảo vu cho Ông Tiến sĩ ấy việc thông mưu với Ông PHAN BỘI CHÁU, tên HẠ cũng vắng dạ.

Hôm sau là ngày đem Ông Tiến sĩ đối chứng với tên HẠ, lại mời Công sứ thân đến xét hỏi. Công sứ nghe nói, trong lòng cũng khen tài. Không ngờ khi Công sứ hỏi, thì tên ấy nhút nhút trả lời y như Án sát dặn, Công sứ cũng bảo làm bản cung, cũng mừng lắm, nhưng khi Công sứ bảo nó lại gần hỏi nó sao mà biết được, thì nó trả lời rằng : « Đó đều là những điều Án sát bảo nói ». Công sứ giận lắm, mắng rằng : « Nếu quả Án sát đã bảo, thì sao mày lại nghe theo ? » Nó trả lời : « Không nghe thì không có thuốc phiện để hút, lại không có rượu thịt ». Công sứ nạt rằng : « Mày dù nghe theo sao nay lại phản cung ? » Nó nói : « Sự vụ chứng thì làm cho người ta chết oan ». Quan của hai nước không biết làm sao, chỉ đem nó giam lại thôi, nhưng nó không vợ con, không nhà cửa, thì dầu ở địa ngục, nó cũng xem như thiên đàng vậy !

Từ đó về sau, phạm án tử hình của thân sĩ Trung Ki, đều

## TRUNG KÌ DÀN BIẾN THÌ MẬT KÍ

nói cứ theo lời khai tên HẠ làm chứng, mà không lục ra lời khai thế nào, lại không dẫn nó đối chứng nữa. Đó là ba cơ.

4. Lúc ấy, tuy tôi được cứu khỏi chết, nhưng cái án của tôi, thì do đại thần Viện Cơ mật thảo ra, quan Khám sứ kí tên và quan Toàn quyền duyệt y, nên cái tội danh xử tử đầy Côn-Lôn chung thân, đã thành như một cái án sắt, vững như núi, không thể phá được. Các quan Pháp, Nam các tỉnh, tuy làm án nặng các thân sĩ, đều lấy cơ thông mưu với PHAN BỘI CHÂU làm chính, nhưng cái khổ là thiệt không có chứng cứ gì, nếu vội xử tử, thì sợ cái án không thành, lại nhân phần nhiều thân sĩ can án là người đồng học với tôi, là bạn bè của tôi, ngày thường qua lại với tôi. Cho nên, nói tôi là thủ xướng cho nặng thêm, rồi hạ một lời là xử đồng tội với tôi, để đưa đến cái án xử tử cho tiện. Đó là một sự xảo quyết.

Không ngờ nay tôi được ơn xét lại mà thả ra, thì những án thân sĩ các tỉnh ngày nay lại thành ra nghi án vậy. Bởi vì, người cầm đầu đã được tha, thì người theo sau không lẽ nào còn phải chịu tội nặng nữa. Mà nếu như thế, thì cái điều mà ngày trước cố ý dùng làm cho họ chết, trở lại làm cho họ sống, thật các quan Pháp, Nam không bao giờ cam chịu như vậy được! Bởi thế cho nên, tôi tuy được xét lại, mà những án của thân sĩ khác, đến nay, các quan lớn Pháp, Nam cùng nhau giấu kín, không chịu dỡ ra coi lại, là vì vậy. Đó là bốn cơ.

### III. TÌNH HÌNH THẨM SÁT

Trong buổi đàn các tỉnh nổi dậy, thì bị giết chết nhiều, nhưng nhiều người và nhiều việc tôi không biết, hoặc biết mà

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

không được rõ. Nay tôi xin đem cái án Ông TRẦN QUI CẤP, Tiến sĩ, thuật rõ đầu đuôi ra trước, và biện bạch thêm. Nếu xem qua thì cái tình hình đen tối của xứ Trung Kỳ lâu nay không nói cũng biết vậy.

1. Tiến sĩ TRẦN QUI CẤP<sup>1</sup> người tỉnh Quảng-Nam trước làm giáo thụ phủ Thăng-Bình tỉnh ấy<sup>2</sup>, năm 1907 dời vào tỉnh Khánh-Hoà, cũng giữ chức giáo thụ một phủ. Sau khi tới nhận chức thì Ông diễn thuyết nói sự ích lợi về việc học, khuyên nhân dân mở nhiều trường học. Ban đầu, thì Công sứ Pháp và Nam trong tỉnh cũng khen và khuyến khích Ông. Đến khi dân Quảng-Nam nổi dậy, tuy có lan ra các tỉnh gần, mà dân tỉnh

1. Trần Qui Cấp hoặc Trần Nghị tự là Dã-Hàng, hiệu là Thai-Xuyến sinh năm 1870, quán làng Bất-Nhị, huyện Diên-Phong (nay là Điện-Bàn) bạn đồng châu, đồng song và cũng là đồng chí của Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng. Ông là một trong bộ ba hay chữ «*khét liếng*» của Quảng-Nam ở Huế vào thời đó (Huỳnh Thúc Kháng — Phạm Liệu). Trong công cuộc vận động Duy tân, Ông là tác giả những bài thơ Quốc ngữ rất nổi tiếng trong ý niệm cách mạng cũng như tư tưởng dân quyền. Ông bị chết chém ở Khánh-Hoà năm 1908. Huỳnh Thúc Kháng lúc bị giam ở nhà lao Hội-An (Quảng-Nam) nghe tin sét đánh này có làm một bài thơ khóc TRẦN QUI CẤP, trong đó có câu :

« Trục tương tàn học khai nô lữ  
Thùy tín dân quyền chủng họa còn  
Bồng đảo xuân phong huyền viễn mộng  
Nha-Trang thu thảo khắp anh hồn »

Huỳnh Thúc Kháng tự dịch :

(Quyết đem học mới thay nô kiếp, (kiếp nô lệ)  
Ai biết quyền dân nầy họa nguyên.  
Bồng đảo gió chưa đưa giấc mộng,  
Nha-Trang cỏ đã khắp hồn thiêng).

2. Tỉnh ấy: tức tỉnh Quảng-Nam.

## TRUNG KÌ DÂN BIÊN THÌ MẠT KÍ

Khánh-Hoà thi ở yên như thường. Không ngờ quan Pháp và quan Nam tỉnh ấy, dụng tâm âm hiểm, bắt Ông giáo thọ ấy và giam không dậy một ngày một đêm, toàn không xét hỏi gì, liền kết án xử tử, lập tức đem chém tại chỗ.

Nghe nói đích xác là mới đầu quan tỉnh là PHẠM NGỌC QUÁT xử án «*lãng tri*» (dốt), rồi sau dời ra «*trảm quyết*» (chém ngay). Chém được một giờ, thi được dây thép quan Toàn quyền sức giải đi Côn-Lôn, nhưng mà đã giết chết rồi không sao mà sống lại được! Đến nay thì cái án ấy hoàn toàn giấu mặt, không đem ra tuyên bố cho ai biết, còn thầy và đầu cũng không cho người nhà nhận lãnh (khi đó có người nhà đi theo, song chém rồi thì bắt ngay người nhà giải về Quảng-Nam lập tức), mà cũng không biết chôn vào chỗ nào. Than ôi! Trong thiên hạ có đầu mà coi mạng người như cỏ rác, có đầu mà giết chết một người chí sĩ, một cách dữ tợn như vậy ư!

### 2. Cái án ấy có tám điều oan.

a) Ông Tiến sĩ ấy, phẩm hạnh tốt và trong sạch; học và hành đều giỏi, thờ mẹ rất có hiếu, trong đám thân sĩ Quảng-Nam, Ông ấy đứng đầu, sĩ phu theo học có hơn trăm (sau khi Ông chết, thi học trò Ông phần uất không có chỗ kêu, nhiều người bỏ nước mà đi) danh tiếng của Ông người các tỉnh ai cũng biết. Bình nhật Ông làm nhiều sách, khuyên người trong nước lo học, đừng trông vào người ngoài vô ích mà lại có hại. Những việc đó Ông nói rất rõ ràng. Nhân phẩm như Ông, nước Nam ít có lắm, không tội gì mà bị giết tức, giết tối. Đó là một điều oan.

b) Diễn thuyết cổ động, khuyến khích việc học là một chức

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

vu của thầy giáo, hưởng chi quan Toàn quyền BEAU cũng đã có sức bảo quan tỉnh phải chuyển sức xã dân lập trường dạy học, thì việc ấy là công lệnh của nhà nước. Nay vì cứ đó mà bị giết tửc tồ. Đó là hai điều oan.

c) Công sứ và quan Nam các tỉnh sở dĩ bắt tội nặng thân sĩ là lấy cớ thông mưu với PHAN BỘI CHÁU và xúi giục dân chống sưu, nhưng không nơi nào xử quyết chém liền. Nay ở Khánh-Hoà đã không có việc xin sưu, tuy quan tỉnh có vu hãm thế nào, cũng không có lý gì mà giết chết được. Thế mà giết chết đi! Đó là ba điều oan.

d) Theo pháp luật nước Nam, vô luận người nào, chỉ có làm giặc hay giết người, mới có việc xử ngay tại chỗ nhưng cũng là khi làm trận, hay là khi bị bắt mà chống lại kia. Ngoài ra thì cũng để lại 3, 4 ngày xét hỏi và kết án xong, mới đem ra xử quyết. Nay Ông Tiến sĩ ấy không ở trong trường hợp ấy, lại không xét hỏi gì cả, mà vội đem chém ngay. Đó là bốn điều oan.

e) Theo pháp luật nước Nam, người có khon mục, trừ phi làm giặc, ăn cướp, giết người, thì không có phép bị tửc sở khoa mục, chứ đừng nói xử tử, nếu có mắc tội thì phải giải về kinh đô, xét hỏi 5, 3 lần, lấy chứng cớ xác thiết, rồi tâu lên vua định án. Nam xưa cụ Phó bảng NGUYỄN HIỆU<sup>1</sup>, khởi binh

1. Nguyễn Hiệu hay Nguyễn Duy Hiệu trong dân gian thường gọi là cụ Hương Hiệu (Hồng lộ tự Khanh). Ông sinh năm 1847 tại làng Thanh-Hà, huyện Điện-Bàn, tỉnh Quảng-Nam; đỗ Phó bảng, làm phụ đạo dưới thời Kiến Phước, Hàm Nghi. Năm 1882 Pháp chiếm Trung Kỳ, Ông kêu gọi dân chúng (Quảng-Nam) chống lại thực dân, được vua Hàm Nghi tán

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÍ MẠT KÍ

chống lại với nước Pháp 3 năm, sau bị bắt, cũng phải giải về kinh đô định án xử quyết. Nay Ông Tiên sĩ ấy phi chỉ không có những việc làm giặc, giết người, lại đương giữ chức làm công, không xét mà giết ngay. Đó là năm điều oan.

g) Nếu quan tỉnh ấy có kiểm cách ám muội vụ hãm việc gì, thì cũng phải giải về kinh đô xét hỏi đã. Chính năm ấy, ở Quảng-Ngãi, nguyên Bộ chánh là Ông LÊ THỨ KHIẾT, và thân sĩ là Ông NGUYỄN BÁ LOAN, chưa biết phạm tội gì, bị xử tử, nhưng cũng giải về kinh đô xét hỏi đến 3, 4 tháng rồi mới đem ra chém. Vả chăng, ở tỉnh Quảng-Ngãi có nào động chút ít, còn phải thông thả giải về kinh kết án, nay ở tỉnh

→

trợ. Ông lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp, lập chiến khu tận miền nguồn Quảng-Nam và lập tàn tỉnh tại làng Trung-Lộc (huyện Quế-Sơn). Quân dân cùng Ông một lòng chống Pháp, cầm cự và tiêu hao rất nhiều lực lượng nòng cốt của đạo quân viễn chinh Pháp trong những năm 1885-1886. Lúc đó, Pháp sai Nguyễn Thành vào đánh dẹp. Trước sức mạnh của đạo quân đánh thuê Nguyễn Thành, Ông thấy không thể nào chống cự tự ra nộp mình cho Pháp gần núi Ngũ-Hành Sơn (Non-nước). Sau bị Pháp xử tử tại Huế, trước khi lên đoạn đầu đài Ông có làm hai bài thơ Đường luật bất hủ :

« Hàn sơn kì đặc cổ từng cân,  
Đại hạ yên năng nhất mộc nhi.  
Hảo bả đơn tâm triều liệt thánh,  
Trung thu minh nguyệt bặt ngô qui »

(Núi lạnh, từng cỏi xơ xác đứng,  
Nhà to cột một khó ngăn ngừa.  
Về châu liệt thánh lòng son đấy,  
Tháng tám trăng rằm sẵn nhíp đưa).

[Huỳnh Thúc Kháng dịch].

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

Khánh-Hoà toàn không việc gì cả, chưa biết quan tỉnh ấy nhân cơ sự gì mà lại vội vàng như vậy, đem giết phăng ngay đi. Đó là sáu điều oan.

h) Theo luật nước Nam, hễ gặp những án nặng, như làm giặc, giết người, cướp lớn, thì chém rồi bêu đầu một hai ngày, mới lãnh về chôn. Cái luật dã man ấy, người văn minh ai cũng chê cười. Nhưng còn những án quyết chém khác thì thi hành xong, tức cho thân nhân nhận lãnh ngay. Nay Ông Tiến sĩ ấy quả đã có tội gì mà lại gia hình gấp bội, giấu xác không cho nhận lãnh, làm cách mọi rợ hơn cả mọi rợ nữa. Đó là bảy điều oan.

i) Xưa nay nước Nam vô luận án xử quyết nào, đều lập tức đem tội trạng và án văn đã làm, sao lục tư đi các nơi, lại yết thị ra, là có ý tỏ ra là cùng với công chúng bắt tội. Nay Ông Tiến sĩ ấy quả đã phạm tội gì? Vì sao mà xử quyết? Sau khi giết vợ, đã trải qua 3, 4 năm trường, mà án văn nhất thiết giấu bắt, toàn không tuyên không yết. Đến nay sự oan khuất như chìm xuống đáy biển, không ai biết được. Đó là tám điều oan.

Có tám điều oan như vậy, mà buổi ấy quan tỉnh cả hai nước, tuyệt không chút thương xót, tuyệt nhiên không tra hỏi, quyết muốn làm cho chết mới vui! Than ôi! Hình phạt như thế mà bảo kẻ chết nhắm mắt cũng khó lắm thay! Tánh mạng người Nam như đứng trong vòng lửa đỏ, cũng nguy lắm thay!

### *3. Cái án ấy là gian dối và vì sao mà gian dối.*

Cái án ấy oan ức, tôi đã biện bạch như trên, nhưng quan

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÍ MẠT KÍ

tình của hai nước có thù oán gì với Ông Tiến sĩ ấy mà phải làm chết mới sưng bụng. Tôi xin trích phát cái trình gian ra sau :

a) Ông Bô chánh tỉnh Khánh-Hoà là PHẠM NGỌC QUÁT, là người xảo trá lãn nhàn, mọi người đều biết. Đường quan chậm trễ (Ông ấy làm Án sát lâu mà không được thăng), khao khát được thăng, tuy được bổ làm Bô chánh mà lòng Ông cũng chưa mãn. Nghe quan Toàn quyền BEAU có lòng thương dân, sức dân lập trường học cho nhiều, và cho các tỉnh nhóm lập hội buôn, Ông ấy lanh trí, mong mau lập công, cho nên một mặt sức các dân xã lập trường, lại ủy cho Ông Tiến sĩ Trần giáo thọ<sup>1</sup> khuyên dân dựng nhà học, một mặt Ông ta xuất tiền tỉnh lập hội nông, hội thương (chưa thành), lại chung cớ phần vào hội buôn tỉnh Bình-Thuận. Đến khi nghe dân tỉnh Quảng-Nam xin xâu, những người trong hội buôn, trong việc lập trường học, đều bị bắt làm tù hay bị giết, Ông ta hoảng hốt, lại sợ nhân việc đó mà mất chức, nên tìm đủ trăm kế thêu dệt, đổ hết tội cho Ông Tiến sĩ ấy để toan thoát thân. Đó là một điều gian.

b) Lại sợ, nếu một mai giải ra kinh, thăng có hỏi đến việc trường học, hội buôn, thì Ông Tiến sĩ ấy khai ra, tất lụy đến quan tỉnh, chỉ bằng xử nặng giết ngay để không còn miệng nói. Đó là hai điều gian.

c) Lại nhân lúc Khâm sứ Huế giận dữ, chưa kịp so đo, ra oai hình phạt, đánh điện sức các tỉnh trưng trị thẳng tay (lâu nay ở nước Nam, hễ càng giết người nhiều thì càng mau thăng

---

1. Tiến sĩ Trần giáo thọ : Tức Tiến sĩ TRẦN QUÍ CÁP.

quan ; mỗi lần trong dân có lộn xộn, thì quan Pháp, quan Nam nhiều người được thăng quan lần chức, việc này sẽ nói rõ nơi khác — đến nay đã thành lệ quen nên quan của hai nước đều lấy việc đó làm con đường thăng thưởng duy nhất. Lúc ấy Khâm sứ bảo trị nặng, chớ cũng không nói rõ là giết ngay, nhưng cái lòng cầu quan của quan Nam như thêm khát, gặp cơ hội ấy thì nảy ra ngay, thường thường như thế không chỉ lần này mà thôi !), quan tỉnh Khánh-Hoà được dịp ấy, thì quay lại nghĩ cách khác, thừa theo ý tốt của quan Toàn quyền, thì chưa chắc được công, mà có tội, còn làm cho thoả lòng giận dữ của quan Khâm sứ, thì không những khỏi tội mà có lẽ lại được công. Và lại, nghe trong các tỉnh lộn xộn, bỏ tù nhiều, giết nhiều, có được cơ hội lập công, mà tỉnh mình im lìm không xảy ra chuyện gì, không có đường tiến. Bởi đó, cái lòng muốn gỡ tội và cái hy vọng được thăng hai cái hợp lại mà làm ác, thì Ông Tiễn sĩ nọ không còn lẽ gì sống được ! Quả vậy, sau khi giết Ông Tiễn sĩ rồi, thì quan tỉnh ấy tức thì được thăng làm Tuần Vũ Hà-Tĩnh. Nghe đâu quan ấy đến tỉnh mới, chém giết cũng nhiều, đến nay chưa biết đã thăng lên đến chức gì nữa ? Đó là ba điều gian (lần này các quan lớn các tỉnh vì có không giết nhiều mà bị mất chức, cũng lắm — sẽ nói rõ nơi khác).

d) Quan Nam xảo trá rồi, Khâm sứ nổi giận rồi ! Tuy vậy, giả như Công sứ có lòng nhân một chút thì người Nam cũng được nhờ. Xem như Công sứ tỉnh Bình-Thuận là Ông GÁC-NHÈ, chống lại lệnh Khâm sứ, không chịu hủy trường học, phá hội buôn, bắt thân sĩ. Và lại, quan tỉnh người Nam lúc bấy giờ, theo ý Khâm sứ, kiểm chuyện thuê dặt buộc tội nặng người trong tỉnh, Ông Công sứ ấy nhất thiết cự gắt, không chịu kí tên, lại biện bạch thế người ta, nên họ được thả về mà bảo toàn được một tỉnh, đến nay tiếng nhân dân ca tụng đầy đường, lòng yêu kính cũng như đối với cha mẹ (khi ấy các quan Pháp ở

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÌ MẠT KÍ

Toà sứ thấy ông ấy việc gì cũng lấy nhân ái mà làm, nên cũng nổi lên chống lại Ông. Ông nói Ông làm Thủ hiến một tỉnh, nếu dân làm giặc thì tự Ông chịu lỗi.— Ôi lời nói của người nhân có lợi lắm thay!). Hiện nay người Trung Kì nghe tên Ông, biết việc Ông, ai cũng kính phục hàn mộ Ông không thôi. Than ôi! Ông mới thật đại biểu cái văn minh của nước Pháp vậy.

Nhưng mà Công sứ các tỉnh Trung Kì bây giờ được như Ông là mấy người? Kiến thức và tâm thuật khác hẳn quan An-Nam được mấy người?

Vả lại, lâu nay Công sứ các tỉnh, phạm việc phi pháp đều ép quan An-Nam làm (quan nào còn trọng công lí dòi chút mới dợi ép, còn quan nào trả bạo người thì họ đánh hơi nghe ngóng, làm sao cho vừa ý Công sứ, không dợi ép buộc). Sự thành thì công về Công sứ, sự hư thì đổ tội cho quan Nam, lỗi đó là thường, huống chi những án giết người đều chiếu theo luật nước Nam mà xử, thì càng có cơ để lót miệng vậy. Than ôi! Giết người đã không sợ mắc tội mà lại được công, thì còn ai lo ngại chuyện gì? Bởi vậy Công sứ thì mong làm theo ý Khâm sứ để được lương cao, quan Nam thì mong làm theo ý Công sứ để được chức lớn, nhập cái hi vọng giàu sang bổng lộc của quan cả hai nước lại để làm ác thì Ông Tiến sĩ nọ càng không có lẽ nào sống được! Quả vậy, sau khi giết Ông Tiến sĩ rồi, tức thì Công sứ tỉnh ấy đã trước quan tỉnh người Nam mà được thăng bổ đi nơi khác. Đó là bốn điều gian.

c) Sau khi quan tỉnh ấy đã giết Ông Tiến sĩ rồi ngoài thành cũng như trong thành, tiếng oan sùng sục sôi nổi lại tiếp có điện quan Toàn quyền giảm tội chết, thì quan tỉnh tự biết có lỗi, giấu kín không tuyên án, không để tiết lộ nhiều ra ngoài.

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

Lại e đề người nhà Ông Tiến sĩ ở lâu trong xứ và nhận xác chôn cất, nếu tiếng lăm truyền bá ra xa thì chắc có sự khó xử. Bởi vậy nên giam riêng họ vào một nhà, rồi giải về xứ ngay, không cho nhận lãnh mình đầu, là vì cớ đó. Đó là nam điều gian.

g) Việc lộn xộn yên rồi, nhật trình Đông-Dương có nhiều tờ lấy công tâm, vạch ra gian dối, dư luận sôi nổi, vì thế quan Nam quan Pháp che giấu cho nhau, nên cái lí do vì dân Ông Tiến sĩ bị giết, và cái bản án xứ từ lúc ấy, thấy đều giấu mặt, không dám đem ra mà tuyên bố lại nữa. Đó là sáu điều gian.

Có sáu điều gian như vậy, nên biết thì không ai không thương hai người bị oan. Nhưng lâu nay quan lớn của hai nước cùng nhau che đậy không chịu vì người chết oan mà xét lại đề rửa hờn, là vì sao? Vì nhiều lẽ; vì quan lính cả Pháp cả Nam đã kết án lúc bấy giờ thì nay đã đồng thời thăng chức dời đi. Nếu xét lại cái án ấy thì tình gian lộ hết ra, đặc tội không nhẹ, lại nhân đó có thể kéo lấy đến các quan tỉnh khác đã giết nhiều mà được làm lớn. Như vậy thì cuộc diện quan trường lại phải một phen biến động; sau nữa vì quan Nam hiện nay đề nương nhờ dưới nách quan Pháp ai cũng có chỗ nấp, ai cũng có người đỡ đầu. Nếu một mai vì giết người mà phải tội, mất chức, thì quan Pháp không thể chịu được, thà đề cho chí sĩ hàm oan, thà đề cho nhân dân ta thán, thà đề nhân đó mà hại. Trên tình nhân ái của hai dân tộc, thà đề nhân đó mà làm chướng ngại trên con đường tiến của hai nước. Nhưng quyết không muốn lấy việc hằng trăm sĩ dân nước Nam bị chết ức, bị tù oan mà làm lụy đến mấy lòng của quan trường An-Nam, làm cho quyền lợi họ phải sa sút, đề cho người ta thấy được rằng mình ôm ấp không linh nghiệm. Nghĩ mà buồn thay!

#### IV. TÌNH HÌNH NHIỀU LỤY OAN THẨM

Hai cái án trên, là chỉ đem điều tôi biết rõ hơn mà nói đó thôi. Nay tôi xin nói về tình hình nhiều hại oan ức thẩm thiết ở các tỉnh mà tôi đã nghe biết được, như sau :

##### A. Tỉnh Quảng-Nam

###### 1. Giết chết trong lúc dân biến và xử quyết sau dân biến.

Trong lúc dân tụ đông tại hai bên Toà sứ, bị lính tập xua đuổi, nhảy xuống nước chết đuối 3 người, sau khi biến, bị xử tử 5 hay 6 người, chưa rõ đích xác con số.

Dân Quảng-Nam lộn xộn thiệt do sự kiện về việc xau mà ra, không phải chống thuế, Công sứ cũng biết không phải lỗi tại dân, nên cũng có ý tự trách mình. Và lại, dân nghèo tụ tập ở Toà sứ tuy đông, mà đối với Công sứ kẻ ra cũng giữ trật tự, vì hai lẽ đó nên cách đối đãi so với các tỉnh khác có rộng rãi hơn. Nhưng mà tất phải xử nặng thân sĩ và chém giết nhân dân là vì : một là Công sứ muốn che lỗi mình, hai là quan An-Nam thừa dịp có chỉ thị, kiếm chuyện báo thù. Đó là tình hình thật lúc ấy vậy.

###### 2. Giải tán hội buôn.

Hội buôn ở Quảng-Nam lập tại Hội-An, Ông quan cựu An-Nam là NGUYỄN TOẢN và Ông Cử nhân PHAN DIỆN làm chủ

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

khi làm án thì Ông NGUYỄN TOÀN<sup>1</sup> tuổi già 70, được miễn nghị. Ông PHAN DIỄN thi xú từ dạy Côn-Lôn, tiền thi chiếu theo sổ sách trả lại cho chủ hùn, còn người hùn vốn thi từ thân sĩ đến các nhà giàu đều kết án khổ sai từ 3 tháng đến 3 năm, cũng có bắt tội đến vợ hay cha chủ hùn nữa. Khi trả cò phần cũng rất âm muội, mỗi cò phần là 50 đồng, nghe nói chỉ trả 5, 6 đồng, nhưng chủ hùn đều là người mắc án, nên không dám nói chi, lại cũng có người không dám lãnh, chỉ ki không là đã nhận rồi bao nhiêu thôi.

### *3. Phá trường học, bắt giáo sư và nhiều hại.*

Sau khi bắt giam thân sĩ, phạm sự nghiệp gì của thân sĩ bình nhật làm ra đều nhất thiết phá hủy, những người bình nhật hay qua lại với thân sĩ đều bị bắt, cũng có khi bắt đến thân thuộc, có khi nhân việc mà lấy của cải, súc vật người ta. Nay tôi lược kê ra đây vài việc mà tôi có biết rõ hơn thôi.

a) Xã nào có lập trường học, thì sức ngay quan binh khố xanh người Pháp, dẫn trên 20, lĩnh hiệp với quan tỉnh người Nam, đến tại chỗ hủy đuổi bắt như vào trận giặc lớn vậy. Thảm hại không kể xiết. Nay chỉ nói việc tôi biết chắc chắn mà thôi.

Làng Tây-Lộc, làng tôi ở, thuộc huyện Hà-Đông phủ Tam-Ki, có lập một sở trường học, giáo sư Pháp văn, Hán văn đều có một người, học trò nhỏ trên 40 tên. Tháng 3 năm ấy, giáo sư nghe quan binh Pháp đến tưởng là đi đàn áp loạn dân mà thôi, không biết là đi phá trường học, nên đem học trò ra ngoài đường

---

1. Còn gọi là Ông Bang Tả Ki-Lam. Đồng bào trong tỉnh thường gọi là Ông « Bang Ki-Lam ».

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THỊ MẶT KÌ

trước cửa trường sắp hàng đón rước, quan binh không đáp lễ, bảo lui ngay vào trường sắp hàng ngồi, bảo giáo sư đem vở học Pháp văn hàng ngày ra khiến bọn học trò đọc qua một lượt, lại bảo học trò ra chỗ tập thể thao, thao diễn thử một lượt. Quan binh mang gươm trợn mắt đứng xem. Thịnh linh tay đánh, chân đá giáo sư ngã quỵ xuống đất, nạt linh trối thúc ké hai tay dắt đi ra. Học trò không ngờ thấy việc hung dữ như vậy, nhẩy rào chạy bị thương ở mặt, ở tay chân, van khóc sợ hãi như bầy chim én bị ó diều đuổi vậy.

Lại bắt người anh nhà bác của tôi là Ông PHAN KHẢI, 60 tuổi, bắt người phu trường thuê và dân làng bán cơm, bán rượu vài người (vài người này nửa đường thả về) cùng với hai giáo sư cột chung một dây, khiến linh tập lời chạy, rồi theo sau đánh đập túi bụi như lúa bầy trâu về. Từ đó đến linh phải đi bộ một ngày đường, dương lúc trời nắng gay gắt, đầu không cho đội nón, chân không cho mang dép guốc, đói khát không cho ăn uống, ôi! Độc ác biết bao! (sau PHAN KHẢI bị án khổ sai một năm, mỗi giáo sư bị tù 3 năm).

Xét ra trường học làng tôi lập đã hơn hai năm, nhiều lúc quan Hoạ đồ Pháp tới thăm, thầy trò cũng tiếp rước kính trọng như trên, và quan Pháp cũng đáp lễ theo phép lịch sự, nhân dân truyền nhau cho việc tốt. Lần này tuy dân nghèo có tụ hội tại thành thị mà trong hương thôn cũng yên lặng. Nghe nói quan binh Pháp đến cũng biết là di dân áp nhưng tưởng quan Pháp đã thân hành đến, tất không có điều gì thái quá và cũng tưởng quan binh cũng như quan Hoạ đồ, nên mới lấy lễ tiếp rước, không ngờ xảy ra việc dữ như thế, cũng đáng tức cười mà cũng đáng thương hại vậy!

b) Làng Phú-Lâm, thuộc huyện Lê-Dương, có lập trường

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

dạy trẻ nhỏ cả trai lẫn gái hơn 100 tên, giáo sư thì ba người đàn ông, một đàn bà. Khi nghe quan binh đến, thi học trò chạy tán, quan binh liền hủy phá trường học, hoặc lấy làm chuồng ngựa, hoặc làm phòng trú cho lính, bàn ghế phá chum hết phần nửa, sau rồi dỡ nhà trường đem làm chỗ khác cho vợ con lính tập ở. Bàn ghế còn lại thì cho vợ con lính ngồi hay là dùng làm việc nhà bếp.

Lì trưởng làng ấy là Ông LÊ CƠ<sup>1</sup> (anh bên ngoại của tôi), can vào việc trường học. Ông bị giải ra lĩnh, làm tù 3 năm, chị bên ngoại tôi là LÊ THỊ MUỖI<sup>2</sup> làm nữ giáo viên, cũng bị trói giải tỉnh, may gặp một bà vợ của một Ông quan người Pháp xin cho, mới được thả về.

c) Trở lên hai việc, tôi biết đích xác nên nói ra. Còn ở các phủ, huyện khác, xã nào có trường học, cũng thi hành theo lối đó cả.

---

1. LÊ CƠ: Trong dân gian thường gọi là « Xã Sáu », sinh năm 1859 tại làng Phú-Lâm, huyện Tiên-Phước. Nguyên Ông là một học trò thi trường ba (Tú tài). Năm 1903 bị Tri phủ Tam-Kl buộc làm lì trưởng làng Phú-Lâm. Ban đầu Ông từ chối, nhưng Ông là một nhân vật lãnh đạo của Phong trào Duy tân nên nhận lời để giúp đỡ phong trào một cách công khai. Năm 1908 bị án 3 năm tù. Năm 1911 được trả tự do, đến năm 1916 Ông lại có mặt trong cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân. Do đó Ông bị dây Lao-Bảo rồi bị giết chết nhân một cuộc chống lại sự đối xử tàn bạo của bọn cai ngục.

2. LÊ THỊ MUỖI: Một người nữ giáo viên đầu tiên của trường Nghĩa Thực tại Quảng-Nam vào những năm 1903-1908.

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÌ MẠT KÍ

Vi dụ : Ông TRẦN HOÀNH<sup>1</sup> ở xã Phúc-Bình, huyện Quế-Sơn, biết Pháp văn, làm công dĩa lâu cho mỏ than của người Pháp, sau từ về mở lớp dạy học tại nhà, học trò nhỏ bốn năm mươi. Lúc ấy quan binh Pháp đến liền phá nhà Ông ấy lấy làm phòng lính đóng lâu. Ông TRẦN HOÀNH sợ trốn, quan lính vu cho Ông làm giặc, đến nay còn tìm bắt chưa thôi... còn nhiều việc nữa không kể xiết.

### 4. Tình hình nhiều hại.

Những thân sĩ có can về việc lập trường học thi nhà nước đã cho là làm giặc, nên quan binh nhân đó làm như là ra trận, ngoài việc phá học đường, bắt giáo sư ra, còn thả cho lính tập làm nhiều điều phi pháp, cướp bóc nhiều hại, nhân dân sợ hãi không chịu nổi. Nay xin nói sơ lược ra đây :

a) Ngoài cửa trường làng tôi là làng Tây-Lộc, có vợ chồng người dân làng tên là TRÁ, làm một quán nhỏ bán cơm rượu để nuôi sống. Lính tập kéo nhau vào lấy rượu thịt ra ăn uống.

---

1. TRẦN HOÀNH: Còn gọi là Cửu Cai (Ông làm cai ở mỏ than của người Pháp tại Nông-Sơn (Quảng-Nam). Ông vừa là giáo sư Pháp văn vừa là giáo sư dạy võ của Phong trào Duy tân. Sau khi bị truy nã lâu ngày, Ông bị bắt nhân vụ vua Duy Tân khởi nghĩa và đày Côn-Lôn. Sau khi ra Côn đảo (1917) Ông cùng các Ông Nguyễn Hi Cao (Tú Kiên) và Nguyễn Kim Đài thả bè trốn thoát. Vừa trốn về tới Saigon thì bị bắt và bị đày ra Côn đảo lại. Còn Nguyễn Hi Cao, Nguyễn Kim Đài trốn sang Trung-Hoa cũng bị bắt đày ra Côn-Lôn. Sau (khoảng 1923) Ông (Trần Hoành) được trả tự do. Trở về Huế Ông trở thành nhân viên đặc lực của Huỳnh Thúc Kháng trong toà soạn báo Tiếng Dân (1927-1943). Ông mất vào khoảng năm 1937 (?)

## TÂY - HỒ PHAN CHU TRINH

lại bắt tên ấy đánh rồi trôi dạt đi, tên ấy trốn thoát, lại bắt người em vợ của nó giải ra tỉnh làm án khổ sai 5 tháng.

b) Tại trường làng đó có nuôi một bầy gà ba bốn chục con, để dọn cơm cho giáo sư, cũng bị lính đuổi bắt làm thịt ăn. Lại khi đi đường, thả lính vào gần đường lục bắt gà vịt. Người anh họ tôi là Ông LỬA có một bầy vịt bị lính đánh chết đem đi, Ông ấy cùng với vợ con ra cãi cọ, lính tập lấy báng súng đánh túi bụi, nhân dân tức giận, gần gây ra to chuyện lính mới bỏ đi.

c) Khi phá trường làng Phú-Lâm, thừa cơ hội, rúc vào nhà người ta, nói là đi kiểm soát, trục tráo, lục rương không chỗ nào sót. Bà chị ngoại tôi, nhà cũng bị kiểm soát, nghe nói lúc ấy có bị cướp mất cửa cài.

Đây, tôi chỉ kể mấy việc tôi biết chắc mà thôi. Ngoài ra phạm xã thôn nào có trường học, lính cũng đóng lại một hai ngày, bắt dân sắm ăn uống, nói là bắt phạt, cướp nhiều cũng nhiều, không thể kể xiết. Tình hình đó, tỉnh nào có trường học thì cũng đều có như vậy cả, nhất là ở Nghệ-An, Hà-Tĩnh lại càng dữ hơn.

### 5. Bắt bớ thân thuộc.

Bắt thân sĩ, rồi đến bắt bà con họ nữa.

Anh nhà bác của tôi là Cứu phẩm PHAN KHẢI, đã già lại đau, bị bắt làm án khổ sai một năm.

Anh và chị bên ngoại tôi là LÈ CƠ, li trưởng làng Phú-Lâm, và Lê thị Mười, cũng đã bị bắt như đã nói trên.

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÍ MẠT KÍ

Cháu Ông HUỶNH THỨC KHÁNG là HUỶNH QUÁN đến thăm Ông ấy tại trường giam tỉnh, cũng bị xử giam phạt 5 tháng.

NGUYỄN PHIÊN, em giáo sư Pháp văn là NGUYỄN HẠN tới trường thăm anh, cũng bị bắt bỏ tù 5 tháng.

Anh Ông PHAN DIỆN cũng bị bắt giam, chưa biết kết án gì ?

Cũng có khi bắt đến cha, vợ của thân sĩ nữa.

Ông Cử nhân NGUYỄN BÁ TRÁC và PHAN KHÔI, NGUYỄN MAI<sup>1</sup> cùng bạn học hơn 10 người ra Hà-Nội học tập Pháp văn, sau vụ dân biến, đều đánh diện sức về hết, bạn đồng học năm sáu người tuân lệnh về làng; lúc thi bị bắt làm án. Ông Cử

---

1. — Nguyễn Bá Trác hiệu là Tiêu-Đầu, người làng Bảo-An huyện Điện-Bàn tỉnh Quảng-Nam. Nguyên là học trò của TRẦN QUÍ CẤP, đậu Cử nhân, hưởng ứng Phong trào Duy tân. Năm 1907 ra Hà-Nội học Pháp văn, bị chính quyền thực dân lùng bắt, Ông trốn sang Nhật-Bản. Sau về đầu thú Pháp làm việc tại Phủ Toàn quyền Đông-Dương. Năm 1917 cùng Phạm Quỳnh lập Nam Phong tạp chí. Từ đó Nguyễn Bá Trác trở nên một tay sai đắc lực của thực dân. Năm 1923 làm Tá lý Bộ học, Tuần vũ, Ấn sát (Quảng-Ngãi, Thanh-Hoà, Bình-Định). Năm 1945 bị các lực lượng cách mạng xử bắn ở Qui-Nhơn (Bình-Định).

— Phan Khôi hiệu là Chương-Dân, sinh năm 1887, quán làng Bảo-An, huyện Điện-Bàn, tỉnh Quảng-Nam, cha là một nhà khoa bảng từng làm Tri phủ Diên-Khánh tỉnh Khánh-Hoà, mẹ là con gái Tổng đốc Hoàng Diệu, đỗ Tú tài năm 19 tuổi (1905), sau đó, trực tiếp tham gia Phong trào Duy tân. Năm 1908 bị bắt ở Hà-Nội giải về giam ở nhà lao Hội-An đến năm 1911 thì được trả tự do. Từ đó về sau Ông trở nên một nhân vật nổi tiếng của làng báo và làng văn Việt-Nam. Ông mất năm 1959 ở Hà-Nội.

— Nguyễn Mai (?) người Điện-Bàn giáo sư Pháp văn bị bắt giam ở nhà lao Hội-An cùng một lần với Phan Khôi.

## TÂY - HỒ PHAN CHU TRINH

nhân ấy sợ trốn ra ngoại quốc, nghe nói cha Ông ta bị bắt giam, bực bách đủ cách, nhà Ông trước cũng khá giàu, nay thì đã nghèo xơ xác, mà cái lệnh bắt hờ đến nay cũng chưa đình, như vậy thì không khác gì đẩy người ta ra ngoại quốc vậy.

Bà con của thân sĩ Quảng-Nam và những người vô tội bị bắt giam đánh khảo, nhiều không kể xiết án làm tù khổ sai 2 đến 3 năm tróc hơn trăm. Nghe nói các bản án ấy làm một cách lạ lùng, nước Nam xưa nay mới có một lần. Nếu không tin thì đem dịch ra mà xem một lượt cũng đủ thấy thương tâm, choáng đầu không biết là bao nhiêu!

### B. Tỉnh Quảng-Ngai

Nam ấy ở Quảng-Ngai dân nghèo tụ tại tỉnh thành khá đông, Công sứ và quan Nam ra lệnh bản súng giết chết và làm bị thương nhiều. Dân tức giận không đi, lại tranh nhau tới trước làn súng, kêu to cầu cho mau chết, vậy nên chết và bị thương nhiều hơn trăm.

Nghe nói, dân nghèo bị thương nằm van la rải rác ngoài thành, xảy có xe quan Thương chinh tới tỉnh đi qua chỗ dân bị thương nằm, rũi dè phải chận người bệnh, nó đau quá rên to, dân nghèo xúm lại trước xe không cho đi tới. Quan Thương chinh dừng xe hỏi họ muốn gì? Họ kêu lên rằng: «*Nhờ quan lớn vào thành nói với quan Công sứ là dân nghèo không chịu nổi xâu thuế, đi đến xin giảm bớt, đi tay không, chẳng có ý gì khác, xin Công sứ thương tình, đừng giết hại kẻ vô tội*». Quan Thương chinh nhận lời và bảo người phu kéo xe đi, dân nghèo không

## TRUNG KÌ DÀN BIÊN THÌ MẠT KÌ

cho, nói rằng: «*Chúng tôi xin giữ xe cho quan lớn, quan lớn vào nói với quan Công sứ được, thì khi về chúng tôi sẽ kéo xe cho quan lớn đi*». Quan Thương chính để xe ngoài thành mà đi bộ vào. Một lúc thấy Công sứ đứng trên thành, bảo người cầm 50 đồng bạc cho dân nghèo và bảo trả xe cho quan Thương chính. Dân nghèo đồng thanh kêu to rằng: «*Nay ngoài thành có tới vài ngàn người, chết và bị thương như vậy đó, quan Công sứ cho chúng nấy tiền, không biết dùng làm gì, không dám lấy, chỉ xin đừng sai lính bắn giết mà thôi*».

Lại nghe nói: lúc đầu dân nhóm lại ở tỉnh, Công sứ đuổi đi và bảo rằng: «*Chúng mày muốn làm cách mạng, thì phải đợi vài mươi năm nữa sẽ làm, còn nay thì chỉ tìm đến chỗ chết mà thôi*», rồi bảo quan binh nã súng, làm cho dân chết và bị thương nhiều.

Sau vụ này, thi nghe nói nhân dân bị xử tử nhiều, nhưng chưa biết rõ, còn hơn trăm thân sĩ, hoặc bị khổ sai 20 năm, 10 năm, 7, 8 năm; nặng thì đày Lao-Bảo, nhẹ thì ở tỉnh.

Lại nghe Ông LÊ THỪ KHIẾT, nguyên làm Bộ chính và Ông thân sĩ NGUYỄN BÁ LOAN<sup>1</sup> bị giải ra kinh giam 3 tháng

---

1. Lê Thừ Khiết hay Lê Khiết người làng An-Ba huyện Nghĩa-Hành tỉnh Quảng-Ngãi, nguyên thời Phong trào Cần vương Ông là thuộc hạ của Nguyễn Thân và một thời làm đến Bộ Chánh. Khoảng năm 1900 ý thức được hoàn cảnh nên từ quan về hưu trí. Sau đó, hưởng ứng phong trào Duy tân bị thực dân Pháp giết trong vụ biểu tình xin xâu ở Quảng-Ngãi. Năm 1908. Huỳnh Thúc Kháng có ghi lại một đợt sự giữa Phan Chu Trinh và Ông (Lê Khiết) như sau:

«*Năm 1905 liền sinh (Phan Chu Trinh) từ Bình-Thuận trở về... Ra*

## TÂY-HỒ PHAN CHU TRINH

xử án đem về tỉnh chém, mắc tội gì tội chưa rõ, tội cũng không biết hai người ấy, nhưng nghe người ta nói đến luôn, ai cũng cho là vì thù riêng và vu hãm. Việc ấy ám muội, lại thuộc về người có quyền và trọng yếu, nên ít người dám hở môi, khó biết đến nơi được.

### C. Tỉnh Bình-Định

Vụ dân biển ở tỉnh ấy, tôi chưa biết rõ đầu đuôi, chỉ nghe nói: trong khi đó giết chết và bị thương nhiều và sau đó xử chém ngay chừng 20, 30 người trở lên.

→  
tỉnh Quảng-Ngãi vào nhà Ông An-Ba (Bố chính hưu, trước là môn hạ Ông Thạch-Trì Nguyễn Thân gần đây thôi quan ở nhà, Thạch-Trì có ý sự, Ông ấy có tư tưởng mới nhiều ít). Trong lúc nói chuyện, liền sinh muốn dẫn tôi dương môi, bàn nhân vật hiện thời và môn hạ Thạch-Trì; liền sinh nói: môn hạ Ông Thạch-Trì không có người.

— Sao mà Ông biết?

— Tài lược oai vọng như Thạch-Trì và cầm quyền nước ta đã lâu, mà không làm được công danh sự nghiệp lớn lao, chỉ rốt cuộc đến phải qui một mình mà thôi. Môn hạ có người sao lại như thế?

— Ông có chỗ chưa rõ, sao lại không người?

— Dầu có thì Thạch-Trì lại không dung được!

\* An-Ba nghe câu ấy, đặc ý vỗ bàn đứng dậy cả cười mà nói rằng: Thật có như lời Ông nói đó.

Than ôi! Chỉ vài câu nói mà Ông An-Ba trở nên một người tán nhân vật, chết về việc dân biển năm 1908! \* (Phan Tây-Hồ liền sinh đặt sử — Huỳnh Thúc Kháng).

— Nguyễn Bá Loan tức Ấm Loan người Mộ-Đức, Quảng-Ngãi, một trong những nhân vật nổi tiếng của Phong trào Duy tân ở Quảng-Ngãi, nguyên Ông là một người cựu đảng Cần vương, Văn thân vào thời Pháp mới chiếm nước ta.

## TRUNG KÌ DÂN BIỂN THỈ MẠT KÍ

Sau khi yên việc, Công sứ tỉnh ấy xử chém nhiều. Tổng đốc tỉnh nói rằng: « dân nghèo không hiểu làm bậy phạm pháp, nhưng xét ra cũng không làm hại gì lắm, nên lựa vài ba người đầu nậu xử quyết, thừa ra thì phân biệt định tội ». Công sứ không nghe, dành điện triệt chức Ông ấy : quan kể nhậm theo chỉ thị theo dặt, nên chém giết nhiều. Thảm thay !

Thần sĩ, li hào và nhân dân hoặc xử tử đây Côn-Lôn, hoặc xử khổ sai 7, 8 năm có 7, 8 người, án tình oan không thể nào, lời không được biết. Chỉ khi tôi ở Côn-Lôn thấy giải đến 8 người, trong số đó có một người bị kêu án là : « làm tướng cầm đầu, tay cầm địa đồ vào núi, tình mưu chiếm cứ làm loạn ». Tôi hỏi mới biết : người ấy trực độ 25 tuổi, mặt mày thô kệch, nói năng khờ khĩnh, gần như không phân biệt được lúa hay vải, trông qua cũng biết, không phải là người hiểu việc vậy. Tôi lấy làm lạ, hỏi kĩ đầu đuôi mới rõ : người ấy tên là HỒ NHƯ Ý, nhà giàu, con một, không học, năm trước thi Hương ở tỉnh, lấy tiền mua được đỗ Tú tài, từ đó ở nhà làm ăn. Khi đàn dậy, quan Nam thêm tiền anh ta, vu hãm, bắt giam kĩ làm án nặng, bảo trút sạch của nhà ra chuộc, anh ấy liếc tiền không chịu, nên vu làm tướng cầm đầu, xử tử đây Côn-Lôn.

Xem đó thì thấy rõ ràng : cái tình hình đen tối ở các tỉnh lúc ấy, không hện mà giống nhau, bởi vì quan An-Nam bình nhật đều đồng một lòng dạ ấy, đồng một nghề xấu ấy cả.

### D. Tỉnh Phú-Yên

Việc chém giết tôi chưa rõ. Chỉ biết thần sĩ bị tù ở Lao-Bảo và bị khổ sai ở tỉnh độ hơn 20 người.

### E. Tỉnh Khánh-Hoà

Dân tỉnh ấy yên ổn, không xảy ra việc gì lộn xộn cả.

Ngoài việc quan tỉnh vụ giết Ông Tiến sĩ TRẦN QUÍ CÁP ra, cũng có liên lụy đến người vô tội 8, 9 người, nhưng chỉ giam vài tháng đến một năm rồi thả ra.

### F. Tỉnh Bình-Thuận

Dân tỉnh ấy cũng không có lộn xộn gì. Quan tỉnh lúc ấy có thừa dịp Khám sứ chỉ thị theo dặt kết án hơn 10 người từ 5 đến 10 năm tù. Công sứ tỉnh là Ông GẠC-NHỀ công bình không chịu ki tên, lại biện bạch giúp, thả ra, không ai mắc tội, chỉ bị quan Nam bắt giam một hai tháng thôi.

### G. Tỉnh Thừa-Thiên

Nghe nói khi dân nổi lên, có bắn giết, chưa rõ số chết và bị thương, có người nói chết một người, bị thương 4, 5 người. Sau việc yên rồi, có chém giết hay không chưa rõ. Thàn sĩ bị xử tử đây Còn-Lòn một người. Nghe nói bị đây Lao-Bảo và mắc án khổ sai tại tỉnh nhiều.

### H. Tỉnh Hà-Tĩnh

Dân tỉnh ấy nghe nói dân các tỉnh xin thuế được giảm, cũng

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THỊ MẠT KÌ

bắt chước nhóm nhau lại đến huyện xin, nhưng chỉ 5, 3 mươi người thôi, không nhiều và cũng không đến tỉnh.

Thần sĩ và li hào bị xử tử đây Còn-Lòn 4, 5 người. Tôi biết rõ là oan chỉ có cái án Ông Tiến sĩ NGÔ ĐỨC KẾ<sup>1</sup>. Ông ấy là con Ông NGÔ HUỆ LIÊN đương thời làm chức Tham tri Bộ Lễ. Từ năm Tân Sửu, Ông thi đậu Tiến sĩ (cùng một khoa với tôi) rồi không ra làm quan, ở nhà lập phố buôn và lập trường học, lập thơ xã. Năm 1907, ông ấy bị quan Án sát tỉnh là CAO NGỌC LỄ vu làm giặc, bắt giam ở tỉnh một năm, xét không có thiệt trạng và không chứng cứ. Nhật báo Bắc Kì thường nói ông oan không tội, lại chỉ trích vết xấu của quan Án sát ra, ai cũng biết ông bị vu oan, nên kết án không thành, gần phải thả ra. Năm 1908, thừa dịp các tỉnh nổi dậy, Khâm sứ nghiêm sức một loạt kết án, nên ông bị xử tử đây Còn-Lòn, cha

---

1. Ngô Đức Kế hiệu là Tập-Xuyên sinh năm 1878, quán làng Trảo Nha huyện Thạch-Hà tỉnh Hà-Tĩnh, con quan Tham tri Ngô Huệ Liên, đậu Tiến sĩ nhưng không ra làm quan, Ông thành lập nhóm « Minh xã » tại Nghệ-Tĩnh cổ động và thực hành Duy tân. Năm 1908 bị bắt, lưu đày Côn đảo vô thời hạn. Lúc sắp đi đày thân phụ Ông viết thư khuyên Ông tự tử, nhưng Ông không nghe lời thân phụ vì quan niệm rằng « nhà tù là trường học thiên nhiên » (một sự kiện hiếm có đối với nhà Nho thời trước) được trả tự do năm 1921 (cùng với Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cấn, Trần Kì Phong). Sau khi được tự do, Ông ra Hà-Nội chủ trương Hữu Thanh tạp chí và một thời làm cho Phạm Quỳnh đau đống vì phong trào tán dương Truyện Kiều mà dư luận gọi là « vụ án Truyện Kiều ». Ông mất năm 1929 tại Hà-Nội, Huỳnh Thúc Kháng có câu đối điếu: « Ngõn ngang gó dống, bao nhiêu bụng sách chép chưa xong, phách Á mà hồn người Âu, đến chuyện vĩ nhân đừng ngọn bút.

Xơ xác non sông, những kẻ dư sanh còn được mấy, cớ họ Tô mà mả họ Quắn, gấm bài chính khí dấy cơn đống ».

## TÂY - HỒ PHAN CHU TRINH

làm Tham tri cũng bị đuổi về. Than ôi! trong thiên hạ đâu có việc minh bạch như thế, mà dám trắng trợn cố ý hãm người vào tội để xử tử cho được.

Lại nghe nói Bổ chánh Khánh-Hoà là PHẠM NGỌC QUÁT sau khi giết Ông Tiến sĩ TRẦN QUÍ CẤP rồi, tức thì thăng làm Tuần vũ tỉnh Hà-Tĩnh và sau khi đến nhận chức mới này, có bắt giết 4, 5 người, nghe nói oan lẫm, nhưng tôi chưa rõ tên họ và tình trạng ra sao?

Ngoài ra bị đày Lao-Bảo và khổ sai ở tỉnh cũng nhiều, chưa biết rõ.

### K. Tỉnh Nghệ-An

Xã dân tỉnh ấy tuy có họp nhau 2, 3 xã đến phủ hay huyện gần đó để nài xin, mà chưa hề đến tỉnh. Lại vì Tổng đốc tỉnh là ông TRẦN ĐÌNH PHÁC là người hiểu biết việc, nên tuy có đày đi Côn-Lôn 4, 5 người thân sĩ và li hào, mà dính vào việc dân này không có xử chém.

a) Những điều oan khuất trong vụ này tôi không rõ lắm. Duy có cái án của Ông Phó bảng ĐẶNG NGUYỄN CẦN<sup>1</sup> người tỉnh ấy, tôi biết rõ hơn, nay lược thuật ra sau.

---

1. Đặng Nguyễn Cần còn gọi là Đặng Thúc Nhận hiệu Thai-Sơn người làng Xuân-Triều, huyện Thanh-Chương, tỉnh Nghệ-An con ông Đặng Thai Cảnh. Gia đình Ông, tất cả bà con anh em đều tham gia cách mạng và ai nấy cũng nổi tiếng trong lịch sử cách mạng Việt-Nam (em ruột

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÌ MẠT KÌ

Ông ĐẶNG NGUYỄN CẦN, người Nghệ-An, năm ấy làm Đốc học tỉnh Bình-Thuận bị bắt giao cho Án sát CAO NGỌC LỆ và Tuần vũ PHẠM NGỌC QUÁT tỉnh Hà-Tĩnh xét xử tử đày Côn-Lôn. Tuy đến nay chưa biết Ông mắc tội gì, về việc gì. Nhưng cứ theo các điều dưới đây, thì sự oan không nói cũng rõ vậy.

Oan tình của cái án ấy. — Dầu Ông ĐẶNG NGUYỄN CẦN có mắc tội gì, nhưng ông ta là người có Khoa mục lại đương làm Đốc học tỉnh, nếu bắt rồi không hỏi mà giết ngay đi như giết ông TRẦN QUÍ CẤP thì cũng thôi, nay đã bắt giải đi để xét hỏi, dầu có muốn cho chết đi nữa, cũng phải giải về kinh hỏi rõ kết án mới hợp lệ, háng không, thì giải về nguyên quán của ông ta là tỉnh Nghệ-An xét hỏi, còn hợp cách làm việc, mà lại bỗng nhiên giải ngay ra giao cho quan tỉnh Hà-Tĩnh xét xử là ý làm sao? Có phải là thấy Tuần vũ tỉnh ấy là PHẠM NGỌC QUÁT tháng trước đã giết Tiến sĩ TRẦN QUÍ CẤP, Án sát tỉnh ấy là CAO NGỌC LỆ năm trước đã vu hãm Tiến sĩ NGÒ ĐỨC KẾ hai người ấy có bụng dạ dặc biệt, nên Khâm sứ mới giao cho xử cái án ấy, có phải vậy chăng?

---

→  
Ông là Đặng Thúc Hứa một nhân vật kì cựu trong hàng ngũ cách mạng Việt-Nam ở Thái-Lao hồi 1909-1930). Con cháu ông bây giờ là những nhân vật quan trọng của chính quyền miền Bắc và Pathet Lào.

Năm 1908 bị đày Côn đảo và được trả tự do một lần với Ngô Đức Kế. Khi ở Côn đảo Ông có sáng tác nhiều bài thơ nổi tiếng. Thơ ông giọng điệu tuy chua cay nhưng rất thâm trầm và tinh tứ. Sau về Nghệ-An dạy học (tại gia) và có tham gia đảng Tân Việt của Lê Văn Huân (?), Ông mất vào khoảng năm 1916-1927 (?)

Nói rằng hai người ấy tuy tâm thuật không ra gì, nhưng giỏi pháp luật, có thể giao cho xử án nặng hay sao? Thì đây: PHẠM NGỌC QUÁT vì có cha làm quan nên tập ấm được làm quan, CAO NGỌC LỀ vì vu hãm thầy học mà được chức (CAO NGỌC LỀ là học trò Ông TỔNG DUY TÂN, năm Ất Dậu, Ông TỔNG DUY TÂN theo thân sĩ khởi nghĩa, sau biết việc không thành, muốn ra thú mà không ai dẫn đường, nghe nói CAO NGỌC LỀ làm người hầu quan Pháp, bảo người tới cậy CAO NGỌC LỀ nói trước với quan Pháp, đề ông ra đầu mới tiện, NGỌC LỀ giả nhận lời, lại bảo ông đến chỗ nợ ở chờ, ông tin lời làm theo. Và đến nói với quan Pháp xin binh vây bắt được Ông, sợ Ông tố cáo lộ việc gian dối ra, nên xin giết gấp Ông đi. Vì có công dò nên được làm quan. Việc này ai cũng biết); hai người đó đi đến đâu, nhân dân cũng ta oán, quan An-Nam người nào hiểu biết sự lí chút đỉnh cũng khinh bỉ hai người ấy. Vậy thì Khâm sứ cho họ có cái gì đáng dùng, mà bảo họ xét xử cái án nặng ấy. Không phải là cho họ sẵn lòng dám giết người hay sao? Than ôi! Lấy điều đó mà suy, thì oan tình không cần biện bạch cũng đủ rõ rồi vậy!

b) Tình hình quan binh sách nhiễu.

Nghe nói ở tỉnh ấy đương thời phạm xã thôn nào có xin xâu và có trường học, thì quan binh đến đồn trú hoặc ba ngày hoặc bốn ngày, bắt phạt xã dân phải dọn cơm rượu, lính tập thừa thế nhiều đến gà chó, dân chịu không nổi, hoặc có kẻ muốn nổi loạn, hợn bắt lương thừa cơ nổi lên hoành hành nhiều loạn xã dân càng lắm. Chạy báo với quan binh, quan binh đến nơi, thì giặc đã đi chỗ khác, quan binh quở trách là không báo cáo sớm, lại đồn binh ba bốn ngày, phạt cơm rượu. Giặc đi thì lính đến, không bên nào hơn bên nào kém, không bên nào là không lấy việc cướp bóc những nhiều làm cái chức

## TRUNG KÌ DÂN BIẾN THÌ MẠT KÌ

hay thứ nhất. Than ôi! Nhân dân có tội gì mà phải chịu cái nạn độc ác đến thế! Đến nay bọn giặc cỏ ấy còn ẩn núp trong rừng núi, quan binh không biết làm sao nổi, chỉ có dân làng là phải chịu bao phen cơm rượu nặng nề và hai tầng khổ hại mà thôi! Đường sao mờ mịt, chịu sao cho kham!

### L. Tỉnh Thanh-Hoá

Nghe nói xã dân tỉnh ấy tuy có một hai xã tụ họp mà chưa đến tỉnh. Nhưng Công sứ đương thời bắt thân sĩ giam kỹ, đánh đập có khi đến một hai trăm roi. Buổi ấy quan Bô chánh tỉnh là NGUYỄN DĨNH được lệnh dự tra xét, thấy đánh đập thái quá, chống cãi lại Công sứ rằng: không có thiệt chứng mà đánh chết người thì chẳng phải là dày người ta làm giặc hay sao? Rồi không chịu dự tra, sau nhân cáo bệnh về, (nghe nói nay bỏ lại ở Thừa-Thiên, chưa biết chức gì). Quan tỉnh khác lời thay, đều kết án nặng, xử tử dày Côn-Lôn. Khi tôi ở Côn-Lôn, thấy giải đến 5, 6 người thân sĩ, hai cánh tay sưng vù, máu thịt dầm dề, nhiều người không bước đi nổi, thảm khốc biết bao!

### V. THẨM TRẠNG LÚC ĐI ĐÀY

Lúc dẫn đi đày, duy thân sĩ Quảng-Nam được thông thả hơn. Các tỉnh khác tuy có ngược đãi, nhưng không thái quá.

## TÂY - HỒ PHAN CHU TRINH

Chỉ có thân sĩ hai lính Hà-Tĩnh và Nghệ-An giao cho quan binh áp giải, trói cả tay chân, không cho cựa quậy lấy tránh khiêng, xuống lâu thuy rồi cũng không mở dây, sắp hàng trên boong lâu, khát không cho uống, mưa to gió lớn trời lạnh không dời đi nơi khác, có người kêu đau kêu khổ, rất thảm thương!



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Dẫn nhập</i> . . . . .	13
<b>KÈU OAN VỀ VỤ DÂN BIẾN Ở TRUNG KÌ</b>	<b>27</b>
<b>I. CHỨC THỰC NGUYÊN NHÂN CUỘC KHỞI BIẾN LÀ BỞI VIỆC XIN XÀU MÀ RA . . . . .</b>	<b>28</b>
<b>II. TÌNH HÌNH CHÍNH PHỦ HAI NƯỚC VÀ CÁC QUAN TÍNH XỬ TRÍ CÙNG LỐI KẾT ÁN ÁM MỤI . . . . .</b>	<b>33</b>
A. Án văn . . . . .	36
B. Phê bình . . . . .	41
C. Gian tình của các án ấy . . . . .	61
D. Vì sao mà gian dối . . . . .	62
<b>III. TÌNH HÌNH THẨM SÁT . . . . .</b>	<b>66</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH NHIỀU LỤY OAN THẨM . . . . .</b>	<b>76</b>
A. Tỉnh Quảng-Nam . . . . .	76

1. Giết chết trong lúc dân biến . . . . .	76
2. Giải tán hội buôn . . . . .	76
3. Phá trường học, bắt giáo sư . . . . .	77
4. Tình hình nhiên hại . . . . .	80
5. Bắt bớ thần thuộc. . . . .	81
B. Tỉnh Quảng-Ngãi . . . . .	83
C. Tỉnh Bình-Định . . . . .	85
D. Tỉnh Phú-Yên . . . . .	86
E. Tỉnh Khánh-Hoà . . . . .	87
F. Tỉnh Bình-Thuận . . . . .	87
G. Tỉnh Thừa-Thiên . . . . .	87
H. Tỉnh Hà-Tĩnh . . . . .	87
K. Tỉnh Nghệ-An . . . . .	89
L. Tỉnh Thanh-Hóa . . . . .	92
V. THẨM TRẠNG LÚC ĐI ĐÀY . . . . .	92

Phần nguyên tác chữ Hán, từ trang I đến trang LVI



## Sách tham khảo

- **Cuộc kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908** — *Huỳnh Thúc Kháng.*
- **Cụ SÀO-NAM 15 năm giam lỏng ở Huế.** *Anh Minh. Anh Minh xuất bản. 1957. Huế.*
- **Đông-Kinh nghĩa thực.** *Nguyễn Hiến Lê. Là Bối tái bản. 1968. Sài-Gòn.*
- **Giai nhân kì ngộ.** *Phan Chu Trinh (di cảo).*
- **Hợp tuyển thơ văn Việt-Nam (IV).** *Văn Hoá xuất bản. 1963. Hà-Nội.*
- **Huỳnh Thúc Kháng con người và thơ văn.** *Nguyễn Q. Thằng — P.Q.V.K.Đ.T.V.H xuất bản. 1972. Sài-Gòn.*
- **Kỷ niệm 100 năm năm sinh PHAN BỘI CHÂU.** *Một nhóm tác giả. Trinh Bầy xuất bản. 1967. Sài-Gòn.*

- **Ngọc trung thư.** *Phan Bội Châu, Phùng Triền dịch, Quang Trung thư xã xuất bản, 1955, Hà-Nội.*
- **Ngũ-hành-sơn chí sĩ.** *Anh Minh Ngô thành Nhân, Anh Minh xuất bản, 1962, Huế.*
- **Phan Bội Châu niên biểu (tự phán).** *Tôn Quang Phiệt, Phạm Trọng Diễm dịch, Văn Sử Địa xuất bản, 1957, Hà-Nội.*
- **Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh.** *Tôn Quang Phiệt, Văn Sử Địa xuất bản, 1957, Hà-Nội.*
- **Phan Tây Hồ tiên sinh lịch sử.** *Huỳnh Thúc Kháng, Anh Minh xuất bản, 1959, Huế.*
- **Trần Cao Vân.** *Hành Sơn, Minh Tân xuất bản, 1952, Paris.*
- **Phong trào Duy tân.** *Nguyễn Văn Xuân Lê Bồi xuất bản, 1970, Sài-Gòn.*
- **Thi văn của các nhà chí sĩ Việt-Nam.** *Phí Bằng, Tân Thanh xuất bản, 1939, Huế.*
- **Thi tù từng thoại.** *Huỳnh Thúc Kháng, Tiếng đàn xuất bản, 1939, Huế.*
- **Thi văn quốc cấm.** *Thái Bạch, Khai tri xuất bản, 1968, Sài-Gòn.*
- **Thơ văn Phan Chu Trinh.** *Huỳnh Lý, Hoàng Ngọc Phách, Văn Học xuất bản, Hà-Nội.*
- **Thơ văn Phan Bội Châu.** *Đặng Thuì Mai, Văn Hoá xuất bản, 1960, Hà-Nội.*

- **Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng.** Vương Đình Quang. Văn Học xuất bản, 1965, Hà-Nội.
- **Việt-Nam Nghĩa liệt sĩ.** Phan Bội Châu. Tôn Quang Phiệt dịch. Văn Học xuất bản, 1955, Hà-Nội.
- **Việt-Nam Quốc sử khảo.** Phan Bội Châu. Chương Thâu dịch. Giáo dục xuất bản, 1962, Hà Nội.
- **Việt-Nam vong quốc sử.** Phan Bội Châu. Chương Thâu dịch hoặc Nguyễn Quang Tô dịch.

## BÁO CHÍ

- **TIẾNG DÂN (1927-1943)** Huế.
- **CLOCHE FÊLÉE (1927)** Sài-Gòn.
- **TÂN VĂN tháng 6-1968** Sài-Gòn.



## TÁC PHẨM CỦA PHAN CHU TRINH

### Hán văn

- Trung kì dân biến thi mật kí (*kí dân quyền hội thư*)
- Đầu Pháp chính phủ thư
- Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt-Nam (*chưa xuất bản*)
- Cuộc ngoại nhân kim nhật chi Trung-quốc quan (*chưa xuất bản*)
- Đông-Dương chính trị luận (*chưa xuất bản*)
- Kí Khải Định hoàng đế thư (*Thư thất điều*)
- Tây-Hồ thi tập (*hơn 50 bài — chưa xuất bản*)

## Việt văn

- **Tình quốc hồn ca** — *Lê Ẩm* xuất bản. 1945 — *Qui-Nhơn*
- **Tây-Hồ và Santé thi tập** — *Lê Ẩm* xuất bản. 1961. *Sài-Gòn* (gần 300 bài)
- **Hai bài diễn thuyết ở Hội Thanh niên Sài-Gòn 1925**
- **Giai nhân kì ngộ** — *Hương Dương* xuất bản. 1959. *Sài-Gòn*
- **Tưởng Trưng nữ Vương**. *Anh Minh* xuất bản. 1963. *Huế*
- **Một số bài đăng ở các báo Trung quốc và Pháp quốc**
- **Một số bản nháp các thư gửi cho các ông J. Roux, M. Moutet, viên chánh án tòa án binh Paris năm 1914, Phan Chu Dật.**



SÁCH NAY IN 2000 QUYỂN  
TẠI NHÀ IN VIỆT HƯƠNG  
34 ĐẠI LỘ LÊ LỢI SAIGON  
IN XONG NGÀY 11, - 6 - 1973

中圻民變始末記

中州民變始末記

記

一千九百零八年廣南省民因位假變波及中州各省市起之者傷死不少事定後  
凶斬最多事起恍卒而廢屬有因兩國之官恩擲其咎於是皆歸罪於紳  
士重之以抗稅之罪名加以謀叛之誣陷不許亦自一切嚴囚不待訊隨捕隨斬  
逮捕之慘有過者劫虐待之酷不啻禽獸寬酷之聲暗與天日至今事定已僅  
四年政權兩易人人無不拭目引鑒以望昭雪事已湮文暗昧跡甚顯而此中人  
瀕死不宥以髮辜濠犢恩生觀天日抵法以來屢蒙有顧扞心自矢感激  
不勝積之一身未復何憾顧念南土士民即為大法國赤子自有痛苦尚宜  
滴陳以微情憫况平日紳士周旋相憐無罪罹刑境况沉海衣或荒忽羈







工民急逐，惶悚而死。代理官出戶相示，且曉誘工民使為安業。工民惟呼而散，無有言乞稅者。現此則南民苦於搜役，情狀不可不知。而因役起變，確證亦不少矣。至此其確證二：此廣南省民當信起變之情刑也。

按河東一縣辱為南家所魚肉，後始議設代理以監之。然而賦權必既，又不體南家故弊，惟少減稅，亦十之一身。且路役之事皆由公使為主，代理官能知其苦，世與之何且聞。此次大理亦願好督公使，與南家款身，殺此種民物，代理官代為白放，因此類身而殺，僅一人耳。

自後各省民因流行此法，未以誤傳，誤謂廣南民相聚乞減稅，已得法官命乞貧民相率而起。廣南省民以四月起，奉天省民以三月起，奉天省民以六月起，安省民以七月起，河靜又安清化奉省民以七八月起，或一二社

赴縣之州或相聚三級社而木父赴邑為南宮所捕斬隨即散歸其一人赴省其地又  
各省防兵之重慎也

此中

按不必引引證據即現向上所陳則此案果與紳士相涉否

否不自明也且當屆兩王皆感張其說以為各省紳士暗通消息同起亂意款款

測偵賊今現各

省

陸續而起

以月不同

大與廣南省且

難也

有出早故以三月

起

廣省交鋒近然其

故以四五月平產海粵最近故以三七月

現此可如至相傳說以誤信誤

其也亦危也則非先居暗約明矣且民皆徒

手而未其化器判則其無心依社亦明矣

兩王大臣及省安安置了似情从案情一懸

公使一會收忙接

此廣南省公使一而將大福縣起先控控四五社里長五名屬黃解程廣流者字

僅一面委南宮出而曉誘收嚴飭紳士向陳特款一面電催京欽使謂省民抗

稅起亂而隱其因後激事此又端居公使謀遠已過標封紳士之宜情也

南州情請不動

南州者省府縣官恃勢虐民太過民怨既深咸歛而

甘心焉其有保護不一傷耳此是宜情昔年核核書全權大員未中已等言之今

一旦出而曉諭離人相見分加照明只畏法而未敢相推身在其中民怨已深身不依今事亦由作人事有一

二解事為之止也其曉諭之辭民冰惟不明且群指摘其惡跡身不堪美今已升空而快矣

且此處貧民聚在省城改使產共已不六千餘聚會既多喧鬧亦甚俗對於法

官稍有缺序而對於南宮及紳士則憤叫紅呼錢而更從何矣曉諭哉

飲使暴暴暴係京飲使年日其甚惡心只因物賄不特事理在中一明善

祀曰方則方回否則否遂其歸也以是作事皆人受其利已受其欺而惡乃亦以此為之甚

其難也一旦以此消息不為理由將就錯由是發寃者省不必以訊一獲重寃

惟為風信甚外一者省而後寃寃不省然  
以通下喚省人人知中慶情此有公使不違

由是仲士或刑或同死為屬承而人民則隔居餘

殺中寃刻殺寃情寃寃更寃寃寃日月而各有南人二二救生命死斷送於彼

刑 自怨一下矣嗚呼

此後當而省自平日有不仲士盡投監獄而九

士民之涉及商會學會田會會區說會出各一網打盡其民間所有學

堂之社村委務兵官各行摧破而兵官亦乘其捕掠不情如臨水敵吏

仲士則忘其理由

然則兩省吏何惑於仲士而必死之為快也

案情之暗昧

此居廣南省仲捕監在省自二月至八月惟公使與

南省官往來商確自行結案審案前全不問訊案成之日亦不詳知之事後

亦不宣示人民知悉若行考矣。或曰某人謀亂流某身某人謀亂流  
某身十年而已。故至今外人亦不知業文如何估摸亦有不知何得何罪也。

只有種友進士黃叔沆在省監獄中雇人訪以者必所法亦集一本今情  
低抄如左 業文 黃叔沆備荒阮城蔡伯貞均係冷色中人豈不

背國人之不利從乃阮城見他抵家即請清荒黃叔沆與之商

護副而用他去國阮城滿荒蔡伯貞又設立商會演說政教同長  
刻起據如偽作夏所聞則該等始則得信陰謀終則暗為之資助  
雖其間往來信秘密不可得而知而迹其所在此謂其非有異志誰  
其肯信商會則滿荒阮城主之滿說則黃叔沆蔡伯貞主之即

州作詩則有聖罵字句齊未則強權而做之言而泰但貞季弟子  
下鄉民村法固亦有以愛同胞為尊旨之語諸學堂傳說皆多慚步  
之詞稱其間有所智治生勤學節奢諸事而大抵以民權為主及啓人  
以悖慢之心察其情由官定自備周禎黃叔沆倡之而諸人為之附會耳  
現下韓民間動未始非民權之說為之漸以激成使非

按律重懲則民人胥相效尤不免有所政權而後治切形雖著且  
為此中倡首者不過二三人其他知而不首者有之不知而妄唱者有之使一展  
盡羅法罪則國家有所不忍撻摩察之乎自朱之舉論明白則撻俾屬  
允當詔謀雖未行律黃叔沆潘堯清與潘周禎同科處死登亮

帝阮城黎伯貞杖三千里改爲苦差一百流三千里

按此案文爲廣南法案三原文未知各部後更有更改何字其類在寬  
倉后諸人解赴寬倉據此地參不依曉示云黃備謀殺父死與頓周罪  
寬倉終身既減黎伯貞杖一百流三千里改爲苦差七年據此則在部大  
示依之美而此諸人不到官寬倉始畧知罪案之梗概而已

又按此案文義不通羅儼無理里指太甚讀之令人無處解曉誠爲南

正有吏以未未有之怪案

南正音看示奇寬案但案情極寬亦必其人取供定懸確証且亦文從

十年東用入其倫類如南風之律以家女仍思多不必讀律州原了事以法官俞允印候力案而法官又  
不測道更承不承其解一旦偶有奇難又委南官至今此事已成州收入命所在視同兒戲似此案文大  
至重不通之甚而正首居案亦與以法法清抄的一本大白法未詳也特南官有學識示之爲知律文  
不若也然而自米南人死於此等案以不利其錢之嗚呼

且據法案大以以類之

今請逐段注明加以注释以便大出大人一覽可知今日中折南宮之人而學識而三  
十年來之竹管人命亦不以此可知矣

黃叔沅潘公葵公公阮公均係名色中人豈不知贊王人所謂佩王不從

潘佩珠又安者奉人一千九百五三年以前坐監食康從學是歲試會下第

不知為何人替覓何事任承欽使備心即當放釋後四五月又飭各省四處密捉該

知之逃逃不知去向長發在知奉時後一年始知該逃往日本今尚現奉未獲

此業本省則于氏之搜之款被捕信案今案首即提赴潘佩珠之背王試以潘

佩珠果以此業何涉且何以知此四人之必從潘佩珠來見說明不案情為無

理於文義為不通不為解七一  
乃阮城見他阮振家即請潘公葵公

與之商議

謂他抵家云謂他未去日本前抵家乎抑陳去日本後逃為

而抵家乎且有年何月何日何不說明不可解其二

若據下文說明他高

四字即知未去日本前為抵家矣然他未去日本前現為舉人未得罪名

果他抵家尚得何罪果爾則不難說城及此三人得罪何則他未去以前

即周子陽遠他抵家都大員因家見他未抵即任京欽使亦不見他抵矣

而人亦無論也且抵及城家與臣之搜何干未見說明不可解其三

謂與之商議則商議為何事未見說明竟爾混會且商議由臣之搜有相

干亦未用說明不可解四

據此說要爾而問他去玉潘公說一禁公又說文

商會演說歐陸局長並起疑此偽作夏所聞

廣南商會紳士五在二千九

百五十年開張在會安商會與公使座相近且合股有奉省公使及南省安文批為  
息又商會北州各省俱有之非只廣東商會與即廣州商會及平順商  
會至今統存則又何說且商會與備佩珠一事為民之搜一事有何干涉不見  
說明不可解也

演說

演說會存類 所倡係此長承鋪大必銘省安

轉飭社民立小學堂北州多有之申州公使飭私類向侯座之憲飭社民立學  
堂公使答民謂欲學則立否則已且亦無教師類由是通行社民演說立  
學一益五六月間民之不識學堂及法文學堂約四十餘所且演說者或在  
省城或在各社亭所類本轄河東縣則演說在孔廟與代理座約二真座  
或法中居亦極明之且演說每備佩珠一事及民之搜一事有何干涉未聞說

明不可解五

歐鞋

南正自來中人以上衣服多用中土商陶似自口稅

既增物價為貴官商多買以下等貨充上等失分多而脂易弊紳士知其然相約

日常往來易以歐鞋為以價廉而質美且便於作事此端信歐鞋會一意也

且其降此等措費事情即致歐鞋端尚何罪豈此等歐服為不法固所禁

乎嗚呼歐鞋而文死此等案為千古僅見且歐鞋與清佩珠一事及及之搜

事有似乎陟未見說明竟亦一事不可解也 一音同同居並趨之 清佩珠去日本

在千九百五年而此禍事或以五年六年七年而日用長然則該省必不知清佩珠去國為

何而欲使腦然案提一電示其意之美不可解也 偽錄委 洪公身又其人備

廷公手下人自公死後流落四處既老且有烟癮何靜按察高玉麟提照

在該省嗣後各省紳士此外業即有名夏所用四字至今無人識其而其蓋  
南省且結業辰年夏未嘗解赴本省人之無不知之則名夏用詞何矣  
此段云其夏所用而為夏用詞而不一敏此等信案誠為千古僅見藉謂上  
所說即為夏用詞則商會演說歐教是人人共見何待名夏之開其不可  
此一段於書信則必不為不

詳七

則該等始則糾結陰謀終則暗為之資難其間往來

書信不可得而知而迹其所為如此謂非有異心誰其肯信

大白陰助而曰暗往來書信而曰秘密不得可而知則此事為無人見知是

實也

其難証而官何從分其始終乎且始於何年終於何處乎且上文既曰

陰曰暗曰秘密不可得而知而下文即按曰迹其所為如此所為如此果何

所指乎抑指南會演說歐戰為所為此乎果尔則此三事明在人身  
目無所謂陰謀所謂暗毒所謂秘密不可得而知矣抑指南會為暗助  
乎果尔則仰士自應陰行分斂手持而贈之不示便宜乎何必立商會之列  
姓為何人投股十會內得銀十萬成籍冊且乞公使記為恩惠是為何者毋  
有以賢存助南人作賊而為法白必乞為証記耶想廣南仰士不智亦不至如是  
之甚三南會之情言亂語今至是乎此一段於案情為無理於文法為不通不  
可解中八 商會則潘光沅城主之演說則黃叔沅蔡伯貞主之即  
如作詩則有唾罵牢籠之句寄書則有強權而敘之言而蔡伯貞委弟子  
下民村估圖亦有以愛同胞為宗旨之語

唾罵牢籠

按考右平定省課士子長有人作詩以嘲之中有句云長此百年甘唾罵更知何

日出字句

此詩在平定省課士子長有人作詩以嘲之中有句云長此百年甘唾罵更知何日出字句

此詩為嘲科舉而作意謂長此科舉至於百年則百年甘受人唾罵更知何日出此科舉愚民之字句也

南官指此詩為此故人所依故云然依詩亦無罪

之理由且傷惻長事等語詩文亦古今東西文士之常事平日詩文往來如此又積投書全權大臣辰及登報章亦屢言之矣國家果以此為罪不待民之搜而積已集首百刀矣引此以為案不亦奇怪其即籍白有情無理欲罪則罪然亦為指二句為何人所依豈四人共合依此二句則且此詩與借珠事及民乞搜事有何干涉乎不可解九今

強權面做

此在黃叔沅被囑在監獄中傳

荒密書之大是平日歷款與權強而敘今何不用此言之

此本原在內而在此後  
若記本中意云云

此書為監獄搜獲南官奴引以為案 此書中云強權公使也

強權也公使黃叔沅平日款見公使公使以州人良疾苦公使不肯今何不用被拘公使屈訊

而言之甚當仲士居惟被嚴捕而意平尚望法宜必有公平訊故云然此書意美

盡其明白不南人稍識字讀書亦不知之而堂三三一省大外反不能能通已為

怪事而反以罪人不亦怪怪且指公使為有強權而可以死而清古今亦制橫

暴歷史上之醜事何果有此等事此句為全案不通耶南官之學識不通至於如此之怪事其敢於殺

人也此一段於案情為無理於文法更屬不通是此本原在內而在此後不可解十

愛同胞為首旨 讀至此句而為愛南官人心已盡死矣且此語尤非人類之極下



察其情由實自潘周植黃叔沅倡之而港人為之附會耳

自案着至此未嘗引及植之姓名行為忽插入潘周植倡之一句藉謂向上所列皆植所倡亦當列敘明白何必以此吞吐且植所倡有與乞搜事相涉否何不说明此一段於案情為無理於文法為不通不可解十里三

現下賴民間切未始非民權之說為漸以激成

此案原為民乞搜而起則案中宜以省民乞搜為主蓋腦而列其紳士請民作  
此之定証然後下以業斷定罪此結案常例也今案中自始至終全不涉及乞搜  
一事亦忽插入賴民間初一句又為罪於民權之說而中間轉語最為繁累如乃忽作  
莫須有之詞而曰本始非三身然則是耶非耶何乃暗昧至是耶此一段為全案

業要處生死關頭而息移不定於業情為每理於夫美為不通不可解十

使非按律嚴憲則人民胥相效尤不免有修改權而法治動形難著

按律重憲

憲則重矣誠現所按何律尋意程有周特行則法治每

殆著矣此段為案中斷語然試讀自案首至此果有何事與該治相干  
涉不可解十五 且為此事倡首者不過一二人其他知而不首共有之

不知而首者共有之使長卷羅罪網則不家有所不思

此一段為案中贊語本款討好不須深力但謂不忍尚且如此一旦忍之則  
將如俄羅斯之遷波爾頓及之逐猶太矣嗚呼

擬應察之平日參之衆論明白以持俾免端

此一段無閑輕重然亦流昧之言不可不  
所謂察之平日則平日此謂人果

有何犯奸犯法之事乎果有劫人取財聲名狼籍乎果與原不重人字將如何察之乎抑使

青衿兵卒率數十人如狼似虎之習兵突入人家傾崖倒壁見物輒取及  
鷄豚即謂察乎

所謂衆論其抑何所指乎官論乎民論乎謂民  
即則被捕之衆方將呼号於鞭劍之下救死不暇豈尚有淹系被捕之衆

則歛恨吞声意甚痛知村在何日又安得有論謂官即則不過二三省官為公使一

人或此暗黑幕中有淹系否外人不得而知豈得謂衆將毋效古人謂三人為衆

耶 謂之明白果明白乎謂之黑果有黑乎謂之冤果冤乎且明白自謂

而暗昧如此不明白將如何自謂允當而不平如此不允當將何于胡底耶

謀謀故未行律書之清之清與清周領同科死罪皆比南院城黎公杖

一百流三千里

誠讀此案之自始至終果有何事與謀叛相干涉乎不惟

不干涉且所舉又皆利益為人觀生存之必要不可以一日無使皆以上所列各禁之

一有涉及即行死則由其生又不如其死之且將上各事而斥禁之則南人除益

劫乞所及之哀作何能復生存之一路天下豈有此盡惡無理之法律乎

然而在今日之南中其情無怨則敢公我書之案曰詔律死則無忌憚

尚可化盡即南中其心腸如此其怪東洋法大也私保後一可憐

增其權使之日以烹割南人為事至今人民冤派海底怨毒薰天而

有二仁愛公平之大以刑罰立審判庭則又百計為之障礙也嗚呼

向上逐段注釋加以不語以優大臣大人規非敢違筆以做詆譏其他字句之不通  
無理未及摘出若逐字摘出則又不堪寓目矣查南宮自來無論何案只道公  
使口囑為而揣拾為之全不顧人民性命不顧廉外間議論然兩指昧冤屈  
之事隱之口說無憑與之文字則往之如此然而二十年來南人性命斷送於黑幕  
中不知凡幾而南宮亦全無此心寵榮至今司空見慣渾同事矣

附業此據查南省必係業原之錄出各部後未知果有更改何字每否  
然確有更改亦不過兩耳蓋部大臣與省大臣其學識心術技藝亦未見  
其有過也即如積原案至今未敢發表且積於兩審局緊之一見原案  
而法官不肯許則其黑暗端更甚焉矣

此案之奸情及其內由

是后省民乞搜累及紳士捕監在省自二月至八月始行信

案則此案宜屬乞搜一案今於乞搜一方面全行抹却而以無滿佩珠通謀為

為滯說奸一

既以無滿佩珠為正案則誘引通謀一事實是為証

今所引如商會演說歐陸學堂開智治生勤學節食者愛同胞各事為

証果亦則非惟無罪而且有功忽文以死罪奸一 廣南又安河靜三省紳士俱

有一信及夏所問而州詞則既不明敘而名夏自未一將出以為對証奸三

是辰廣南紳士法依南宮均以為為與橫同罪同案且又橫為首一律信橫橫蒙兩審

得釋則其他紳士各案亦宜再審安有為首者已蒙恩釋而為徒者

反置不心乎前次東洋大風為中所折兩王大風橫過不復再審奸四

請列奸情之理由如下

此辰任京欽欽使意欲盡殺中州有名紳士捕獲

最先心斬最速者賴東洋法志士相救得不死全權大臣又寬減等流崑崙  
鐵鎖鎖無奈何故於他省紳士故意延阻以便尋事羅織迨至八月之久果  
不出一毫寔事而志則欲置之死地而後快於是不得以與滿佩珠通謀  
相讐蓋以滿佩珠每保後不反對之事為母不所知送之萬里事屬暗昧不至  
遠送人為最便從中尋陷一也 此辰公使亦欽使令嚴飭南省山塘中

尋事誣陷紳士必置之死無如南宮自計子孫不得一事聞此辰南宮捕治之

依同紳士欺使由南宮捏造一月間

搜負有餘械其手足若監毒打或嚇以死斬斬至三人負良字者皆謂  
自作自受亦無一肯認其最後有一負良州某紳指使南宮大害急於獄中

取出某伸對証某伸抵階外該負良見即向某謝曰這過且出其臂及其手是  
血肉漂流以示某伸曰毒慘至於如是安得不妄州以取後死乎公寔無指使某  
伸及旁人見之無不嗟嘆南宮見此情狀乃失望自是伸士全不質以文

於是南宮被承法宜嚴令而苦於無可死之法於是不得不招於會演說歐

後各事羅列成案例初辰定案以過與人三年五年或八年及若到公使法宜

暴怒大加呵逐謂此等案情抄法史輕也南惶悞長計可施而法宜又加催促

不得已據依原案特於案尾增一句罪不討詔謀殺未律行如死而案遂成罪不討效遂於案

此其官及也也且法宜各座頓振四出嚇怖果也鄉民無所不至不俟罪不討誣用

伸士平不可得也南宮亦四處羅掘幸得法一端以果也進上罪不討官青眼而靜省按察使

高玉醴其心浙東名譽人品歷史在中州早有定評其須多飲今日升課悲於

一千七百七十年即乾隆三十五年得獲滯廷途公手下獲將名夏既老且結點最擅銅德絕技初居

威嚇取供他全不言語亦不置語以甘言賜以酒肉賞之烟片則討燈炕而談

且切南王士夫所謀該不知之按察使某聞之喜有詩為供注珍之若撫壓千金不

易也先是張新靜省進士吳德誼乃該按察所任留監完一年全無証據冤聲沸

騰東洋法日程亦為代鳴不平該按察因打是必將放幹交忽聞名夏言善甚

暗中私為証該進士與儲佩珠名夏亦名夏亦諾之明日升堂於監中級出該進士與

名夏封証又請公使親臨自行訊公使聞之亦心嘉其能按名夏亦謂公使親以

該一二如按察所教以答公使使某但復亦該何以知之則答謂按察按該之言公使

大老曰：「按察使教汝何以明從則答不從則每烟片而其酒肉公侯復所  
汝既明從今何以翻供曰：「証証冤死人身兩不官無奈他何只投監中而  
既與妻子復無家子今亦幾以地獄為天堂矣」

自後凡中折各省紳士死案均引名夏詞詞為証莫不錄出該名詞詞不引  
該詞証以此三也

且此辰賴維賴救獄恩不死也案則机密大也

起糾欽使記名而全權大臣亦已命允則死能出幸終身之罪為幾也

案如山不為破委兩三省居以各省紳士清重案惟皆以白潘佩珠西涼為正案而若

於定是證據驗屍驗延延誰誰成成識識且也光紳士多為賴賴朋友日常往來

之以為賴賴因罪一語以便入死之案是其巧也不因賴賴蒙大法固殊恩

百審應釋則各省<sup>以</sup>案今又成疑獄矣蓋為首者既經放釋則為從者  
將不至重累矣果爾則昔日之放死<sup>七</sup>不<sup>九</sup>當<sup>九</sup>交<sup>九</sup>生<sup>九</sup>矣<sup>九</sup>故<sup>九</sup>慎<sup>九</sup>惟<sup>九</sup>議<sup>九</sup>而<sup>九</sup>審<sup>九</sup>而<sup>九</sup>他  
紳士之案至今兩<sup>大</sup>互<sup>大</sup>相<sup>大</sup>隱<sup>大</sup>匿不肯一為援手以此四也

慘殺之情形

<sup>各省</sup>尚<sup>各省</sup>長<sup>各省</sup>事<sup>各省</sup>起<sup>各省</sup>慘<sup>各省</sup>殺<sup>各省</sup>頗<sup>各省</sup>多<sup>各省</sup>但<sup>各省</sup>其<sup>各省</sup>人<sup>各省</sup>其<sup>各省</sup>事<sup>各省</sup>多<sup>各省</sup>為<sup>各省</sup>慎<sup>各省</sup>所<sup>各省</sup>不<sup>各省</sup>知<sup>各省</sup>或<sup>各省</sup>知

而未能詳今請<sup>先</sup>將<sup>先</sup>進<sup>先</sup>士<sup>先</sup>陳<sup>先</sup>季<sup>先</sup>恰<sup>先</sup>一<sup>先</sup>案<sup>先</sup>詳<sup>先</sup>陳<sup>先</sup>若<sup>先</sup>不<sup>先</sup>並<sup>先</sup>加<sup>先</sup>辦<sup>先</sup>白<sup>先</sup>以<sup>先</sup>供<sup>先</sup>大<sup>先</sup>人<sup>先</sup>現<sup>先</sup>覽  
試一過目則中州自來黑暗之情形不亦可知矣

廣南省進士陳季恰初為本省升平府教授一千九百七年轉補慶和  
省某府教授抵職以後演說立學之益勸人民廣立學堂初任法公使每  
南省巨靡嘉勸之也廣南省民學事雖有波及近省而慶和省則人

民墜坊如常類因該省州憲兩王公用心陰險竟將教授員逮捕投監  
未及一晷但全無訊結業以死就地立決聞確初曾總督南宮范玉送  
信業以凌遲後改立決天津未及一三鐘即接全權大電為解赴京  
扁而血如死者已不可復生矣至今該業全行浸沒不復宣示人知尸首亦  
不許家人認領名有家人相從夫後亦不葬在何處嗟乎天下豈有叫噓人命應殺  
志士至於此處耶

此案之冤情有八

讀進士品行純潔學行兼優事母至孝為廣南紳士之冠士夫從學其  
不下百餘讀進士死後門下諸士憤其乃譽各省人皆知之且平日多著書勸人向學

姓劉名許為秦州而去

勿徒望外其益有官言之其詳後為同僚抄集以此人品為南不僅有無罪屈殺

寬一 演說向學勸立學堂是教員最有益之職也此長銷全權大員

誣劾省公使及省公使重罪紳士無如與潘佩通謀及陰使省長玩

搜二事然各省亦各有就地正法諸如夫立斬也今慶和既無此等搜等事

惟省公使何証陷亦無可死之理今竟屈殺寬三

且也南王法律無論何人惟有作賊殺人始有就地正法然除臨陣拒捕外

亦當三四日以折成案方行決今該進士無此等行為今無此訊處亦悖

殺寬四

且也南王法律科目中人除作賊殺人外無他法身使何

眾亦復解赴京師三五次証據確實然經奏聞定案昔年廣南省越兵

與大法固相抵三年後經捕獲逃解來京是案也今漢進士亦惟此作賊

殺人等情且現在敢奉公不以兩任殺冤五

即該省必因謀誣實尚以暗昧

之事亦皆逃解來京實不是中書美省布政系黎就深仲士阮伯與未知犯何  
情節知以死罪然亦逃解來京以訊至三四月然後決斬且廣東省少有

刑罰猶且從容解京信案今慶和省全然無事未知該省必因何事所

急遽如此竟尔虐殺冤六

且南王法律遇有作賊巨劫殺人請案

斬梟二日方許領葬此等野蠻法律至今文明人無不笑之其他大案隨即

許尸親立長認領今漢進士果得何罪加倍慘刑匪尸不許認領更若

野蠻野蠻冤七

南國自來無論何案如失部將其犯罪

之情由及其案文之信擬抄錄咨送四外揭示以示與衆案之意今後

進果得何罪如何判決處殺之後任三四年案文不隱性全不宣示至今竟沉海

底人莫得知冤人

有此人冤刑知其事莫不一聞而知百而為有保

如災

進不轉同危不重河必成死之而故快

兩王卷長耳相隱匿莫肯為之罪皆望于刑罰如此而謂死其顯目於九泉

因此死心於國國不示難乎如此冤酷千古僅聞其痛怨惟舉南人而半其之

而野火燒不尽春風吹又生後路以于胡衣南人性命不其危哉

省城江故錄汝山樂之奸情

及其理由

此案之鬼情既歷以明白如上所陳至於汝

省兩王情果何怨毒於汝進士而必死由後快也請摘登其奸情如左

慶和省布政使范玉廷被訴殘忍人所素知久聞其途

請補察務

渴望

升職一旦得補應和布政而心猶未滿也聞鋪大出頗有愛民之心屢飭明  
民廣立學堂又聞評各省件立商會該省出居心較作念我帝位惟大必  
希旨之功於是西飭各社民立學堂又委該進士陳教授勸民立學項  
省出出贊揚立農商會招人招股如三未成又於平順省商會該示招股  
合商及聞廣南首民之搜事起各省學堂商會中八各行因致該一聞之下  
惶惶更甚又恐因此失職有計罪既盡委其罪於該進士以因自脫斯情一  
又恐一旦解京倘有聞訊涉及學堂商會該進士聞報累及該省  
亦不如此等移互殺以圖儆口奸情二  
且也此居任亦自暴甚大過未及  
計較以刑為威電飭各省一切造德嚴  
自東南來科亦一途與此等報南人必注一民民則  
小者查而兩必必多一為升官進爵與事詳

見劉通王令已刊列西王官不以此事為我唯一、且以此致使此及六使處志亦未明言其罪、  
而南宮亦嘗念有以此為過此機會一能即然、此非此一次嗚呼

彼者宜以此機會為轉念與其不全獲、好意未必以切甚且有罪希欲使  
之暴怒非惟免罪或大獲功且聞各省起用身內手殺正得五切機會而  
已省寂寞每事未免向隅於是此罪之心為求官一念合而作惡而進士  
更在生理更果也該省官一殺該進士之後五升何靜省巡撫聞該省此到  
彼省新殺亦多至今未審已升至何職矣奸情此以各省大此以不肯有相殺  
惟於南宮能依詐文致使此暴怒更甚假公使少有仁心則南人亦蒙其禍現  
平順省陽陶公拒飲依令不肯留學堂值商會捕印士且以此居奉省南宮  
希欲使皆尋事羅賊奉省人法抄重案公一切嚴拒不肯記名且代為一白事

得放竟能保全一省至今不罪報聲溢於直隸安誠有若父母名

名亦起而相扶公等之為一省首領區區名

名其公自有濟之鳴呼仁人之其利濟也

名今名包同公名

名宋名不防風名迷名拜名慕名

名不名

嗚呼公其大法周文明之代表哉惟就今日甲州之老省公使其為公女裁人裁其見識心術

不與南宮次出一轍其有幾人哉且也自來各省公使非法之事位迫得南宮出

頭名南宮則名在亦為先以全其所以不待也

已耶一日之殺業俱知南津也移公使益得所藉口美嗚呼殺人無罪而且有人

特何忌憚牛田是公使希飲飲之昔以求升官南宮又希公使皆以望賊以從此

今兩不官希望完貴之熱念所而作惡而復進士益無全理是果也一殺決進士

之後而復為公使更先預首官立見升也矣好四

且也該省必殺該進士。後省城內外竟敢講騰又接全權大臣減死。電  
該省必自知。各紳莫如深不肯宣洩又恐伴從人這晉在。認領埋葬  
偶滴風聲傳播遠近必有一番輦高從此列聖不空。返解回籍不許進  
領尸首。是由此奸五

且也此事定後東洋乘公各日程多特  
公論摘拾其奸謔論沸騰從此兩王相德匿一梁派沒而後進士免  
殺。理由及焉。辰如死。案云一切所沒不敢後有。宣揚。奸六

有。此六奸情。化知其事。其莫不憐其冤。而自來兩王相德。神莫肯為。三角  
審知。官卷。以此。決案。省。今已用。右。早。得。升。近。一旦。同。審。奸。情。悉。察。必。至  
得。外。不。性。且。因。此。深。及。各。省。日。此。決。以。多。殺。得。宣。亦。此。岸。連。而。及。之。官。場。局。面

以是一番變動而今，南宮又皆隱在，法室，肘下各有根柢，各有指顧，用殺  
人而得無集賊之法室，何不令之寧志，令寬宥了人民，嗟，寧同此而累及兩  
至人親愛，一感情寧此同而集兩不前途，一障碍而失不厥，以南不伸民知百  
除慮死寬宥，一性令果及南宮，一毫末權利至，一隆隆，以示我，即翼言不長  
也州才悲哉

向上二案姑舉，據所知較詳者言之，今又清舉，尚長各省寬慘，據稟情形，為所知  
而未甚詳，其及事後所傳聞，共一畧敘如左

廣南省 臨在

身休 為展聚在使座左右，辰為習兵，可趨逐，投死，共三次事後

此次兵多，沙洋，或言五人，或云六人，今尚未詳。此次廣南省民，是固訟後



此處就捕監仲士後九平日冲士所不消事案一切推毀日平日與仲士相往來其子某被捕  
於有捕人能備此學堂亦有馬少取人財物者今其兵中其某某丁級學堂生捕教師

是後各社化有學堂五

飭青衿兵法宜將習二十餘人到處毀破搶捉以臨大敵在在情村不可勝言其舉其確知

此三岐府東河縣西福社核平矣設立學堂一所法文法文教師各一曾中平原名是年三月教師

聞法兵官抵到以為兵官此行不過彈壓亂民而不知其毀學堂已將學童出

場門大路外分作兩立迎候兵官該兵官不答立物退入奉場列座令教師將

兩日法文課本使學童讀過一遍又令學童起体操試行操練一遍兵官

帶劍督自立視辛然親于相教師頸足踢倒地喝令習兵有打此者不背傳兩手奉

之而出學童每知見此凶橫越牆而走有傷面者有傷手足其哭泣惶悚狀不忍

書又批便堂見備啓年六十餘又批學堂所廢一負民民及鄉民教以人利與二教放逐

連中

從後每打加銀十一年

師共結一絕使習無序兩走自知抵省約一日程長方盛暑者理不許定是不許

復飢渴不許飲會鳴呼酸矣

從後每打加銀十一年

按本社學堂設立已歷三年係因書法法位

未及學堂有欲入場途現去學堂執到所巡候以示敬意法成亦注谷札人改  
相傳為美事云此次在省維有負民聚會而鄉村業堵如常書聞兵官抵到  
維知為捕紳士而不意果以為說法喧親行必不至大甚耳且邊見法官出言其者  
為因書法也故示以此批候不謂遭此巨村抑示可笑可憐矣

禮陽縣官林社設立學堂學童男女共一百餘名男教習師三人女教師一人  
聞兵官抵到學童走散兵官即將學堂毀破武作馬既或作習無住房此業

諸物半以爲新其法將該學堂撤下移精別處以爲習兵妻子住其几業存其許  
該兵妻子若作生几及境突一富鳴呼奇至該社里長黎基干學堂一歎和解  
省因三年<sup>外</sup>女教習黎民亦在傳解省撤省後思法丈人某爲一乞於行政粹  
補上二事舉<sup>補</sup>所確知者言之其他各府縣社民在有志學堂其無不以此法施  
之即桂山縣初平社陳某稍通法文解法學文<sup>書</sup>南省煤鑛商<sup>用</sup>用<sup>法</sup>爲派  
即其宗五乃學堂<sup>此</sup>辰兵官板到立殺其宗五兵房久屯住陳某恨適省自汪  
爲作賊至今嚴捕未已云其他不勝計矣

接續之情形

<sup>年律</sup>是辰法兵<sup>在</sup>在<sup>省</sup>學堂<sup>中</sup>士<sup>既</sup>目<sup>爲</sup>作賊<sup>其</sup>官<sup>乘</sup>之

到處如臨大敵除設學堂擒教師外肆習兵多爲不法之事擄累接續人民被

惟候者不能堪茲請畧陳如左

核本北田祿社學堂門外有鄉民為詐夫妻形迹送一小店販買酒食以謀朝夕習兵闖入該店將酒肉盡行掠去飲啖飽又將該店打傷解送後在逃脫又捕該妻之弟馮解赴省於光緒五月

又於本社學堂內有善鷄一群約四五十頭以供師饌亦肆習兵逐捕至會官又沿途闖入人家肆捕鷄鴨核族兄為稽有鴨一群為該兵打死攜而去該兄使妻子與一弟亦習兵群聚以鎗桿亂打兵人情憤恚我至學事該兵以妻而去

又富林社設學堂長籍事闖入人家謂之檢察傾篋倒篋每所不至核外姓宗亦為所掠聞檢辰多有奪取財物也

此年所確知者其他凡有差謬之社村皆老莊一二日勤民供飲食謂之飯罰  
習無亦多獲標境不勝之此事大有學堂之省其不省之文步以辭尤甚

### 逮捕戚屬

是辰仲士既捕仲士後多有累及親屬即如積堂兄九品潘濟既老且病  
被捕如苦差一年寓林北里長黎甚及黎氏進亦於家亦兄批進士黃叔沅  
補監在者其甥黃灌赴省探視亦如監罰五月法定教習師阮翰之弟阮潘  
赴學堂探元亦捕囚五月孝人潘堯之胞兄亦被捕監案未詳亦有捕及  
其妻父耳廣南省仲士戚屬及各界被捕監拷打甚多不勝計其案  
去奉人既何卑而潘避匿在國學十以行所習學法云長事起時皆電報四國苦五六人首領四身立批抄  
除仲士徒流外下自二月苦差上自三年約一百餘開為長抄案亦異志  
業讀奉人但利亦外不聞其妻及其女及百計山勤讀宗初謝為今一量力免云而連押一合至全尚  
南正有史以來之他無僅有夫也若不信飭將喘長案詞翻譯一為過目

未供止入不支安得之中外也  
尚亦乃傷心慘惻矣

### 廣美省

是年廣美省貧民聚在省城者頗多本省公使以兩官餉

在兵放餉殺斃死傷頗衆人心憤恨不肯去又聚群爭赴放餉處群呼

以末速死社語故測死傷七百餘名多至又聞是辰貧民被死或傷在城門外

痛哭呼号非東而有忽有商政官自知抵省行徑傷民以知偶歷其是病

者痛呼貧民乃環聚該官車前不使得去商政官停車以所款貧民丈

呼欵丈丈入省城語與公使曰貧民以不堪稅役然必減徒手而未別無他意

公使憐憫勿多傷殺事商政官允之且使車丈驅而過貧民不肯被

為大官爭事丈休入語公果休見允大家等領為丈官推車商政乃罷車城外而

入使見城上使人持銀五十元與貧民使文還讀而政事貧民群呼曰

今城外聚近<sup>七八</sup>千<sup>八九</sup>公使若許限此所用不敢出但飲勿<sup>八九</sup>必無效饋耳

又聞貧民初在在省舊公使傷逐去且曉汝等若欲革命須待數十年  
汝以為之今不過等死也耳於是令軍兵放鎗貧民多死傷也

又聞事法人民死亦多但皆亦伴紳士死亦配寬命及苦差二十年十年夫  
人其餘至其發牢堡輕者在本省<sup>不</sup>苦<sup>下</sup>百人

又聞原布政使黎就潔及紳士阮<sup>何</sup>解未監三月案成在本省死失得  
罪情<sup>中</sup>未<sup>中</sup>曉具其人<sup>中</sup>未<sup>中</sup>知但聞人言<sup>中</sup>皆謂此案為<sup>中</sup>涉<sup>中</sup>嫌<sup>中</sup>誣<sup>中</sup>

但此事暗昧滋甚又事屬樞要人多不敢啟齒者故<sup>中</sup>疑<sup>中</sup>其<sup>中</sup>覆<sup>中</sup>衣<sup>中</sup>云

平定省

該省事體未詳但聞臨長殺死及傷去頗多云又事

後知決約二三十人以上聞該省事是後公使亦以斬該省德督大員以此次難  
貧民無知肇事能法而先之無甚害事宜擇為首二三人如朱其為分別定  
罪公使不允電稟撤職德仁共希旨羅激故戮殺厥誘去

其紳士及里豪人民流<sup>如此</sup>寬<sup>如此</sup>希及苦差八七年七八人其業<sup>情</sup>寬<sup>情</sup>否不得而知

但<sup>核</sup>在寬<sup>核</sup>希潤見解未去公中有一人業內錄謂該名身乃首將才

手携地圖入山招謀占據起亂云後<sup>核</sup>訪知其人年約二十五而及粗厚<sup>六</sup>語

意<sup>核</sup>一見<sup>核</sup>而知其非解事人之性<sup>核</sup>細<sup>核</sup>其族末<sup>核</sup>姓<sup>核</sup>該<sup>核</sup>多<sup>核</sup>胡<sup>核</sup>水<sup>核</sup>意<sup>核</sup>家<sup>核</sup>家<sup>核</sup>族<sup>核</sup>子<sup>核</sup>不

學前年省師試以錢買得秀才一姓自後在涼生茶居省民事趨南宮迎其

為証挺嚴監重案依例家以贖法秀才惜亦不肯遂証為首將此死流其為  
云即此以規則湯辰各省黑暗之情形不期而合恭南味平日固以此心腸因此  
救濟吏

宛安省

本後果有新籍否未詳其他徒年僅及在本省苦差共約十

餘人

慶和省

該省民一味安業全無劫靜該省必經殺進士陳季恰

外間亦涉及無辜共但八九人也共苦監數月祇釋亦有罰一二年也

平順省

該省民亦無劫靜若省必希欽使昔尋事羅俄十餘

人抄業或十年或八年五年不等考省公使滿而為人平公抄抄不肯異為抗

洛為之山有放釋每人過罪但有為南安二月耳

承天者

聞陪長亦有放鎗共死傷數未詳或云死一人傷四五人事後果

有新殺為君未詳紳士<sup>必外</sup>流<sup>必外</sup>奮<sup>必外</sup>竟<sup>必外</sup>比一人聞徒字堡及在省首善身有之

河靜省

聞該省負良相傳各省乞稅廢減相聚赴縣訟乞然亦三

五十人非如各省之多亦未有抵省城者

又聞省紳士或因武斬事未詳

此舉其所知也畧陳之

此省紳士<sup>必外</sup>知<sup>必外</sup>死<sup>必外</sup>信<sup>必外</sup>竟<sup>必外</sup>奮<sup>必外</sup>比<sup>必外</sup>四五人<sup>必外</sup>據<sup>必外</sup>確<sup>必外</sup>知<sup>必外</sup>其<sup>必外</sup>實<sup>必外</sup>

者為進士吳德健一案該進士父吳連惠是年現為禮部奉知該進士自辛丑

登第後<sup>與同十</sup>不肯出<sup>任</sup>在<sup>任</sup>宗<sup>任</sup>立<sup>任</sup>商<sup>任</sup>庸<sup>任</sup>又<sup>任</sup>立<sup>任</sup>學<sup>任</sup>堂<sup>任</sup>及<sup>任</sup>書<sup>任</sup>社<sup>任</sup>各<sup>任</sup>事<sup>任</sup>系<sup>任</sup>于<sup>任</sup>九<sup>任</sup>百<sup>任</sup>七<sup>任</sup>年<sup>任</sup>為<sup>任</sup>奉

省按察使高玉體<sup>任</sup>該<sup>任</sup>進<sup>任</sup>士<sup>任</sup>作<sup>任</sup>賦<sup>任</sup>捕<sup>任</sup>監<sup>任</sup>在<sup>任</sup>省<sup>任</sup>一<sup>任</sup>年<sup>任</sup>先<sup>任</sup>兵<sup>任</sup>定<sup>任</sup>壯<sup>任</sup>亦<sup>任</sup>世<sup>任</sup>証<sup>任</sup>據<sup>任</sup>東<sup>任</sup>京<sup>任</sup>

法日京委其各尚書界且指摘該按察為跡外同有知其冤此案遂不戰  
將放釋矣千九百八年各省民起事飲使一府也一律信招死流竟死命父參知示  
令致仕嗟乎天下豈有事至此而明目張膽以死為戲補入人罪

又聞雲南省布政使范玉廷既殺進士陳季怡後立升漢巡撫該省小

抵位此捕殺回五人但與未詳其姓名及其情狀耳

其餘徒牢堡上及在本省者與其姓名約四五人

又安省  
此省民社祇有相聚三社起也府縣懇乞亦有未赴省者又

此省德督大臣陳廷朴為人精明白故雖有等憲奉命申稟四五人此間民中每有知新

者其間冤屈情狀未甚詳惟該省刻榜錄元禮一案頗知其詳異陳

如下鄧元謹又安省人皇年為平順督學使被捕交河靜省巡撫臣王廷接  
使察高玉體以拐如死流崑崙命積所干何事所得何罪至今未詳然據上  
所具寬不不可知矣此案以寬情

鄧元謹縱有得罪罪由該保科日史

又現為督學使使逮捕多居不以而報如任至陳教授則不已矣今已捕解使

補缺必死以端解未亦以明估其方乃合例否則解交該省又安省不以拐方為合例今

忽解交河靜省且以是何意見以母以候省巡撫臣王廷按察高玉體

前年曾任階進士吳德健二人別有肺腸故欽使大臣委以審此案耶

轉謂此二人雖心術不正而長於法律可以委以使審重案耶則臣王廷以此

廢得官高玉體以階卸獲賊

高玉體為朱清新牙子乙酉年朱清復使仰士起美倫如事在順  
慶出首而由周高玉體乃法官使人使人就王醇請該使

與法亦以便來公之意者使後作謀之又使來公於某知相

待來公信且言使往他處亦請兵團捕該乃親擒送與公許其事而遂殺之以此以中旨此中事亦不知大

平日到文人民以怨怒自南宮之稍曉事理其不為其為人欲使何所取而使之審  
重業乎其亦以敢於獵人也嗚呼以此指之其冤情不亦自明矣

兵官投索之刑情

又聞此省中各處有乞搜求有學堂之新付青袴其亦

到文屯駐三日或四日四司令社民供餉習兵乘其機及鴉犬民益不堪感  
思亂還不道之機乘機而起橫行社民措亂益甚走撥兵官抵之則賊又他  
往兵官責以投告不早又屯兵三四日為餉餉之罰則去兵乘其無高下是不  
以橫暴掠為第一策嗚呼社民何辜遭此荼毒至此也耳至今此輩尚隱仗山林  
兵官與之奈何共有鄉民重獲象番餉餉及盜兩層苦實而已汝路送其

何以堪哉

清化省

聞此省新民惟有相聚，之於然未有赴省者。然為后該公使速

紳士嚴監毒打者，打至一二百鞭者。臣該省亦政使阮諒令嚴查該省小見者

打者，過五封公使謂事無証是而打者，至是將無從人估賦耶。遂不肯報查後

因告病而今聞有神示大所任大風，信結重業如死，終官比審。洲在嘉帝見解

來神士五人西野，得腔血肉淋漓，多有不能步行者。則慘酷甚矣。

發配后，慘狀

發配！看各省惟看南紳，由稍寬。其他雖有虐待，亦不至

未甚。惟靜大者，二省紳士交兵官押解，血人贈以指，大麻繩皆係其手。是不

行劫，彈及下輪船後，亦不肯報。鬆列械在船輪上，渴不許飲。大風兩輪而卒。

濕不乃一楊置有叫笑噴痛

中圻民變始末記

Giá : 420đ.